

HOAN CHÂU KÝ

THIÊN NAM
LIỆT TRUYỆN

NGUYỄN CẢNH *thị*

天南列傳
驩州記

Nguyễn Thị Thảo dịch
Giáo sư Trần Nghĩa
khảo đính và giới thiệu



NGUYỄN CẢNH THỊ

THIÊN NAM LIỆT TRUYỆN HOAN CHÂU KÝ

天南列傳驩州記

Bản quyền tiếng Việt © 1988, 2004, 2011 Nguyễn Cảnh thị và Nguyễn Thị
Thảo

Nguyễn Thị Thảo dịch

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Lời giới thiệu

Hoan Châu ký (viết tắt *HCK*) từ vòng tay nâng niu gìn giữ của dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An suốt mấy trăm năm giờ đây lần đầu tiên đến cùng chúng ta với những đặc điểm nổi bật làm nên giá trị lâu dài của nó: một bộ tiểu thuyết chương hồi thuộc loại cổ nhất, một tập sử tư nhân viết về thời kỳ Lê trung hưng, một cuốn phổ ký mang nhiều nét khác lạ...

Nhưng *HCK* đồng thời cũng chứa đựng những phức tạp về mặt văn bản. Để mở đường cho việc đi sâu vào tìm hiểu giá trị *HCK*, trước hết hãy làm rõ một số vấn đề có tính chất văn bản học.

I. NHỮNG VẤN ĐỀ VĂN BẢN HỌC *HOAN CHÂU KÝ*

1. Năm biên soạn sách

HCK không ghi rõ năm biên soạn xong sách, tuy nhiên qua tác phẩm, ta có thể đoán định khoảng thời gian *HCK* được biên soạn. Lời bạt có đoạn viết: "Chuyện kể ra đây khởi đầu từ năm Bính Tuất triều Nhuận Hồ, đến năm Bính Ngọ thuộc niên hiệu Vĩnh Trị của bản triều cộng cả thảy 273 năm sự tích". Năm Bính Ngọ niên hiệu Vĩnh Trị là năm 1678, thuộc thời Lê Hy Tông, như vậy sách không thể viết xong trước niên điểm này. Từ hai chữ "bản triều" cũng có thể khẳng định sách được viết ra vào triều Lê chứ không phải là vào các triều đại sau đó.

Có thể xác định năm biên soạn sách một cách cụ thể hơn không? Trong *Lời bạt*, tác giả viết:

"Ngu tôi hồi còn bé từng lòng sục nơi bạn hữu được cuốn *Thường quốc nam chinh ký* và cuốn *Phan Thị trường biên*, mỗi cuốn chỉ còn vài mươi tờ, độ một phần ba tác phẩm. Giấy thì mọt ăn, chữ thì rơi rụng. Đến mùa đông năm Bính Tí sưu tầm thêm được cuốn *Hoan Châu Nguyễn Cảnh ký* còn lưu giữ tại Đô Lương thì lời văn vụng về, chữ nghĩa sai lạc, tam sao thất bản, không thể nói là không đáng tiếc. Vậy là nhân lúc rỗi rãi, tôi đem ba tập trên hợp lại thành một tập". Năm "Bính Tí" mà *Lời bạt* nhắc tới ở đây có thể là năm 1696 cũng có thể là năm 1756, muộn hơn năm Bính Tí trên một hoa giáp nữa. *Lời bạt* cho biết lý do ra đời của tác phẩm, một là nhằm bổ sung sự tích các công thần thời Lê trung hưng mà "quốc sử" hoặc bỏ sót hoặc ghi chép còn sơ lược; hai là nhằm đính chính lại một số sự kiện "quốc sử" ghi chưa thật chính xác. "Quốc sử" mà *Lời bạt* nói ở đây và trong chính văn *HCK* thỉnh thoảng cũng có nhắc tới trước hết là *Đại việt sử ký toàn thư* (viết tắt *ĐVSKTT*) phần *Bản kỷ tục biên* (*BKTB*) được thực hiện dưới các triều Lê Huyền Tông (1663-1671), (viết từ Trang Tông Dụ hoàng đế đến Thần Tông Uyên hoàng đế) và Lê Hy Tông (1676-1705), (viết từ Huyền Tông Mục hoàng đế đến Gia Tông Mỹ hoàng đế). Thứ đến là *Trung hưng thực lục* (viết tắt *THTL*), do Hồ Sĩ Dương cùng một số người khác biên soạn theo sắc lệnh nhà nước. Trong cả hai bộ sử, hình ảnh các công thần thuộc dòng họ Nguyễn Cảnh hoặc chỉ được ghi chép một cách hết sức mờ nhạt như ở *BKTB*, hoặc thậm chí không được đề cập tới như ở *THTL*. Nếu quả thật đây là lý do

đã khiến người trong dòng họ Nguyễn Cảnh viết *HCK*, thì năm biên soạn cụ thể của tác phẩm phải tiếp cận với năm biên soạn hai bộ sử nói trên. *THTL* ấn hành năm 1676. *BKTB* cùng các phần khác trong *ĐVSKTT* ấn hành năm 1697. Vậy *HCK* rất có thể đã được viết ít lâu sau năm Bính Tí thứ nhất 1696, sát cận với năm công bố *THTL* và *ĐVSKTT* mà chẳng phải chờ đến năm Bính Tí thứ hai 1756, khi nổi “bất bình” của dòng họ Nguyễn Cảnh đối với “quốc sử” đã lùi sâu vào dĩ vãng.

2. Tác giả

HCK không ghi rõ tên tác giả. Nhưng vẫn có thể thấy một phần câu giải đáp qua việc so sánh cách ghi thể thứ trong *HCK* mà ta tạm gọi là bản B (ứng với loại gia phổ của dòng họ Nguyễn Cảnh viết theo dạng tiểu thuyết chương hồi), với cách ghi thể thứ trong một vài cuốn gia phổ khác cũng của dòng họ Nguyễn Cảnh hiện còn được lưu giữ tại Nghệ An mà ta tạm gọi là bản A2 và bản A3 (A ứng với loại gia phổ của dòng họ Nguyễn Cảnh không viết theo dạng tiểu thuyết chương hồi) sau đây:

Chỗ giống nhau giữa ba bản phổ ký là đều ghi chép đầy đủ sáu thế hệ đầu của dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An, từ Nguyễn Cảnh Lữ đến Nguyễn Cảnh Kiên. Riêng bản A3 và bản B còn ghi chép giống nhau đến Nguyễn Cảnh Hà. Phần khác nhau trong từng cuốn gia phổ do vậy sẽ trở thành tiêu chí tự nhiên để phân biệt gia phổ của chi họ này với gia phổ của chi họ khác trong dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An nói chung. Bản A2 bắt đầu ghi khác nhau từ Nguyễn Cảnh Ất, ta có thể gọi đây là gia phổ của chi họ Nguyễn Cảnh Ất. Bản A3 bắt đầu ghi khác nhau từ Nguyễn Cảnh Cái, ta có thể gọi đây là gia phổ của chi họ Nguyễn Cảnh Cái. Cũng vậy, bản B tức loại gia phổ viết theo dạng tiểu thuyết chương hồi như *HCK* bắt đầu ghi khác nhau từ Nguyễn Cảnh Quế, ta có thể gọi đây là loại gia phổ của chi họ Nguyễn Cảnh Quế.

Thế hệ	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Bản	Lữ	Luật	Cánh	Huy	Hoan	Kiên	Át	Hiền	Nhân
A2	Dạng	Lộc	Đồn	Tương	Điện	Chương	Thiệu	Vàng	
Bản	Lữ	Luật	Cánh	Huy	Hoan	Kiên	Hà	Cải	Quyền
A3	Linh	Viết	Ứng	Nhượng	Hưu	Thân	Hưng	0	0
Bản	Lữ	Luật	Cánh	Huy	Hoan	Kiên	Hà	Quế	0
B	0	0	0	0	0	0	0	0	0

HCK là gia phả của chi họ Nguyễn Cảnh Quế, điều đó có nghĩa tác giả *HCK* là người trực tiếp liên quan đến chi họ này. Khi *HCK* hoàn thành vào khoảng ít lâu sau 1697, thì Liêu quận công Nguyễn Cảnh Quế đã mất trên dưới 30 năm . Có thể nghĩ người soạn *HCK* nếu không phải anh em, thì cũng là thế hệ tiếp ngay sau Nguyễn Cảnh Quế.

Có điều, hình như tác giả *HCK* không thích xuất đầu lộ diện, Người soạn sách chỉ muốn xem tác phẩm của mình như là món quà chung của dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An hiến dâng cho cả nước. Nói cách khác, tác giả *HCK* là người trong họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An xưa .

3. Tên sách

Dễ dàng phát hiện trong *HCK* một số tên gọi khác nhau về sách. Đầu Hồi ba, có ghi: “Thiên Nam liệt truyện quyển đệ lục, Nam Đường phiếm thoại tứ hồi tam, Nguyễn Cảnh thị Hoan Châu ký” (*Thiên Nam liệt truyện*, quyển thứ VI; Nam Đường phiếm thoại, hồi thứ III trên tổng số 4 hồi; *Hoan Châu ký* của họ Nguyễn Cảnh). Đầu Hồi bốn, cũng có ghi: “Thiên Nam liệt truyện quyển đệ thất, Nam Đường phiếm thoại tứ hồi tứ, Nguyễn Cảnh thị Hoan Châu ký” (*Thiên Nam liệt truyện*, quyển thứ VII; *Nam Đường phiếm thoại*, hồi thứ IV trên tổng số 4 hồi; *Hoan Châu ký* của họ Nguyễn Cảnh). Có thể

nghe đây là cách ghi nhất quán trước mỗi hồi sách lúc ban đầu, nhưng về sau, trong quá trình sao đi chép lại, người chép đã tự ý lược bỏ hoặc chép sót các tiêu đề này ở các hồi, trừ *Hồi ba* và *Hồi bốn*.

Vậy trong số các tên gọi trên – *Hoan Châu ký*, *Nam Đường phiếm thoại*, *Thiên Nam liệt truyện* – đâu là tên gọi chính thức của bộ sách?

Trước hết, hãy nói về *Thiên Nam liệt truyện*. Theo sách, khái niệm “Thiên Nam” có hai nghĩa rộng và hẹp khác nhau. Nghĩa rộng, chỉ nước Việt Nam, như trong câu nói sau đây của Phan Ngạn, một nhân vật trong *HCK*: “VẬY mà nay khi đất *Thiên Nam* dần dần ổn định, Chúa thượng lại đem dạ nghi ngờ, trừng trị ráo riết bọn bề tôi” (*Hồi ba*, *Tiết thứ ba*). Nghĩa hẹp, chỉ vùng Thanh – Nghệ – Tĩnh, như trong bài văn bia do Lưu Đình Chất soạn cho chùa Bụt Đà ở Đô Lương được chép trong *HCK*: “Châu *Thiên Nam* từ xưa có ngôi chùa Phật nổi tiếng ở Bụt Đà” (*Hồi bốn*, *Tiết thứ nhất*). *Thiên Nam liệt truyện* do vậy có thể hiểu như là tên một tập sách bao gồm sự tích các nhân vật nổi tiếng vùng Thanh – Nghệ – Tĩnh, căn cứ địa của nhà Lê trung hưng, hay nói rộng ra, trên địa bàn Việt Nam nói chung dưới triều Lê. *Thiên Nam liệt truyện* là một bộ sách gồm nhiều quyển, trong đó các quyển 4, 5, 6 và 7 dành cho *HCK*.

Tiếp đến là *Nam Đường phiếm thoại*. “*Nam Đường*” nơi phát tích của dòng họ Nguyễn Cảnh, là tên một huyện thuộc Nghệ An thời Lê. Tác giả *HCK* giải thích lý do sử dụng tên *Nam Đường phiếm thoại* như sau: “Đã nói là sách của dòng họ Nguyễn Cảnh, lẽ ra chỉ chép về một gia tộc thôi. Đằng này lại có nhiều đoạn dính líu tới quốc sự, nhiều chứng cứ viện dẫn từ sách cổ, không thể không cài thêm vào nhan đề mấy chữ “*Nam Đường phiếm thoại*”. Chữ “*thoại*” ở đây không đề riêng cho dòng họ Tấn quốc công, mà đề chung cho chuyện phiếm *Nam Đường*” (*Lời bạt*). Thế có nghĩa là *Nam Đường phiếm thoại* cần được hiểu như một định ngữ nói lên tính chất “vượt khỏi khuôn khổ gia phả” của *HCK*.

Cuối cùng là các chữ “Nguyễn Cảnh thị Hoan Châu ký”, cái tên soạn giả đã sử dụng để mệnh danh tác phẩm của mình, như *Lời bạt HCK* cho biết.

“Hoan Châu” tức Nghệ An xưa. Hoan Châu ký là tập truyện viết về Nghệ An, lấy “dòng họ Tấn quốc công” làm chủ thể. Nguyễn Cảnh thị *Hoan Châu* ký vì vậy có thể hiểu như là tập truyện ký viết về dòng họ Tấn quốc công ở Nghệ An, do dòng họ Nguyễn Cảnh thực hiện. *Hoan Châu ký* là tên chính thức của tác phẩm. “Nguyễn Cảnh thị” vừa là trung tâm câu chuyện, vừa là tác giả bộ sách.

4. Nguồn tư liệu để viết sách

HCK, theo *Lời bạt*, được soạn thảo trên cơ sở các cuốn sách đã có sẵn như *Thường Quốc nam chinh ký*. Phan Thị trường biên, *Hoan Châu Nguyễn Cảnh ký*.

Hai tác phẩm đầu chưa tìm thấy, nhưng vẫn có thể phác qua đôi nét về diện mạo và nội dung của chúng, dựa vào các cứ liệu do chính *HCK* cung cấp.

Thường Quốc nam chinh ký (viết tắt *TQNCK*) viết về các cuộc mang quân đi đánh nhà Lê trung hưng ở vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh của danh tướng nhà Mạc là Nguyễn Quyện, tước Thường quốc công, con của trạng nguyên Nguyễn Thuyến, người làng Canh Hoạch, nay thuộc huyện Thanh Oai, Hà Nội.

Tác phẩm dày độ vài ba trăm trang, được biên soạn dưới sự chỉ đạo của tư tưởng "phò Mạc diệt Lê", ngược với quan điểm *HCK*.

Phan Thị trường biên (viết tắt *PTTB*) viết về cuộc đời và sự nghiệp "phò Lê diệt Mạc" của Phan Công Tích, tước Lai quận công, người Thái Xá, Đông Thành, nay thuộc huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Tuy gọi là "trường biên", nhưng trên thực tế, sách cũng chỉ dày khoảng vài ba trăm trang, xấp xỉ *TQNCK*.

Riêng *Hoan Châu Nguyễn Cảnh ký* (viết tắt *HCNCK*) nay còn có thể thấy bóng dáng qua một số tập phổ ký do dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An hiện lưu giữ, trong đó, đáng chú ý nhất là tập phổ ký của chi họ Nguyễn Cảnh Cái con cháu của Thiếu phó Tả tư mã Phò mã Thằng quận công Nguyễn Cảnh Hà, tức bản A3 mà trên kia đã nói tới. Tập phổ ký này gồm khoảng

trên 100 tờ giấy bản gấp, khổ 26cm x 14cm. Mỗi tờ được viết cả hai mặt a và b, từ phải sang trái; mỗi mặt 7 dòng, viết từ trên xuống dưới; mỗi dòng có trung bình 24 chữ, dòng ngắn 22 chữ, dòng dài 26 chữ. Thành thạo có những dòng cước chú với loại chữ cỡ nhỏ bằng một nửa chữ bình thường của sách. Sách chép bằng bút lông mực tàu, nét chữ chân phương. Góc trên và góc dưới của sách đều bị sờn nát, mất chữ. Sách không có bìa. Thiếu một số tờ đầu và tờ cuối. Điều đặc biệt là sách còn giữ được bài tựa nhan đề *Hoan Châu Nguyễn Cảnh gia phổ dẫn*, soạn vào năm 1672, toàn văn như sau;

“Dòng chảy xuất tự nguồn, giống cây truyền nơi hạt. Huống chi tộc họ này cành lá sum xuê, cháu con đông đúc, có thể nào không dõi lại gốc gác của mình chăng?”

Tổ tiên ta vốn từ Đông Lĩnh di ngụ Hoan Châu, lấy từ tâm mở lối, lấy nhân ái khơi dòng. Con cháu kế thừa gia nghiệp cha ông, khiến tộc họ ngày càng khấm khá. Rồi cầm vũ khí tham gia cần vương, có công với nước. Từ đấy cửa nhà được hiển vinh, con cháu được ưu đãi, miếu đường cúng tế, để phúc đời sau. Đám hậu duệ chúng ta sở dĩ được vẻ vang như ngày nay là nhờ tiên tổ giàu lòng đạo đức, tích góp trung nghĩa. Đây không thể là kết quả của một ngày.

Ta tham khảo các cuốn gia ký cũ như... ký *Phan Thị trường biên* (chép về Lai quận công), lược bớt chỗ văn hoa, giữ lấy phần chắc thực, soạn thành một tập gia ký, lưu lại cho con cháu đời sau, mong qua đây thấy nguồn đạo đức không cạn, hạt giống nghĩa còn truyền, thế cũng là cách khuyên nhau sống trung hiếu vậy. Nay làm bài tựa.

Ngày tốt, thượng tuần tháng hai, năm Nhâm Tí, Hoàng triều Dương Đức năm thứ nhất (1672)” .

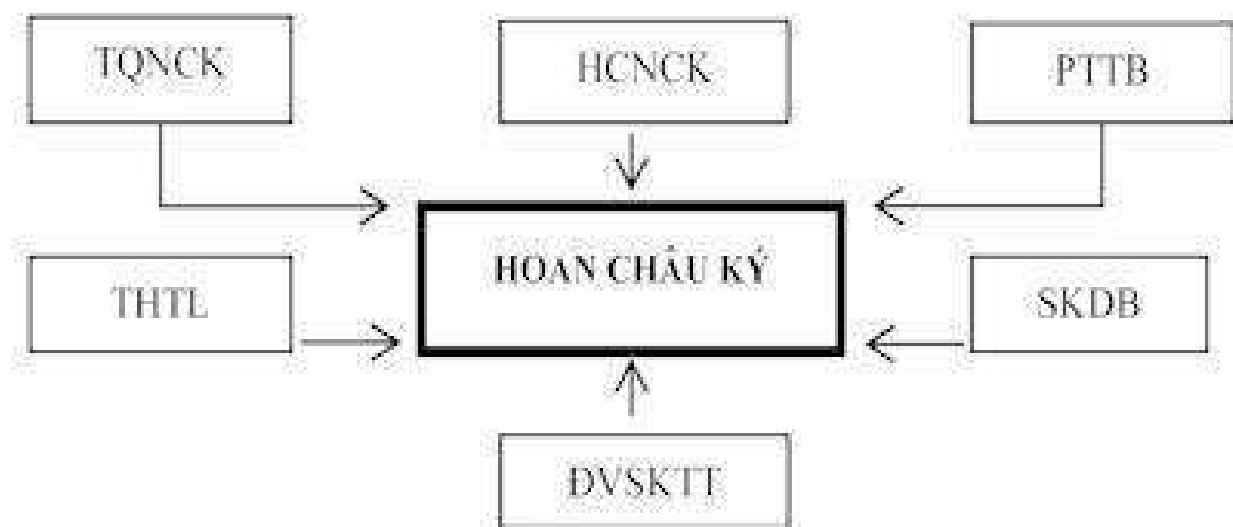
Rất có thể bài tựa trên cũng chính là bài tựa *HCNCK*, tức bản A1. Nếu điều đoán định này là đúng, thì *HCNCK*, tập gia phổ mà *HCK* đã nhắc tới như một trong số các nguồn tư liệu, phải ra đời trước 1672, tức 27 năm sau khi Thăng quận công Nguyễn Cảnh Hà mất (1645). Tập gia phổ do vậy có khả

năng chỉ chép từ Nguyễn Cảnh Lữ đến Nguyễn Cảnh Hà và người soạn *HCNCK* không ai khác hơn là thế hệ con của Thăng quận công.

Mặc dù *HCK* gọi *TQNCK* là sách của kẻ “phản thần nổi giáo cho giặc”, gọi *PTTB* là sách của hạng “bất tài đời sau, chỉ biết bo bo giữ mình”, gọi *HCNCK* là sách “lời văn vụng về, chữ nghĩa sai lạc, tam sao thất bản”, nhưng chắc chắn không phải vì vậy mà chúng không mang một ý nghĩa nào đó, ít ra là về phương diện tư liệu, giúp tác giả *HCK* “đúc lại” thành tác phẩm có tính chất tổng kết của mình.

Ngoài các sách mà *Lời bạt* đã nêu, *HCK* trong phần chính văn còn đề cập tới một số nguồn tư liệu khác nữa như *ĐVSKTT*, *THTL* và *Sử ký đã biên* (viết tắt *SKDB*), những tư liệu tham chiếu khi viết *HCK*.

Như vậy, ta có thể vẽ một sơ đồ về nguồn gốc *HCK* như sau:



Tất nhiên để viết được *HCK*, còn cần nhiều điều kiện khác nữa, trong đó có sự hiểu biết dồi dào của tác giả về dòng họ Nguyễn Cảnh, về đất nước và con người, cùng những tri thức sâu rộng về Hán học mà tác giả đã dày công tích lũy qua nhiều năm đèn sách.

5. Các thể hệ văn bản

HKC có thể được viết ra ít lâu sau năm Bính Tí 1696, thuộc niên hiệu Chính Hòa (1680 - 1750). Vậy ta gọi đây là bản Chính Hòa.

Bản Chính Hòa nay chưa tìm thấy. Một số sách *HCK* do dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An hiện giữ chỉ là những văn bản viết tay, sao đi chép lại từ bản Chính Hòa. Vậy ta gọi đây là những dị bản của bản gốc Chính Hòa.

Trong số các dị bản của bản gốc Chính Hòa, có hai bản tiêu biểu hơn cả. Ta gọi bản thứ nhất là B2 và bản thứ hai là B3 (B1 là bản Chính Hòa).

Bản B2 nguyên là sách do cụ Nguyễn Cảnh Chinh lưu giữ; cụ Nguyễn Song Tùng, năm 1983, theo nguyện vọng của dòng họ, đem tặng lại cho Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Sách nay mang ký hiệu VHv. 4199 và là bản *HCK* cổ nhất hiện biết. Bản B2 có các đặc điểm như sau:

Sách gồm 156 tờ giấy bản gấp, đã ngả sang màu vàng xỉn, khổ 23cm x 14cm. Mỗi tờ được viết lên cả hai mặt a và b, từ phải sang trái; mỗi mặt 7 dòng, viết từ trên xuống dưới; mỗi dòng có trung bình 20 chữ, dòng ngắn 17 chữ, dòng dài 23 chữ. Thỉnh thoảng có những dòng cước chú với loại chữ cỡ nhỏ, bằng một nửa chữ bình thường của sách. Sách được viết bằng bút lông mực tàu, nét chữ đẹp, nửa chân nửa thảo. Có nhiều chữ mang lỗi viết khác lạ. Sách bị rách mất nhiều chỗ. Cụ thể là:

a) *Hồi một*. Tiết thứ nhất: mất các tờ 1, 2 và 3.

b) *Hồi hai*. Tiết thứ ba: mất tờ 69.

c) *Hồi bốn*. Tiết thứ nhất và Tiết thứ hai: mất các tờ từ 121 đến 133.

d) *Hồi bốn*. Tiết thứ tư: mất tờ 149.

e) *Hồi bốn*. Tiết thứ tư: Lời bạt: mất tờ 155b và tờ 156.

Về niên đại bản sao, mặc dù sách không ghi chép, ta vẫn có thể đoán định được qua các chữ viết kiêng húy tìm thấy trong văn bản.

Trước hết là chữ “*đề*” được viết thành *đề*, trên có ba nét gãy, thường gọi là bộ tông, dưới là chữ “*đề*” với nghĩa mang xách, được viết đảo bộ, xuất hiện

trong các câu “gia thẳng Đề đốc” ở tờ 27a, dòng 1, “quan chí Đề đốc” ở tờ 151b, dòng 3. Đây là chữ húy đời Lê. Đến năm Vĩnh Thịnh thứ 10 (1714), ta thấy chữ “đề” không còn được nêu trong danh mục 34 chữ húy công bố (xem *Đoạn từ thể thức*, sách Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A. 1983, tờ 19).

Thứ hai là chữ “chủng”, được viết thành “trọng” nép vào phía bên phải của dòng, để khuyết bộ “hòa” là lúa, hay bộ “túc” là chân ở phía bên trái của dòng, xuất hiện trong các câu “lão ông viết thử *chủng* nhân tâm” ở tờ 4b dòng 1; “canh *chủng* lập nghiệp” ở tờ 4b dòng 3; “hữu nhất tiểu đồng *chủng* hậu” ở câu 4b dòng 4; “lão ông thánh bãi tâm *chủng* ưu nghi” ở tờ 5b dòng 4; “*chủng* kỳ thuận tắc thiên mệnh” ở tờ 9a dòng 2; “canh *chủng* lập nghiệp” ở tờ 10b dòng 5. Đây là tên húy của Gia Long, được chính thức áp dụng có lẽ từ năm 1807 trở về sau (xem *Đại Nam hội điển sự lệ*, Q. 261, phần *Cấm điều*). Lại thấy các chữ “đảm” (tên của Thiệu Trị), “nhậm” (tên của Tự Đức) và một số chữ khác thường được viết kiêng húy từ đời Tự Đức về sau như “tông” (viết thành *tôn*), “thời” (viết thành *thì*) sách đều viết bình thường.

Các hiện tượng trên đây, cùng với độ cũ nát, “bờn mực” của văn bản, cho phép ta đoán định bản B2 có lẽ được sao chép vào đầu triều Nguyễn. Chữ “đề” viết kiêng húy có ý nghĩa như một biểu hiện trung thành với bản gốc, tức bản Chính Hòa B1 trong quá trình sao chép. Bản B2 do vậy còn có thể gọi là bản Gia Long.

Việc kiêng húy ở bản Gia Long thực ra cũng rất tương đối. Chứng cứ là ở một số nơi khác trong bản B2, chữ đề (ở các tờ 29a/1, 30a/4, 34b/1, 39a/5, 50b/5, 71b/4, 83a/7, 135b/4...), chữ *chủng* (ở các tờ 15 a/5, 16a/7, 58b/1, 60b/4, 111a/7, 111b/2...), đều được viết bình thường.

Bản B3 nguyên cũng là sách do dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An lưu giữ. Viện nghiên cứu Hán Nôm hiện có một bản photocopie mang ký hiệu VHv. 3588. Nguyên bản có các đặc điểm như:

Sách gồm 194 tờ giấy bản gấp, đã ngả màu vàng, khổ 25cm x 17cm. Mỗi tờ được viết lên cả hai mặt a và b, từ phải sang trái; mỗi mặt 6 dòng, viết từ

trên xuống dưới; mỗi dòng có trung bình 17 chữ, dòng ngắn 15 chữ, dòng dài 18 chữ. Thịnh thoảng có những dòng cước chú với loại chữ cỡ nhỏ, bằng một nửa chữ bình thường của sách. Sách được chép bằng bút lông mực tàu, nét chữ chân phương, dễ đọc, hoàn toàn khác với lối chữ viết ở bản B2.

Đầu sách, tờ 1a có dòng chữ “Thành Thái lục niên lục nguyệt sơ cửu nhật Nguyễn Cảnh Thăng phụng sao gia phả đại toàn nhất quyển” (Nguyễn Cảnh Thăng phụng sao cuốn Gia phả đại toàn vào ngày mồng 9 tháng 6 năm Thành Thái thứ sáu, 1894). Tiếp đến là phần chính văn. Cuối sách, tờ 194a có dòng chữ “Cộng nhất bách cửu thập nhị trường” (Tổng cộng 192 trường - Đúng ra phải là 194tờ - TN). Tờ 194b có dòng chữ “Thành Thái Giáp Ngọ niên thất nguyệt thập cửu nhật nhĩ tôn Nguyễn Cảnh Thăng cẩn thuật” (Cháu xa đời là Nguyễn Cảnh Thăng kính chép xong vào ngày 19 tháng 7 năm Giáp Ngọ 1894, niên hiệu Thành Thái).

Bản B3 hủy các chữ “tông” viết thành *tôn*, như ở các tờ 9b/4; 12b/1...); “thực” (viết trên bộ *miên*, dưới chữ thị là đúng, như ở các tờ 8a/3, 11b/6...); “nhậm” (hoặc viết bớt nét, như ở tờ 181a/6; hoặc đổi thành chữ *dụng*, như ở tờ 185a/5...); “thời” viết thành *thì*, như ở các tờ 1b/3; 4a/3...); “chiêu” (viết bên bộ *hóa*, bên chữ *triệu* như ở tờ 187a/1...). Việc kiêng hủy này một lần nữa xác nhận bản B3 được sao chép vào năm Thành Thái và do vậy có thể gọi bản B3 là bản Thành Thái.

Vấn đề đặt ra là bản B3 chép theo nguồn nào. Đối chiếu phần chính văn, ta thấy bản B3 chép theo và mô phỏng rất sát bản B2, ngay cả đến những tiêu chí đặc biệt, những chữ viết sai, viết lẫn.

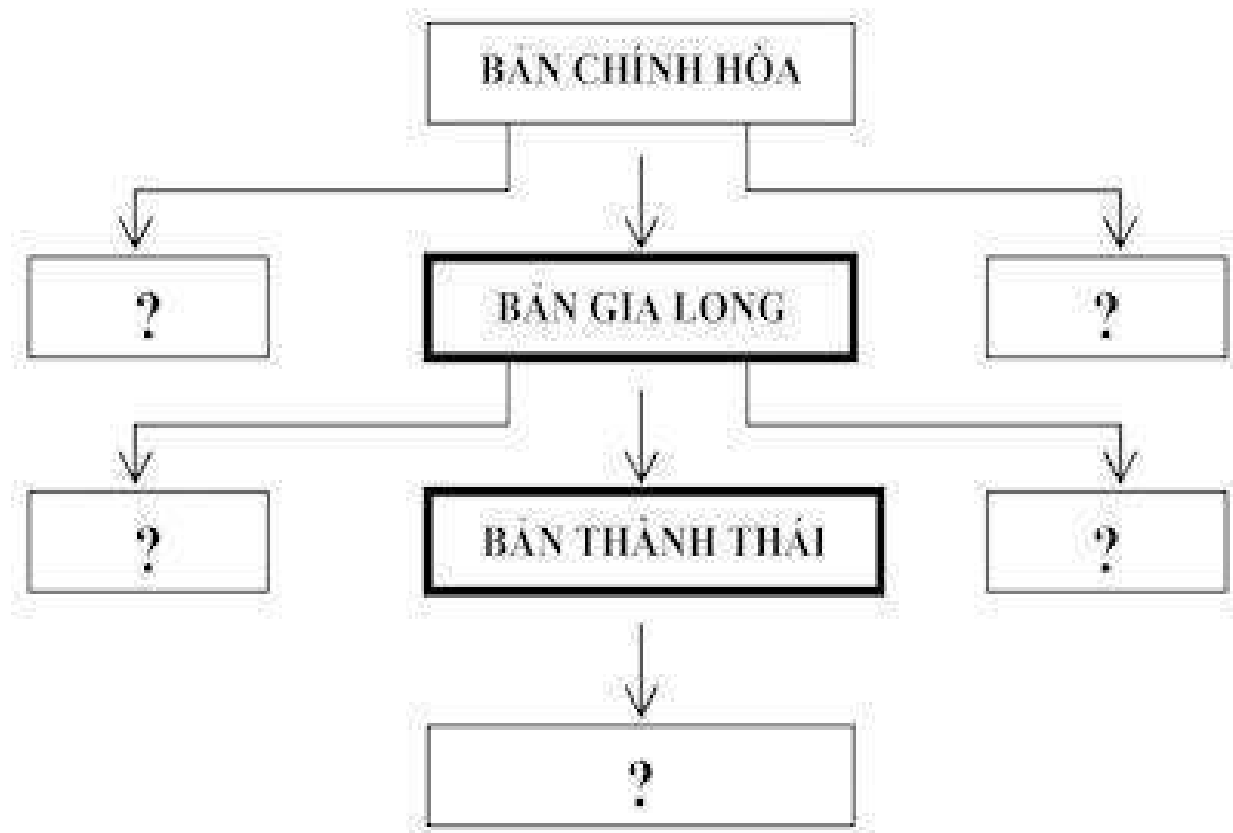
Tất nhiên cũng có những trường hợp bản B3 trong quá trình sao chép đã phát hiện và đính chính lại các sai sót của bản B2. Chẳng hạn ở bản B2, tờ 10a/2, chữ “tán trị công thần” chép nhầm thành “công thần tán trị”, đến bản B3, tờ 12a/5 đã chép đúng; bản B2 tờ 12b/1, trong câu “huy chúng nghênh địch”, chép sót chữ “chúng”, đến bản b3 tờ 15b/5 đã được bổ sung; bản B2 14a/7, trong câu “hà dĩ vi bất ý, bất như” chép sót chữ “bất” thứ hai, đến bản B3 tờ 18b/1 đã được bổ sung; bản B2 tờ 65a/4, chữ “nga” viết nhầm thành

“ngã” đến bản B3 tờ 85a/5 đã chép đúng; bản B2 tờ 99a/5, chữ “tạc tịch” viết nhầm thành “sạ tịch”, đến bản B3 tờ 126b/6 đã chép đúng; bản B2 tờ 100a/7, câu “tiên ngôn bất khả bất ký” chép sót chữ “bất” thứ hai, đến bản B3 tờ 128a/5 đã được bổ sung...

Nhưng bên cạnh việc phát hiện và đính chính một số sai sót của bản B2, bản B3 với tư cách là một bản chép lại, đến lượt nó vẫn vấp phải những hạn chế về hiện tượng “tam sao thất bản” mà bản B2 đã không tránh khỏi. Có tất cả 36 trường hợp bản B2 chép đúng mà bản B3 lại chép sai, hoặc chép sót.

Có điều, dù sai sót thế nào chăng nữa thì bản B3 vẫn là bản toàn vẹn nhất hiện còn, mà nhìn vào đấy ta có thể hình dung diện mạo đầy đủ của bản B2 được coi như đối tượng để bản B3 sao chép và mô phỏng.

Những phân tích trên có thể cho phép vẽ một sơ đồ như sau về các thế hệ văn bản *Hoan Châu ký*:



Sơ đồ này sẽ chỉ dẫn cho ta cách chỉnh lý văn bản mà ta đang khảo sát.

6. Chinh lý văn bản

Để có một bản *HCK* chính xác, khả dĩ làm chỗ dựa cho việc nghiên cứu hoặc phiên chuyển tác phẩm sang tiếng Việt hiện đại, không thể không qua khâu chỉnh lý văn bản. Bởi lẽ các bản *HCK* hiện có, kể cả bản Thành Thái, chưa mất tờ nào, vẫn chứa đựng bên trong nhiều biến động về mặt văn bản, mà nổi rõ nhất là vấn đề chữ nghĩa và vấn đề phân chương mục.

Về mặt chữ nghĩa, công việc tương đối đơn giản: nhận diện những chữ viết lạ, chữa lại những chữ viết sai, thêm vào những chữ viết sót... Điều này trên thực tế đã được giải quyết khi tiến hành lập bảng chữ viết sai, viết sót.

Nhưng đến vấn đề phân chương mục, thì tình hình có phần phức tạp. Trong *HCK* thỉnh thoảng có những đề mục phụ như “tứ hồi tam” (hồi thứ ba trong tổng số 4 hồi), “tứ hồi tứ” (hồi thứ tư trong tổng số 4 hồi), song trên thực tế, cả hai bản Gia Long và Thành Thái đều theo nhau chép liền một mạch từ đầu đến cuối, không chia tách chương mục, thậm chí gộp cả phần chính văn với phần lời bạt.

Nhưng cuối sách có đoạn viết nguyên văn như sau: “Bằng chư cựu ký, trước thử phiếm biên, quan giả chính chi, thứ mông vật tiểu. Hữu truyện khởi tự Việt Hồ triều Bính Tuất tuế, chí bản triều Vĩnh Trị Mậu Ngọ niên, phạm nhị bách thất thập tam niên sự tích”. Chữ “hữu truyện” trong đoạn văn vừa trích dẫn có nghĩa là “chuyện kể phía bên phải”, tính theo cách viết chữ Hán từ phải sang trái ngày xưa. Nói theo ngôn ngữ ngày nay, “hữu truyện” là “chuyện kể bên trên”, “chuyện kể ra đây”... Chữ “hữu truyện” vì vậy có thể xem như tiêu chí để chia tách *Lời bạt* với chính văn. Từ “quan giả chính chi, thứ mông vật tiểu” trở về trước, là phần cuối của chính văn. Từ “Hữu truyện khởi tự Việt Hồ Bính Tuất tuế” trở về sau, là phần đầu của lời bạt.

Trong phần chính văn, ta thường gặp những câu chuyển tiếp kiểu “Dục thức thù vi hùng bi khí tướng, tu khán hạ văn tiện kiến” (Muốn biết người nào có tướng mạo hùng bi, chờ xem tiết sau sẽ rõ). Hoặc “Bất tri Anh Tông thiên bá hà như, tu khán hạ hồi phân giải” (không biết Anh Tông xiêu giạt ra sao, chờ xem hồi sau phân giải).

Theo thông lệ của tiểu thuyết chương hồi, mỗi câu như vậy có giá trị như một dấu kết thúc chương hoặc hồi đang trình bày, trước khi chuyển sang một chương hồi mới. *HCK* có tất cả 15 câu chuyển tiếp, trong đó 3 câu mang chữ “hạ hồi” (hồi sau) và 12 câu mang chữ “hạ văn” (tiết sau). “Hạ hồi” báo hiệu cho hồi sẽ tới: 3 “hạ hồi” cộng với hồi đang kể, vị chi 4 hồi. “Hạ văn” báo hiệu cho tiết sẽ tới; 12 “hạ văn” cộng với 3 tiết đang kể ở đầu mỗi hồi, vị chi 16 tiết. Như vậy *HCK* có cả thảy 4 hồi, 16 tiết.

Như *Lời bạt* *HCK*: “Nay tập truyện đã thành, lẽ đâu lại dung dị cắt xén câu này câu nọ. Cứ tạm để nguyên như vậy, cả thảy bốn hồi, mỗi hồi bốn tiết, bốn lần bốn mươi sáu, tổng cộng mười sáu tiết”.

I. NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA *HOAN CHÂU KÝ*

1. Một bộ tiểu thuyết chương hồi thuộc loại cổ nhất nước ta

HCK kể chuyện vào cuối thời nhà Hồ, quân Minh sang xâm chiếm nước ta gây đau thương tang tóc. Ở Đông Triều, có người tên là Nguyễn Cảnh Lữ sống không nổi, phải lìa bỏ xứ sở, lần hồi đi vào phương Nam, cuối cùng dừng lại dưới chân Nga Sơn (Rú Nguộc ở Hoan Châu (Nghệ An) làm nghề chèo đò. Con của Lữ là Luật, nổi tiếng về châm cứu, không may bị hổ giết hại. Con của Luật là Cảnh làm thuốc Nam, sau chuyển sang nghề nông. Cảnh tốt bụng, nhân hậu, được một thuật sĩ tìm cho ngôi đất phát. Sau khi Cảnh mất, thi hài được táng vào ngôi đất phát, dòng họ Nguyễn Cảnh từ đấy có một bước ngoặt thực sự... Họ Mạc cướp ngôi nhà Lê, đám cựu thần không phục, giặc cướp nổi dậy. Người con trai thứ năm của Cảnh là Huy đứng ra tổ chức nhân dân đánh giặc giữ làng. Nguyễn Kim dựng triều Lê trung hưng ở Sầm Châu, Huy và con là Hoan đến yết kiến, được thu dụng. Vua Lê về hành tại Vạn Lại, bị viên cận thần Nguyễn Tử Nha thông đồng với nhà Mạc, đem quân chặn đường. Hoan dùng phục binh đánh bại tướng Mạc là Nguyễn Kính. Bề tôi nhà Mạc là Lê Bá Ly và Nguyễn Thuyết do bất mãn, đã chạy vào Thanh Hoa đón quân Lê ra đánh Thăng Long. Chúa Mạc bỏ chạy khỏi kinh thành. Hoan lập nhiều chiến công được ban tên Trịnh Mô. Phan Công Tích tử tiết tại núi Lưỡng Kiên (lên Hai Vai). Hoan đại phá quân

Mạc do Nguyễn Quyện chỉ huy. Vì sơ suất, Hoan bị Quyện bắt cóc đưa về Thăng Long. Con của Hoan là Kiên đánh lui quân của Quyện. Hoan bị giết tại kinh đô, thi hài được chuyển về chôn ở quê nhà. Quân Mạc lại vào cướp Thanh Hoa. Trịnh Tùng tiến đánh Thăng Long. Vua tôi nhà Mạc rút về giữ Hà Bắc. Tướng Mạc là Bùi Văn Khuê đem quân hàng nhà Lê. Vua Lê về Thăng Long. Phùng Khắc Khoan đi sứ Trung Quốc. Trịnh Tùng được vua Lê phong tước Bình An Vương. Nguyễn Hoàng lập mưu vào xây dựng cơ ngơi riêng ở Thuận Hóa. Trịnh Tùng ra lệnh chặt bỏ cây quái ở lèn Hai Vai. Chúa Mạc lui giữ Kim Thành, Nguyễn Cảnh Hà tu tạo chùa Bụt Đà để cầu tự. Con của Trịnh Tùng là Trịnh Xuân tranh ngôi chúa. Tùng dùng kế giết Xuân. Vua Lê phong Trịnh Tráng làm Vương thế tử. Tráng mang đại quân dẹp họ Mạc ở Cao Bằng. Nguyễn Cảnh Hà được nhà chúa ban tên Trịnh Tông. Nhà Mạc hoàn toàn thất bại. Công cuộc trung hưng của nhà Lê đi tới thành công. Đất nước thanh bình, nhân dân yên ổn.

Những nội dung chính trên đây đã được trình bày bằng văn xuôi, thỉnh thoảng cũng xen thêm một số văn biên ngẫu (thư, chế, sắc, câu đối) hoặc văn vần (thơ, tán), trong nhiều hồi, nhiều tiết. Mở đầu mỗi hồi hoặc mỗi tiết đều có hai câu đối ngẫu khái quát nội dung sắp kể của hồi đó, tiết đó. Kết thúc mỗi hồi hoặc mỗi tiết, đều có những chữ “chính thị” (thật là) kèm theo hai câu đối ngẫu mang tính chất chuyển chiết, nhằm tóm tắt những ý lớn vừa trình bày, đồng thời báo trước nội dung sẽ trình bày trong phần tiếp theo.

Về nhân vật, ta thấy xuất hiện trong *HCK* các chính khách, cùng những nhà quân sự có tên tuổi trong xã hội nước ta các thế kỷ XVI, XVII. Thuộc giới cầm quyền Lê - Trịnh, có các vua Lê, từ Trang Tông đến Hy Tông; các chúa Trịnh từ Trịnh Kiểm đến Trịnh Tráng. Thuộc hàng tướng lĩnh Lê - Trịnh, có Nhân quốc công Vũ Công Kỷ, Tấn quốc công Nguyễn Cảnh Hoan, Đoan quận công Nguyễn Hoàng, Xuân quận công Nguyễn Tử Nha, Lai quận công Phan Công Tích, Vinh quận công Hoàng Đình Ái, An quận công Lại Thế Khanh, Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên, Phấn Vũ hầu Đỗ Liêu, Tuấn Đức hầu Trịnh Cối, Quảng Phúc hầu Nguyễn Cảnh Hà, Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Thiết Sơn bá Trần Chân... Thuộc giới cầm quyền nhà Mạc có các

vua từ Thái Tổ Mạc Đăng Dung đến Mạc Kính Vũ. Thuộc hàng tướng lĩnh nhà Mạc có Phụng quốc công Lê Bá Ly, Trạng nguyên Thư quận công Nguyễn Thuyên, Tây quận công Nguyễn Kính, Thạch quận công Nguyễn Quyện, Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi, Phù Hưng hầu Nguyễn Miễn...

Về biến cố và tình huống, *HCK* đã ghi nhận đầy đủ các sự kiện quan trọng xảy ra trên đất Việt Nam hồi bấy giờ: nhà Lê với sự giúp đỡ của triều thần, giành lại chính quyền từ tay nhà Mạc; mâu thuẫn giữa các trung tâm quyền lực Lê – Mạc, Lê – Trịnh, Trịnh – Nguyễn, Trịnh – Trịnh; thái độ vô trách nhiệm của giai cấp thống trị đối với nhân dân; cuộc sống cơ cực của họ trong chiến tranh Lê – Mạc...

Về cách diễn tả, bằng ngòi bút trung thành với hiện thực, *HCK* không lẫn tránh việc phơi bày những mâu thuẫn, sự lục đục, thối nát trong nội bộ tập đoàn thống trị Lê - Trịnh, phía mà tác giả thuộc dòng họ Nguyễn Cảnh hồi đó vẫn tôn thờ; những rắc rối, ngờ vực giữa Lê Duy Bang và Trịnh Tùng (*Hồi một. Tiết thứ tư*); việc tranh ngôi chúa, dẫn đến cái chết thảm khốc của Trịnh Xuân (*Hồi bốn. Tiết thứ ba*)... Ngay cả những chuyện đau lòng trong nội bộ dòng họ Nguyễn Cảnh – việc Thụy Trung hầu Cảnh Hải nhân lúc ốm nặng đã lấy trộm hài cốt Nguyễn Cảnh Hoan cải táng nơi khác, mang hài cốt giả chôn vào nơi cũ (*Hồi hai. Tiết thứ tư*); việc Nguyễn Cảnh Kiên bị những người em ruột tố cáo với triều đình là có đi lại với Nguyễn Hoàng, khiến Trịnh Tùng phải tổ chức hội thề để xóa bỏ mọi nghi kỵ trong hàng tướng lĩnh (*Hồi ba. Tiết thứ tư*) - *HCK* cũng không hề im lặng.

Về mặt văn chương, *HCK* có những thành công nhất định trong nghệ thuật sử dụng tiếng Hán cổ, dùng khá đắt một số điển tích Việt Nam, Trung Quốc, Ấn Độ, và trong một số trường hợp cũng xây dựng được những cuộc đối thoại với nội dung sinh động, hấp dẫn. Chẳng hạn cuộc đối thoại nẩy lửa nhưng lịch sự giữa Nguyễn Cảnh Hoan và Nguyễn Quyện (*Hồi hai, Tiết thứ ba*); các cuộc "rỉ tai" có tính chất kích động giữa Nguyễn Hoàng với Trịnh Tùng, với Phan Ngạn, với Ngô Đình Nga (*Hồi ba, Tiết thứ ba*).

Những nỗ lực của *HCK* về văn chương đã vạch ra một ranh giới nghệ thuật giữa *HCK* với các tác phẩm tiền thân của nó như *HCNCK*, *TQNCK* và *PTTB*, trong đó *HCNCK* bị tác giả *HCK* chê là "lời văn vụng về" (*Lời bạt*). Nói như vậy không có nghĩa là *HCK* không có chữ dùng chưa đắt, những câu văn kém điêu luyện, những đoạn miêu tả trùng lặp, lòng thông...

Tất cả các hiện tượng trên đây về văn thể, kết cấu, nhân vật, biến cố tình huống, bút pháp, văn chương... đều nói lên rằng *HCK* đáng được nhìn nhận và đối xử trước hết như là một bộ điều thuyết chương hồi, với nghĩa đầy đủ của từ này.

Trước *HCK*, lịch sử tiểu thuyết cổ Việt Nam từng chứng kiến sự thành công trên nhiều mức độ khác nhau của thể loại truyện ngắn văn xuôi viết theo kiểu truyền kỳ, với các tác phẩm tiêu biểu như *Việt điện u linh tập* (TK. XIV), *Lĩnh Nam chính quái liệt truyện* (TK. XV), *Nam ông mộng lục* (TK. XV), *Thánh Tông di thảo* (TK. XV), *Truyền kỳ mạn lục* (TK. XVI)..., trong đó *Truyền kỳ mạn lục* có thể xem như là đỉnh cao nhất mà thể loại truyện ngắn văn xuôi có thể vươn tới dưới thời phong kiến. Còn thể loại truyện văn xuôi viết theo kiểu chương hồi trong lịch sử tiểu thuyết cổ Việt Nam thì phải đợi đến thế kỷ XVII mới được chính thức thành lập với sự xuất hiện của *HCK*.

Mỗi nền tiểu thuyết thường đi tới, trước hai tác động chính: một là hồi thúc từ bên trong, do sự vận động nội tại của bản thân nền tiểu thuyết đó, và một là kích thích từ bên ngoài, do giao lưu văn học mà thành. Con đường đi lên của tiểu thuyết cổ Việt Nam không ngoài thông lệ ấy. *Truyền kỳ mạn lục* không chỉ ra đời trên cơ sở thành tựu đạt được của truyền kỳ Việt Nam từ thế kỷ XVI trở về trước, mà còn chịu ảnh hưởng sâu sắc của *Tiến đăng tân thoại*, một kiệt tác trong truyền kỳ phương Đông. Cũng vậy, *HCK* đã xuất hiện như một thể nghiệm ban đầu của truyện chương hồi Việt Nam, trên nền tảng những gì mà tiểu thuyết cổ Việt Nam đã tạo dựng và đặc biệt là sự gợi ý trực tiếp của *Tam quốc diễn nghĩa*, một tác phẩm mà nội dung từng được *HCK* nhắc đến nhiều lần. Mối quan hệ giữa *HCK* và *Tam Quốc diễn*

nghĩa được xác lập bởi những nét tương đồng về đối tượng mà chúng miêu tả: xã hội "tam phân" (Thục - Ngụy - Ngô so với Lê - Trịnh (hay Nguyễn) - Mạc); ý đồ "nhất thống" (dưới ngọn cờ nhà Hán so với dưới ngọn cờ nhà Lê)... Điều này cho thấy tiểu thuyết chương hồi Việt Nam không thể ra đời sớm hơn thế kỷ XVII, khi mà điều kiện bên trong cũng như bên ngoài chưa chín muồi.

HCK, tóm lại, đã mang thêm đến cho tiểu thuyết cổ Việt Nam một loại hình mới bên cạnh loại hình truyền kỳ đã có, trước khi tiểu thuyết chương hồi nước ta bắt đầu phát triển từ thế kỷ XVIII trở về sau, với nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó *Hoàng Lê nhất thống chí* là một đỉnh cao rạng rỡ.

2. Một tập sử tư nhân viết về chặng Lê trung hưng

Lời bạt *HCK* có đoạn viết: "Đã nói là sách của dòng họ Nguyễn Cảnh, lẽ ra chỉ chép về một gia tộc thôi. Đằng này lại có nhiều đoạn dính líu tới quốc sự, nhiều chứng cứ viện dẫn từ sách cổ, không thể không cài thêm vào nhan đề mấy chữ Nam Đường phiếm thoại". Rõ ràng người soạn *HCK* muốn tác phẩm của mình còn được nhìn nhận như là một "Phiếm thoại", một cuốn dã sử, một tập sử tư nhân bên cạnh chính sử, sách quan phương, sách triều đình. Một chỗ khác trong *Lời bạt* cũng từng dùng chữ "Tì quan dã sử" (tập dã sử của chức quan mọn) càng khẳng định tính chất "sử tư nhân" của *HCK*.

Như trên đã nói, đã có những bộ quốc sử như *BKTB*, *THTL* chép về giai đoạn Lê trung hưng theo chỉ dụ của triều đình, do các sử quan thực hiện. Chỗ hạn chế lớn nhất của các bộ sử này có phần đúng như lời nhận xét trong *Đại Nam văn uyển thống biên*, Q. 15, tờ 14: "Đến giai đoạn từ Lê trung hưng về sau, họ Trịnh nắm thực quyền, vua Lê ngồi lấy vị. Những điều chép trong *Bản kỷ tục biên* do vậy đều đề cao họ Trịnh, hạ thấp vua Lê. Thậm chí những chỗ họ Trịnh phản lại vua Lê, sách cũng chép xuyên tạc để ca ngợi. Hiện tượng mũ giầy đảo ngược chưa bao giờ tồi tệ như lúc này. Những nhà làm sử đều là người đứng về phía họ Trịnh, các điều ghi chép trong sách không phải là theo công luận".

HCK ra đời như là một nỗ lực góp phần điều chỉnh các thiên kiến kiểu trên của quốc sử. Các vua Lê thời trung hưng, trong cách nhìn của *HCK*, vị tất đều là những con người không có chút tài cán gì. Chẳng qua họ bị họ Trịnh áp chế không phát huy được năng lực. *HCK* không nở viết như *BKTB* về tội nợ của Lê Anh Tông: "Bấy giờ Cảnh Hấp và Đình Ngạn nói với vua rằng: Tả tướng quốc binh quyền thế lực đều to, bề hạ khó lòng cùng đứng được. Vua nghe nói như vậy vừa sợ vừa ngờ, bèn đem đêm chạy ra ngoài mang theo bốn hoàng tử đến thành Nghệ An đóng ở đấy" (Q. 16, *Lê kỷ*, 1572, mùa đông, tháng 11). Sách của dòng họ Nguyễn Cảnh chỉ ghi lướt qua nỗi bất hạnh này của vua Lê bằng một câu ngắn gọn: "Vào đêm Mậu Dần, 26 tháng 12, Anh Tông ra khỏi cung đi tuần thú phương Nam, đóng lại ở Nghệ An. Rạng sáng ngày Kỷ Mão, trăm quan mới biết vua đã chạy ra ngoài" (*Hồi một, Tiết thứ tư*). *BKTB* còn chép rõ Lê Anh Tông bị giết như thế nào: "Bấy giờ Hồng Phúc Hoàng đế xiêu dạt ở Nghệ An, các hoàng tử Bách, Lựu, Ngạnh, Tùng đều theo đi. Tả tướng Trịnh Tùng sai bọn Nguyễn Hữu Liêu tiến quân đến thành. Vua tránh ra ruộng mía. Bọn Hữu Liêu quỳ lạy ở ruộng nói rằng: "Xin bề hạ chóng về cung để yên lòng mong ngóng của thần dân trong nước, bọn thần không có ý gì khác cả". Bèn đem bốn con voi đón vua về, sai bọn Bảng quận công Tống Đức Vị (Tín) theo hầu, ngày đêm cùng đi. Ngày 22, về đến huyện Lôi Dương. Hôm ấy vua băng. Bấy giờ Tả tướng Trịnh Tùng sai Tống Đức Vị ngầm giết, phao tin là vua thắt cổ" (Q. 17, *Lê kỷ*, 1573). Trong khi *HCK*, vẫn với thái độ xem đây như là một chuyện nửa chẳng hay hóm gì, chép ít chừng nào tốt chừng ấy để khỏi làm cái việc đi thanh minh cho hành động tàn bạo của chúa Trịnh như *BKTB*: Đến ngày Quý Mão 22, ngự giá về đến Lôi Dương. Bảng quận công Tống Đức Tín (Vị) vào châu. Vua mất. Việc này thôi không nhắc tới ở đây nữa" (*Hồi hai, Tiết thứ nhất*). Các chúa Trịnh, theo con mắt *HCK*, cũng chẳng phải là những nhân vật toàn bích. Tập "sử tư nhân" của dòng họ Nguyễn Cảnh đã mượn lời Nguyễn Quyện để gián tiếp phê phán sự chuyên quyền độc đoán, quỷ quyệt gian trá của Trịnh Tùng, qua bức thư Thạch quận công gửi Tấn quận công (*Hồi hai, Tiết thứ ba*). Đặc biệt những chuyện dơ đời trong nhà họ Trịnh, cái mà *BKTB* cố tình né tránh, thì *HCK* lại "đại thư", "cực tả".

Chẳng hạn chuyện Trịnh Xuân tranh ngôi chúa với Trịnh Tráng, dẫn tới hậu quả cung thành náo động, Trịnh Tùng phải xiêu giạt, vua Lê phải xuất biên... trong khi *BKTB* lược chép chưa đầy vài mươi dòng (Q. 18, *Lê kỷ*, 1623, mùa hạ, tháng 6), thì *HCK* lại phanh phui dễ chừng đến mấy trang sách (*Hồi thứ bốn, Tiết thứ ba*).

Mặt khác, *HCK* còn lưu giữ nhiều sử liệu quý mà sách vở đương thời cũng như đời sau ít khi đề cập. Thử so sánh *HCK* với *BKTB*. Có những chi tiết, những tư liệu, những sự kiện *HCK* có, trong khi *BKTB* lại thiếu vắng. Chẳng hạn *BKTB*, Q. 18, *Lê kỷ*, khi chép các sự kiện xảy ra trong năm Quý Hợi (1623), có dẫn bài kim sách truy phong Bình An Vương Trịnh Tùng. Nếu đối chiếu với cũng bài kim sách này trong *HCK*, ta sẽ thấy bài kim sách ở *HCK* tiếp ngay sau câu “tấn phong vi Nguyên soái Thống quốc chính Thanh Đô vương” (tấn phong làm Nguyên soái Thống quốc chính Thanh Đô vương) còn có thêm hai câu nữa mà *BKTB* đã bỏ sót: “Viên tứ quan miện quyền phục, nhưng tích khuê toàn thổ điền” (ban cho áo mũ phẩm thực, thưởng cho châu ngọc ruộng nương) (*Hồi bốn, Tiết thứ ba*). Một thí dụ khác: chiến dịch đánh họ Mạc ở Cao Bằng năm 1626, được ghi lại trong *HCK* như sau: “Lại nói tháng 7, mùa thu năm Vĩnh Tộ thứ tám, Bính Dần (1626), Thanh Đô vương cho rằng họ Mạc còn chiếm cứ Cao Bằng, nay nhân dịp nước thu lên to, truyền lệnh lợi dụng nước thủy triều đem thủy quân tiến đánh. Tháng ấy quan quân rầm rộ lên đường, lấy Đô đốc đồng tri Thăng quận công Nguyễn Cảnh Hà làm tiên phong. Tới Cao Bằng, quan quân dàn trận nhận quyết chiến (...). Lúc này Cảnh Hà đốc thúc quân lính xông lên phá lũy, đốt cháy doanh trại nguy Mạc. Quân Mạc ai nấy đều bỏ sào huyệt chạy trốn. Quân vương thắng lớn khai hoàn, kể rõ thành tích tâu lên. Vua xuống chiếu phàm những ai thuộc cơ đội các doanh có công trong đợt tiến đánh Cao Bằng, diệt trừ giặc Mạc, đều được gia thăng chức tước” (*Hồi bốn, Tiết thứ tư*). Sự kiện này *BKTB* đã bỏ sót, chứ không phải vì cho là nhỏ nhặt mà không chép. Bởi lẽ khi liệt kê các sự việc xảy ra trong năm Kỷ Tị (1629), *BKTB* có ghi: “Mùa hạ, tháng tư (...) xuống chiếu chỉ rằng: Phàm các dinh, cơ đội nào đi theo đánh giặc Mạc ở Cao Bằng có công, nên gia

thăng chức tước” (Q. 18, *Lê kỷ*). Một số văn kiện hành chính thuộc cấp nhà nước không thấy chép trong *BKTB*, nhưng lại xuất hiện ở *HCK*: tờ biểu Lê Bá Ly xin vua Lê đem quân ra Bắc đánh Thăng Long (*Hồi một, Tiết thứ tư*), tờ biểu Phùng Khắc Khoan gửi vua Minh năm 1597 khiếu nại về cái chức “An Nam Đô thống sứ” (*Hồi ba, Tiết thứ hai*), bức thư mật của Trịnh Tùng dụ con là Trịnh Xuân vào châu (*Hồi bốn, Tiết thứ ba*), sắc văn và chế văn của triều đình ban phong chức tước cho những người có công trong dòng họ Nguyễn Cảnh (*Hồi bốn, Tiết thứ ba và Tiết thứ tư*)... Không hẳn số văn kiện vừa nêu đều mang tính hư cấu. Chứng cứ là tờ biểu Phùng Khắc Khoan gửi vua Minh tuy không được chép trong *BKTB*, nhưng lại có mặt ở *Việt sử thông giám cương mục, Chính biên*, Q. 30, lời văn so với *HCK* chỉ khác vài chữ.

Lại có những sự kiện *HCK* chép đầy đủ, tỉ mỉ hơn chính sử. Thí dụ việc Trịnh Kiểm sai hàng tướng nhà Mạc là Lê Bá Ly cùng với bọn Vũ Văn Mật tiến đánh Thăng Long năm 1551 (*BKTB*, Q. 16, *Lê kỷ*; *HCK*, *Hồi một, Tiết thứ tư*); danh sách những người đòi phế truất Trịnh Cối, cử Trịnh Tùng thay lĩnh binh quyền năm 1570 (*BKTB*, Q. 16, *Lê kỷ*; *HCK*, *Hồi một, Tiết thứ tư*); việc bắt Mạc Hồng Ninh tại chùa Mô Khuê ở Phượng Nhỡn năm 1601 (*THTL*, Q. 2; *HCK*, *Hồi bốn, Tiết thứ nhất*...) Đến như các đóng góp không nhỏ của dòng họ Nguyễn Cảnh vào sự nghiệp trung hưng, thì *BKTB* chỉ chép sơ sài, còn *THTL* thì hầu như không đề cập gì tới.

Cuối cùng, *HCK* trên một vài phương diện ghi chép có khác với chính sử. Thí dụ chung quanh cái chết của Phan Công Tích, trong khi *BKTB* nói Nguyễn Quyện dùng kỳ binh phục bắt được Tích giải đi (Q. 17, *Lê kỷ*), thì *HCK* lại nói Tích lấy dao rạch bụng moi ruột ra mà bảo với Quyện rằng: “Ruột gan ta đây, người xem cho biết”, voi Tích cười đã mang xác chủ trở về (*Hồi hai, Tiết thứ nhất*). Những chi tiết khác biệt như thế giữa *HCK* và chính sử còn có thể tìm thấy trong cách tính thế thứ Lê Duy Bang (*BKTB*, Q. 16, *Lê kỷ* nói là “cháu bốn đời” của Lê Trừ; *HCK*, *Hồi một, Tiết thứ tư* nói là “cháu năm đời” của Lê Trừ), hoặc trong việc xác định thời điểm “bộ ba” Lại Thế Khanh, Nguyễn Cảnh Hoan, Phan Công Tích đem quân đi cứu Nghệ An

(*BKTB*, Q.16, *Lê ký* nói là vào tháng 9 năm 1572, *HCK*, *Hồi một*, *Tiết thứ tư* nói là vào tháng 7 năm 1572, muộn hơn *BKTB* 2 tháng)... Thật khó nói trong các trường hợp trên, *HCK* đúng hay chính sử đúng. *Lời bạt* *HCK* từng gợi ý rằng nếu thấy tập sử tư nhân có gì khác với quốc sử, “hư thực thế nào” phải đợi tra cứu thêm các nguồn tư liệu khác. Đáng tiếc là cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có đủ tư liệu tin cậy để xác minh.

3. Một cuốn phổ ký mang nhiều nét khác lạ

Ngoài tính chất một bộ tiểu thuyết, một tập dã sử, *HCK* còn là một cuốn gia phả. *HCK* trước hết cho thấy các thế hệ của dòng họ Nguyễn Cảnh, từ thủy tổ là Nguyễn Cảnh Lữ, đến thế hệ thứ tám là con cái Nguyễn Cảnh Hà. Trong mỗi thế hệ, sách giới thiệu từng người, với các chi tiết như tên húy, tên chữ (nếu có), tên hiệu (nếu có), biệt hiệu (nếu có), tên mẹ (có cả thân sinh, tộc họ, quê quán... của mẹ, nếu biết được), tên vợ (có cả thân sinh, tộc họ, quê quán... của vợ, nếu biết được), những chức quan mà người ấy đã kinh qua (nếu có), những tước vị mà người ấy được phong tặng qua các triều đại (nếu có).

Đối với những người tiêu biểu thuộc từng thế hệ, đời thứ nhất có Nguyễn Cảnh Lữ, đời thứ hai có Nguyễn Cảnh Luật, đời thứ ba có Nguyễn Cảnh Cảnh, đời thứ tư có Nguyễn Cảnh Huy, đời thứ năm có Nguyễn Cảnh Hoan, đời thứ sáu có Nguyễn Cảnh Kiên, đời thứ bảy có Nguyễn Cảnh Hà, đời thứ tám có Nguyễn Cảnh Quế – *HCK* đều trình bày, trong chừng mực có thể, sự tích của họ, ngày sinh, ngày mất, mồ mả, con cái của họ, cùng với những giá trị mà họ đánh đổi được bằng cả cuộc đời mình, góp phần làm rạng rỡ bộ mặt chung của toàn tộc. Những giá trị ấy, theo tác giả *HCK*, chính là “tám đời nhân nghĩa” (*Lời bạt*).

Riêng Nguyễn Cảnh Hoan, Nguyễn Cảnh Kiên, Nguyễn Cảnh Hà, Nguyễn Cảnh Quế, những công thần thời Lê trung hưng, đặc biệt là Nguyễn Cảnh Hoan, *HCK* đã dành nhiều trang để viết về họ, biểu dương lòng yêu nước, yêu dân và tinh thần làm việc hăng say của họ, gọi họ là “bốn lớp trung cần” (*Lời bạt*).

“Tám đời nhân nghĩa, bốn lớp trung cần” trở thành chủ đề bao trùm của *HCK* trong tư cách là một gia phổ, một tộc phổ.

Từ các mặt phân tích trên, có thể nói *HCK* mang đầy đủ đặc trưng của loại hình gia phổ và không hề thua kém bất cứ một cuốn phổ ký chuyên biệt nào hiện còn, như các bản A2, A3, trong việc chép về tám thế hệ đầu của dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An. *HCK* còn có một số mặt mạnh mà các cuốn gia phổ khác không có. Thí dụ đã gắn cái riêng với cái chung, lồng “lịch sử” của một dòng họ trong lịch sử bao quát của dân tộc. Hay nói như *HCK*: “Đò là đò của kẻ khác, nhưng họ không chỉ chở bản thân họ, mà còn mời khách quý của họ cùng qua sông để con đò có thêm sức nặng. Sách là sách của người khác, nhưng họ không chỉ chép về bản thân họ, mà còn chép cả sự việc của đất nước để tập sách trở thành phong phú hơn” (*Lời bạt*). Các nội dung trên đây lại được truyền đạt bằng tiếng nói hình tượng của văn học, thông qua thể loại tiểu thuyết chương hồi, nhằm đạt tới hiệu quả dễ đọc, dễ nhớ, dễ cuốn hút... Tóm lại, *HCK* đã “dựa vào sử thực mà diễn thành văn, ngang qua thế cuộc, chép đủ tám đời”, điều này đã tự phân biệt nó với các cuốn gia phổ ký khác cho đến nay được biết.

Tất nhiên *HCK* cũng có những hạn chế nhất định, xét về mặt gia phổ học. Vì ham gửi gắm các “truyện tích cổ kim” (*Lời bạt*), tính chất “sử” của dòng họ ít nhiều có bị loãng. Do khuynh hướng tiểu thuyết hoá, một số chi tiết đã hư cấu, ảnh hưởng đến độ tin cậy của phổ ký...

* * *

Mặc dù có một số nhược điểm về nội dung cũng như về văn bản, những đóng góp của *HCK* trên các lĩnh vực văn học, sử học, gia phổ học... vẫn đáng được ghi nhận, và đây cũng là lý do dẫn tới việc chỉnh lý, dịch thuật, chính thức công bố tác phẩm lần này.

Trong quá trình hoàn chỉnh bản thảo *HCK*, chúng tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiều mặt của dòng họ Nguyễn Cảnh ở Nghệ An, đặc biệt là Ban Đại diện, Ban phổ ký, cùng các cụ Nguyễn Song Tùng, Nguyễn Cảnh Soạn, Nguyễn Cảnh Chiên, Nguyễn Cảnh Hường, đồng chí Nguyễn Cảnh Tú và

các đồng chí Phạm Hựu, Nguyễn Duy Chiêm - Nhà xuất bản Khoa học xã hội, đồng chí Nguyễn Duy Hình - Viện Khảo cổ học. Nhân đây tôi xin có lời thành thật cảm ơn chung.

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 1987

GS. TRẦN NGHĨA

Lời bạt

Chuyện kể ra đây khởi từ năm Bính Tuất (1406) triều Nhuận Hồ, đến năm Mậu Ngọ (1678) thuộc niên hiệu Vĩnh Trị của bản triều cộng cả thảy 273 năm sự tích. Những điều ghi chép trong truyện dù chân thực hoang đường, đáng tin hay đáng ngờ, thì phần nhiều cũng là để xem cho biết.

Tập truyện ký này được viết ra, là bởi vì sau lúc nhà Lê suy vi, họ Mạc cướp quyền, anh hùng hào kiệt trong thiên hạ chẳng ai là không nghiêng rặng căm tức, tìm lập con cháu vua đứng đầu, sẵn sàng xông vào nơi tên đạn để cùng giết bọn Mãng Tháo, mong giành lại cơ đồ, lưu công danh nơi trúc bạch. May gặp khi Trang Tông Dụ Hoàng đế của bản triều nổi dậy ở Sầm Châu, một mực ủy quyền cho chủ soái là chúa Trịnh thu nạp tướng văn tướng võ để lo toan việc khôi phục đất nước. Qua hơn 60 năm chiến chinh dẹp trừ giặc giã, nhà Lê mới nắm lại được quyền bính. Thiên hạ thái bình, định công ban thưởng, lưng ngựa cơ mưu, phẩm cao tước trọng, sự nghiệp chói chang, tất cả đều được ghi vào sử sách. Riêng số công thần thời trung hưng tuy gia phả các nhà đều có ghi, nhưng vì đây là những bản sao làm của riêng, sự tích của họ phần nhiều bị mai một, biết dựa vào đâu để làm cho sáng tỏ?

Ngu tôi hồi còn bé từng lúng lúng nơi bạn hữu được cuốn *Thường Quốc nam chinh ký* và cuốn *Phan Thị trường biên*, mỗi cuốn chỉ còn vài mươi tờ, độ

một phần ba tác phẩm. Giấy thì một ăn, chữ thì rơi rụng. Đến mùa đông năm *Bính Tí* (1696) sưu tầm thêm được cuốn *Hoan Châu Nguyễn Cảnh ký* còn lưu giữ tại Đô Lương thì lời văn vụng về, chữ nghĩa sai lạc, tam sao thất bản, không thể nói là không đáng tiếc. Vậy là nhân lúc rỗi rãi, tôi đem ba tập trên đúc lại thành một tập.

Truyện viết xong, không còn biết đâu là khách, đâu là chủ nữa. Bản ý của người soạn truyện là: *Thường Quốc nam chinh* ký là sách của kẻ phản thần, nổi giáo cho giặc. *Phan Thị trường biên* là sách của hạng bất tài đời sau, chỉ biết bo bo giữ mình. Cả hai tác phẩm ấy sao có thể đề cao được? Bì sao nổi với tám đời nhân nghĩa, bốn lớp trung cần, đặc biệt Tấn quốc công là người đã từng làm rạng rỡ ông cha, tạo phúc lành cho con cháu. Thế thì Thường Lai là khách, mà Tấn Nguyễn là chủ! Cho nên mới đặt tên sách là *Nguyễn Cảnh thị Hoan Châu ký*.

Đã nói là sách của dòng họ Nguyễn Cảnh, lẽ ra chỉ chép về một gia tộc thôi. Đằng này lại có nhiều đoạn dính líu tới quốc sự, nhiều chứng cứ viện dẫn từ sách cổ, không thể không cài thêm vào nhan đề mấy chữ “Nam đường phiếm thoại”. Chữ “thoại” ở đây không đề riêng cho dòng họ Tấn quốc công, mà đề chung cho chuyện phiếm Nam Đường. Vì sao vậy? Bởi lẽ nhờ tập truyện ký của họ Nguyễn ở Nam Đường mà các sự việc của thiên hạ trong vòng 273 năm tình cờ cũng được ghi chép lại, giống như đồ là đồ của kẻ khác, nhưng họ không chở bản thân họ, mà còn mời khách quý của họ cùng qua sông để con đồ có thêm sức nặng. Sách là sách của người khác, nhưng họ không chỉ chép về bản thân họ, mà còn chép cả sự việc của đất nước để tập sách trở thành phong phú hơn.

Ngạn ngữ có câu: “Muốn kẻ lông mày phải cậy gương soi, muốn dựng thóc lúa thì tìm thúng mùng”. Tập dã sử của chức quan mọn này đâu dám sánh với các bộ sách của triều đình. Chẳng qua muốn có một chỗ dựa để gửi gắm chút chuyện tích cổ kim; thấy quốc sử còn có chỗ bỏ sót thì chú thích thêm cho đủ. Nếu tập này có gì khác với chính sử, như xác Lai công có thật nằm trên lưng voi không, Cảnh Hà có thật bắt sống được Kiên vương không, hư

thực thế nào, phải đợi tra cứu thêm các nguồn tư liệu khác mới có thể tin được.

Nay tập truyện đã thành, lẽ đâu lại dung dị cắt xén câu này câu nọ. Cứ tạm để nguyên như vậy, cả thảy bốn hồi, mỗi hồi bốn tiết , bốn lần bốn mươi sáu, tổng cộng mười sáu tiết.

Sưu tập tuy còn có chỗ chưa khắp, khảo cứu tuy còn có chỗ chưa tường, nhưng dựa vào sử thực mà diễn thành văn, ngang qua thế cuộc, chép đủ tám đời thành một bộ sách. Sau này có ai muốn biết chuyện cổ xưa hăng theo đây mà đọc, cố nhiên sẽ được điều khuyên giới.

Hồi Một: Tiết Thứ Nhất

Trời chuyển, đất rung...

Trời đất sinh ra tổ tiên ta được hưởng non cao Ngọc Lĩnh , nước biếc Lam Giang . Đây thực là nơi sinh ra nhiều tướng văn tướng võ tài ba, danh lừng thư kiếm, từng phò giúp vua Lê ổn định cơ đồ, khiến con cháu sau này hưởng ơn nước dài lâu muôn đời không đổi.

Thoạt đầu, cụ tổ tên là Lữ, nguyên người phường Thiên Lý, huyện Đông Triều . Đến cuối đời Hồ, khi người Ngô sang xâm lược nước Nam, cụ tổ chạy loạn tới huyện Gia Viễn trấn Thanh Hoa . Sau đó lại lánh vào làng Tuân Lý, huyện Hương Sơn, thuộc Hoan Châu . Hồi bấy giờ đang cơn ly loạn, di chuyển nay đây mai đó vô chừng. May gặp lúc Lê Thái tổ dấy binh ở Lam Sơn , trừ diệt giặc Ngô, thiên hạ đại định. Cụ tổ dời đến bến sông , lần theo các xã Trường Cát, Hoa Lâm, Đông Liệt thuộc huyện Nam Đường , đến cư ngụ tại bến Ngọc Sơn , làm nghề đưa đò ngang, chở người qua sông kiếm tiền độ nhật. Đến năm Canh Tuất niên hiệu Thuận Thiên (1430), nhân

làm hộ tịch, cụ xin nhập tịch làm dân xóm Ngọc Sơn. Cuối đời cụ như thế nào, không thấy ghi chép. Nơi an táng cũng không rõ.

Cụ tổ sinh hạ được một người con trai tên là Luật. Luật theo cha cư ngụ tại xóm Ngọc Sơn. Đến khi cha mất, Luật mang bầu giác và kim chích đi làm nghề châm cứu. Vốn tính hiền lành, được xóm giềng nhiều người yêu mến, Luật nhân đó dựng túp nhà dưới chân Rú Nguộc để ở. Khổ nỗi sau cơn loạn lạc, lại xảy ra mất mùa, phương dân đói kém, hàng nghìn dặm ruộng nương không có cấy trồng. Sống dưới chân Ngọc Sơn được dăm năm, một hôm Luật vắt bầu giác lên vai đi về phía xóm Sạ Lương, xã Đông Liệt để hành nghề. Vừa tới eo Chó Đẻ, ngược thấy rừng cây um tùm, đường sá hoang vắng. Đi chưa được mấy bước, bỗng nghe tiếng gầm vang, rồi Sơn tinh nhảy xổ ra, Nguyễn Luật ngã lăn xuống, hổ không nỡ ăn thịt, chỉ dùng chân bới đất lấp kín thi hài. Năm mất không thấy ghi (chỉ biết về sau khi con cháu có công lớn với bản triều, Luật được phong tặng là Khai quốc suy trung dương nghĩa phụ quốc công thần, quản lĩnh Thiết đột trung thánh dực tướng Diễn Phúc hầu. Đến khoảng niên hiệu Hoảng Định (1601 - 1619), lại được gia phong làm Á quận công. Ông sinh được một người con trai lớn tên là Cảnh.

Cảnh thấy cha không về, vội vàng chạy ra chợ xem bói. Thầy bói vốn là người thạo về Dịch lý, đã gieo tiền xin âm dương, được quẻ “Kỷ Tị nhật thần, đắc Chấn chi nhị”. Thầy bói dựa vào quẻ bói, đã kể lại hết cho Cảnh nghe chuyện hổ vừa mai táng Luật. Cảnh tạ ơn gặt lệ trở về, rồi đi thẳng đến thôn Sạ Lương hỏi thăm tin tức. Bỗng gặp một ông lão trong thôn cho biết: “Hôm qua có thầy châm cứu tới đây, không may bị lão ông (tục gọi hổ là lão ông) hại chết, vứt cả túi bầu giác ra đó, mọi người đều biết cả”. Đoạn dẫn Cảnh vào eo Chó Đẻ chỉ tay nói: “Đây chẳng phải là nơi tiên nhân của anh hóa thân đó sao?” Cảnh thấy nắm mồ như đã qua tay người đắp, nghĩ rằng đây là dấu hiệu trời cho, không dám tự ý dời đi nơi khác. Bèn truyền cho con cháu nhận đó là ngôi mộ tổ.

Cảnh đáng vẽ khoan hòa, thích làm việc thiện. Học được nghề y, ông thường có ý bốc thuốc chữa bệnh để cứu giúp người đời. Già trẻ một vùng đều chịu ơn ông. Giàu lòng nhân đức, ông lên núi hái thuốc và thường vào Nam Phong lấy các thuốc như hậu phác, ngũ gia bì, ty giải, thổ phục linh... Một hôm, đến xứ Long Tinh lấy mẫu đơn, hoắc hương, trần bì, hương phụ, khi quay về đến xã Đại Đồng, ông rẽ vào nghỉ tại nhà một người bạn. Cảnh nhà, có một ông lão thuộc hạng khá giả, con cháu đông đúc, tuổi ngoại 60, ốm từ một năm rồi mà nay vẫn chưa khỏi. Nghe Cảnh là danh y, ông lão liền cho người sang mời. Khách vào nhà vừa ngồi, ông lão đã sai dọn cơm rượu thết đãi, rồi bỏ ra luôn năm quan tiền nhờ xem bệnh, cho thuốc. Cảnh chỉ lấy một quan tiền thuốc, đưa gói mộc qua (đu đủ) tán bảo hòa với rượu cho bệnh nhân uống. Lại bảo đem hắc đậu (đậu đen) và gừng tất sao vàng, sắc lấy nước sôi lên chỗ đau. Dặn dò xong, Cảnh ra về. Bệnh nhân theo lời dặn uống thuốc đều, chỉ hơn một tháng bệnh đã khỏi, đi lại được, bèn cùng người nhà đến Rú Nguộc để tạ ơn thầy thuốc. Bấy giờ Cảnh đang sao tẩm các vị thuốc, nghe có khách ở Đại Đồng tới liền ra cửa đón vào. Khách ngồi được một lát, Cảnh mang cơm hẩm canh rau ra tiếp. Khách chỉ nhìn qua cảnh nhà là biết thầy thuốc nghèo túng. Vậy mà hôm trước khi bốc thuốc, thầy lấy rất ít tiền. Khách ngạc nhiên hỏi: "Gia đình thầy vất vả, khổ sở, chỉ dựa vào túi tiền thuốc để chi dụng qua ngày. Vậy mà hôm trước bốc thuốc thầy lại từ chối lấy nhiều tiền. Có phải vì cho lão là người già nua tật bệnh, không nỗ lực tay, hay vì cho lão là người thô lậu keo kiệt nên thầy chỉ lấy như thế?" Cảnh đáp rằng: "Phương thuốc đó tuy chữa khỏi bệnh, nhưng tiền nong có đáng là mấy, chẳng lẽ lừa người để vợ tiền sao? Ông lão nói: "Người có lòng từ thiện như thế này, chắc rồi trời sẽ báo đáp!" Nói xong từ biệt ra về. Một ngày sau, ông lão sai đưa cháu dắt một con bò đến xóm Ngọc Sơn để biếu thầy thuốc. Có được con bò, Nguyễn Cảnh bèn cày vỡ ruộng rẫy dưới chân núi trồng cấy để sinh sống.

Lại nói ở xã Đại Đồng có người họ Chu, do khi dạo chơi các cảnh đẹp núi sông, gặp một cụ già đầu râu tóc bạc, mặt đỏ như gấc, có chú tiểu đồng quảy la bàn theo sau, đầu cũng len lỏi tới, khuấy động cả càn khôn, rõ là một nhà

thuật số vào loại cỡ. Họ Chu bèn kết giao với cụ già, có ý muốn nhờ cụ tìm hộ cho ngôi đất quý. Cụ già cho biết không thể trì hoãn công việc trước mắt của mình, hứa mùa đông tới sẽ gặp lại họ Chu ở xã Đại Đồng, quyết không sai hẹn. Thế rồi họ chia tay nhau.

Được ít lâu, y theo lời hẹn, cụ già lần lữa trở lại Đại Đồng. Vừa tới chợ Sa Nam chỉ thấy.

Ngư tiên trình tử điểm,

Long phấn tứ phủ đình.

Hoán khách mỹ muội chiêu thủ tiếp,

Trường đồ du khả thích tình ninh!

Nghĩa là:

Cá ngon bày quán rượu,

Thịt như chắt hàng ăn;

Vẫy tay gọi khách, cô hàng đẹp,

Du tử đường xa thử một phen!

Những khách vào ăn uống thoải mái ở đây nếu không phải là hạng tráng du, thì cũng là người quen lui tới vì hâm mộ. Cụ già vén áo bước vào quán, nghĩ rằng Đại Đồng hãy còn xa, thôi thì dốc cả hầu bao say sưa một bữa. Đến khi rượu tàn trà cạn, tứ thầy mới dò lối lên đường.

Trời đã xế chiều mà vẫn ngỡ là chưa muộn. Chân tuy bước mà mắt vẫn say nhìn cảnh đẹp xung quanh. Thủng tha thủng thỉnh, bất giác khi đến Hoa Lâm, ngẩng mặt trông lên, mặt trời đã gác núi. Hai thầy trò rẽ xuống ven sông đi một hồi thì tới chân Ngọc Sơn. Bỗng thấy bên nương có một người thợ cày thân hình vạm vỡ. Thầy trò bước tới hỏi rằng: "Bác người ở đâu?" Người thợ cày đáp: "Tôi người làng này". "Đường từ đây đến Đại Đồng chừng bao nhiêu dặm?" Trời còn đang sáng, bước sắn chân liệu có tới nơi

không?" Người thợ cày trả lời: "Từ đây đến Đại Đồng còn xa, mà trời cũng đã sắp tối. Đoạn đường này lại qua nhiều khu rừng rậm, hay có ác thú hại người, trong vùng ai cũng gồm sợ. Sao cụ không tìm một nơi để nghỉ chân có hơn không? Tội gì mà dẫn thân vào chốn núi rừng nguy hiểm!"

Cụ già nghe nói thế đứng tần ngần hồi lâu, không biết nên đi hay nên ở. Cuối cùng cháu mảy nói với người thợ cày rằng: "Nhà bác ở đâu, có thể cho chúng tôi về nghỉ tạm một đêm, may khỏi cảnh màn trời chiếu đất?" Người thợ cày đáp: "Nhà tôi nhỏ hẹp, chỉ sợ cụ không ngủ yên giấc thôi. Nếu cụ không quản ngại, tôi xin sẵn sàng đón tiếp". Cụ già nói: "Đêm sắp xuống rồi mà núi rừng thì ở trước mặt. May được bác hậu tình cho ngủ lại, chúng tôi đâu dám chê cơm nhạt giường thô!" Nói đoạn, cụ già theo người thợ cày về nhà.

Đến nơi, chỉ thấy hai gian lều cỏ, một chiếc chõng tre. Chủ nhà nhường giường cho khách ngồi. Được một lúc, chủ nhà sai người làm cơm. Cụ già nói: "Hai cha con tôi từ Sa Nam định qua An Toàn đi Hiến Lãng thuộc tổng Đại Đồng tìm thăm người bạn cũ, không dè lỡ đường, chưa chuẩn bị được gì cả". Người thợ cày gọi người nhà ra một nơi hỏi nhỏ. "Ngày xưa thầy Khổng trên đường từ nước Trần trở về cũng từng gặp cảnh bị động như thế này. Nay khách không có lương thực, xem hũ gạo nhà ta còn được bao nhiêu?" Năm đó hạn hán mất mùa, gạo đất nhà không đủ ăn. Người nhà đáp: "Hiện nay còn một con gà trống, một bát gạo nếp và hai đấu đỗ đen, có thể dùng để tiếp khách. Chỉ e ngày mai giỗ gia tiên biết lấy gì thay vào?" Người thợ cày nói: "Không lo, sẽ có cách. Ta cứ đồ xôi và giết gà đi, lấy một nửa cúng gia tiên, vừa giữ tròn đạo hiếu, vừa có cái để tiếp cha con vị khách đường xa chắc là đang đói và mệt lắm. Nửa xôi và thịt còn lại sẽ dùng để cúng gia tiên chính thức vào ngày mai".

Bấy giờ hai cha con cụ già tuy đang nằm ở phòng ngoài vờ ngáy to lên, kỳ thực họ vẫn chú ý theo dõi đầy đủ câu chuyện.

Bàn định xong đâu đấy, gia đình người thợ cày cứ thế mà làm. Sau khi cúng gia tiên, chủ nhà đem đồ cúng ra mời khách. Ăn xong, trong khi trà thuốc,

cụ già xin gia chủ cho biết rõ gốc gác, tính danh. Gia chủ đáp: "Tôi họ Nguyễn, tên Cảnh. Ông nội tôi vốn người phường Thiên Lý, huyện Đông Triều (tỉnh Quảng Ninh). Cuối đời Hồ loạn lạc, quân phương Bắc sang xâm lấn. Từ trên nguồn đến dưới biển giặc giã nhiều nhưnng, dân các nơi đều khốn đốn. Vì vậy các cụ tổ tôi phải dắt díu nhau rời bỏ quê hương lưu lạc đến đây không biết đã bao nhiêu năm. Gặp hồi đói kém, bố mẹ đều mất sớm. Vì mộ các cụ hiện còn tại xứ Chùa Nùng nên chúng tôi không nỡ rời bỏ, định cứ lưu lại đây để giữ chỗ ở cũ của tổ tiên. Che chụm túp nhà nho nhỏ cho vợ con ở, mùa đông thì lạnh lẽo, mùa thu thì sương móc, rất dễ nhiễm bệnh tật. Tôi thường phải đi làm thuốc để nuôi sống gia đình, nhưng miệng ăn thì nhiều mà của cải có hạn, sớm hôm thiếu thốn. Nay cụ có lòng hỏi tới, há không thổ lộ hết chân tình". Qua cách ăn nói của gia chủ, ông cụ biết Nguyễn Cảnh rất thành thật và cho rằng đây là con người sâu sắc.

Sáng hôm sau. Cảnh gánh một gánh củi vào làng đổi được hai đấu gạo trắng và một chai rượu tằm mang về, bảo người nhà nấu cơm và đem các thứ hôm qua còn để lại bày cỗ cúng. Cúng xong, bưng rượu cùng thức ăn ra khoản đãi hai cha con ông cụ, mời mọc rất ân cần. Ông cụ nghĩ bụng rằng đang khi đói kém mà người ta lại tiếp đãi hậu hĩnh như thế này, mình sao có thể dừng được. Lúc sắp chia tay, ông cụ từ tạ nói: "Cơm nước hậu tình, chưa biết ngày nào mới có thể đền đáp được!" Cảnh thưa lại rằng: "Đang lúc khó khăn, cơm canh đạm bạc, thật tôi chưa thỏa bụng chút nào, đâu dám trông sự báo đáp". Nói rồi tiễn khách ra cổng. Chợt nghe có người từ thôn Yên Lạc đến mời Cảnh đi thăm bệnh. Vốn không biết ông cụ trước mặt mình là một thầy địa lý giỏi. Cảnh đã chia tay và đi một mạch tới thôn An Lạc chữa bệnh, để cho cụ già rẽ qua phía Đồng Luân.

Cụ già xăm xăm đi vào núi Mộng Sơn, xem kỹ địa hình ngôi mộ tổ của Nguyễn Cảnh, thấy có kiểu "từ lâu hạ điện", bèn lần theo long mạch tìm tới xã Hoa Lâm, thấy hòn Ngọc Sơn đỉnh cao to đầy khí thế. Ông cụ phát hiện được ở vùng này một ngôi đất quý: "Tân long chuyển tổn nhập tả hữu, cước kết kim tinh khai thủy huyết". Rất dễ thấy: phía trước thì phân phía sau thì hợp, bên trái thì rỗng, bên phải thì hổ, có vẻ như trương cờ mở lọng vậy.

Mặt trước có sông lớn chảy qua, dòng lượn quanh co, nước trong leo lẻo. Đây đúng là đất phát "tam công, võ tướng", một long mạch tuyệt vời. Tìm được ngôi đất quý, ông cụ gắn ghi vào lòng, không tiết lộ cho ai hay, rồi theo con đường cũ, men theo các xã Đại Đồng, Hiến Lăng tìm đến nhà họ Chu, khỏi phải bàn nữa.

Lại nói đến Nguyễn Cảnh sau khi chữa bệnh ở Yên Lạc về được ba bốn ngày. Bỗng một hôm, nhìn qua rèm thưa thấy có một người từ xa lững thững đi tới. Người đó không phải ai xa lạ, mà chính là cụ già đêm nao đã ngủ lại ở nhà mình. Cảnh liền đứng dậy ra cửa đón khách vào nhà. Theo sau ông cụ là một người gánh khoảng sáu bảy đấu gạo trắng, hai con gà trống, một vò rượu Bắc, một buồng chuối tiêu, 2 quan tiền đồng. Sau khi xếp gọn các thứ vào một góc nhà, ông cụ bảo người đi theo chuẩn bị thức nhắm. Đêm hôm ấy cả chủ lẫn khách uống một bữa rượu túy lúy, đàm đạo nghĩa nhân, trò chuyện hết sức tâm đắc. Cụ già nói: "Hôm trước, lấy lễ đối xử với nhau không thể nói rằng ít, mà sự trọng thị lẫn nhau cũng đã có thừa. Tôi thấy thái độ ông thực bụng cung kính chứ không phải bề ngoài. Rõ ràng là người nhân hậu, thuận theo mệnh trời. Nay tôi tìm được một huyệt đất cực quý ở vùng Ngọc Sơn, thuộc loại "vương công thượng cách", ông có muốn đến xem chẳng?" Cảnh đáp: "Tôi người trần mắt thịt, ít hiểu chuyện phong thủy nên không thể nhận ra. Nay hân hạnh được cụ mách bảo cho, nhà tôi như vậy là hãy còn phúc".

Ngày hôm sau, cụ già dẫn Cảnh đến nơi có huyệt đất quý chỉ vạch hình thế, lập hướng núi, định thành nền phúc, rồi lưu lại bài cáo như sau:

Trù trưởng cao bích,

Tồn tâm xuất mạch

Công hầu thượng cách,

Đại đại bất dịch.

Đản hiềm sa vệ khoáng phi di,

Lũy thế công khanh cư quán khách

Nghĩa là:

Dù trưởng che cao biếc,

Long mạch xuất tồn, tân

Khanh tướng với công thần,

Đời nối đời không đổi.

Chỉ hiềm án cát rộng dạt trôi,

Nên phải quê người danh mới rạng.

Lại một bài nữa rằng:

Tiền tam phong, hậu tam phong,

Tử tôn thế thế xuất anh hùng.

Đản hiềm thủy phá Cấn, Dần cung,

Nữ chủ không phòng độc túc trung.

Nghĩa là:

Ba trước ba sau, núi trập trùng,

Đời đời con cháu phát anh hùng.

Hiềm vì Cấn Dần dòng nước cản,

Con gái thường hay dễ góa chồng .

Dặn dò xong, cụ già từ biệt ra đi. Cảnh hết sức biết ơn và tiễn chân ông cụ đến tận thôn An Toàn, xã Đông Liệt mới quay trở lại.

Cảnh theo lời dặn suy ngẫm đến nửa năm, rồi mới bắt đầu công việc tu tạo mộ triệu, đem hài cốt người mẹ cải táng vào đấy. Quả thực từ đấy làm nên gia nghiệp. Vợ Cảnh là bà họ Nguyễn, người xã Trung Lâm, huyện Thanh

Chương, con gái quan Tổng tri quân dân sự vụ họ Nguyễn. Vợ chồng ăn ở với nhau cho đến khi đầu bạc răng long. Cuối đời thế nào không thấy ghi chép. Ông mất chôn ở phúc địa Ngọc Sơn, xã Hoa Lâm . Bà chết chôn ở phúc địa Nùng Na . Tên thụy của ông là Đoan chính phủ quân; tên hiệu của bà là Từ hiếu nhụ nhân. Về sau vì con cháu có công với triều Lê, ông được gia tặng Dương võ uy dũng tán trị công thần, hành Nghệ An đạo, Đô tổng binh sứ ty thêm sự, quản Tri dân sự vụ Vĩnh Khánh hầu.

Ông bà sinh được bảy người con trai, hai người con gái. Con trai lớn húy là Đạo. Người thứ hai húy là Địch. Người thứ ba húy là Tông Liệt. Người thứ tư húy là Bá Cầm . Người thứ năm húy là Huy. Người thứ sáu húy là Huyền. Người thứ bảy húy là Tạc. Người con gái lớn tên là Ngọc Chấn. Người con gái thứ hai tên là Ngọc Nô. Cả thảy chín người. Thật là:

Thất nam nhị nữ tư vi thịnh

Chấn khởi gia thanh cánh thị thù?

Nghĩa là:

Bảy trai hai gái cơ phát đạt,

Làm rạng danh nhà đổ biết ai?

Theo tranh Hà đồ thì con số 7 và con số 2 ở về phương nam, xếp thành một chuỗi. Muốn biết người nào có tướng mạo hùng bi chờ xem tiết sau sẽ rõ.

Tiết Thứ Hai

Hoảng Hưu tị loạn độ Thanh Giang,

An Thanh khởi binh lập đế trụ

Nghĩa là:

Hoảng Hưu tránh loạn qua Thanh Giang ,

An Thanh dấy binh dựng ngôi đế.

Người con trai thứ năm là Nguyễn Huy lớn lên có tài trí dũng lược, lập nhiều công tích, được thăng làm Vạn An vệ tổng tri binh dân sự vụ, hành hạ Nghệ An đạo, tước Hoảng Hưu tử. Cuối đời, ông về ở Nùng Quán cày cấy làm ăn. Hồi đầu ông lấy người con gái ở Hiến Lăng sinh ra Noãn, sau đến Đô Lương, lấy thêm người con gái nhà họ Thái tên là Tế mới mười ba tuổi (sinh năm Mậu Thìn, 1508), nhân đó làm luôn nhà tại Đô Lương để ở.

Đến năm Tân Tị (1521) ứng điềm hung bi bà họ Thái có mang và đến tháng 12 thì sinh nở. Bấy giờ là thời vua Chiêu Tông, niên hiệu Quang Thiệu thứ sáu. Ông đặt tên con là Hoan, tức Tấn quận công, về sau được gia phong Hùng nghị khuông tế trạch dân Đại vương. Từ khi sinh Hoan, Huy chăm vỡ đất cấy trồng vui thú cảnh điền viên, đói thì ăn, khát thì uống, ấy là chuyện thường nhật, ở đây không phải nói gì thêm.

Lại nói đến năm Thống Nguyên (1522 - 1527) có Mạc Đăng Dung người làng Cổ Tế, đất Hải Dương nổi lên cướp ngôi vua, đổi niên hiệu là Minh Đức. Đám cựu thần nhà Lê giận vì họ Mạc vô đạo, đã nổi lên hùng cứ các nơi. Bốn phương nhiễu loạn, trộm cướp ngày càng nhiều. Thời đó có những tên lục lâm sừng sỏ hoạt động ở vùng núi Nam Đường. Đông Liệt thì có tên Mỹ Tích, tên Thăng Bật. Xã Đồng Luân thì có tên Nha Bật, tên Hạc Lâm. Chúng cùng với Bá Cao ở Đại Đồng tụ tập nhau lại bàn mưu tính kế, quấy rối khắp vùng.

Hoảng Hưu tử Nguyễn Huy nghe tin này, đã về giữ trại Nùng Bang , sửa sang hào lũy, đề phòng bất trắc. Nhân thế ông mời các trưởng xã, thôn, trang trong tổng cùng về họp, bàn rằng: “Nay phúc nhà Lê đã dời đổi, triều Mạc tiếm quyền, lòng người dao động dẫn đến loạn lạc. Bọn ta là đầu mục của một vùng, nên tập hợp và dẫn dắt mọi người, phòng chống gian phi, để bảo vệ nhân dân, kiểu như Bình Nguyên đời Hán, như vậy trước mắt há chẳng

khoái sao?” Nói vừa dứt lời, mọi người đều tôn Huy lên làm trưởng để chỉ huy, tất cả đều hứa sẽ nhất nhất phục tùng. Huy liền sai chuẩn bị trâu rượu để tế cáo quỷ thần, rồi cùng nhau sát huyết ăn thề. Ngay ngày hôm ấy tổ chức tuyển đình tráng, được hơn vài trăm người có đầy đủ khí giới, lập đồn sở để phòng chống giặc.

Lúc ấy bọn Mỹ Tích tự cho mình là hùng mạnh, ngầm sai thủ hạ hơn ba mươi tên trà trộn vào đám người ứng tuyển để gây rối. Lại liên kết với nhóm giặc khác để ứng cứu cho nhau, hình thành thế nội công ngoại kích, thừa cơ hớ đột nhập vào đồn trại...

Lại nói chuyện Nguyễn Huy giết trâu khao quân, trong khi ăn uống thoải mái, không ai để ý đề phòng. Mọi người vui say cho đến lúc trời xế bóng. Bỗng thấy trong làng bốc lửa, ngoài đường bụi bay... Hoảng Huru tử vội vàng gọi thuộc hạ mang vũ khí đến tập hợp trước cửa quân. Chợt nghe ngoài đường có tiếng hô to: “Đánh tới đi”. Bao nhiêu gươm giáo hiện ra sáng quắc. Huy vẫy tay ra hiệu cho thuộc hạ xông vào đánh địch và thét lên: “Ai bắt được tên giặc kia sẽ trọng thưởng”. Bỗng ở cánh bên trái có một người nhảy ra, vừa nhận ra Mỹ Tích, một tên bợm lợi hại, liền đâm y chết ngay tại chỗ. Tất cả đồng bọn đều bỏ chạy tán loạn. Người giết được tên giặc kia là ai? Mọi người đưa mắt nhìn, hóa ra là Nguyễn Phúc Kỳ, tức Phú Hộ bá, ở xứ Nùng Bang. Hoảng Huru tử vẫy tay gọi lại, rót rượu khao thưởng hết sức ân cần. Phúc Kỳ thưa rằng: “Nay giặc cướp đã tràn lan, chưa thể bắt hết được, ta nên trở về bản trại để nuôi dưỡng oai danh cùng nhuệ khí của ta”. Huy nghe theo, bèn thu quân về trại Nùng và thưởng cho Nguyễn Phúc Kỳ. Đêm ấy yên quân giữ trại.

Sáng hôm sau thấy ngoài trại có giặc bao vây chờ đánh. Huy lập tức cho quân lính mở trại ra ứng chiến. Đánh nhau chưa đầy vài hiệp bọn giặc giả vờ thua chạy vào Đại Đồng. Huy thúc quân lính đuổi theo. Vừa đến xã Đồng Luân, bỗng nghe trong làng có tiếng thanh la inh ỏi. Huy nhìn về bên trái, thấy có một lũ người to khỏe nhảy xổ ra, hiệu cờ mang dòng chữ “Nha Bạc binh”. Huy lập tức cho quân quay lại cả phá giặc Nha Bạc, bắt được tướng

giặc đem giết đi, bêu đầu ở chợ Lát , rồi thu quân tiến đánh Đại Đồng. Mới đi một quãng, bỗng nghe tiền quân hô rằng: “Có giặc đang chặn lối”. Tình huống thật bất ngờ. Huy bèn khua chiêng cho quân dừng lại, sai người đi dò xét, biết đây là bọn Thăng Bật người xã Đông Liệt và Nguyễn Bá Cao người xã Đại Đồng. Ngay ngày hôm đó, ông ra lệnh hạ trại để chống giữ. Sáng hôm sau bọn giặc đem người Đông Liệt và người thôn An Lạc đến khiêu chiến ở xứ Bến Ong . Huy kéo quân ra đánh, đã mười tám hiệp mà chưa phân thắng bại. Trời nhá nhem tối, các bên đều trở về đồn trại của mình. Đêm hôm đó, Huy họp thuộc hạ bàn mưu kế, sai cháu mình là bọn Phù An hầu đặt quân mai phục tại các nơi hiểm yếu. Ai nấy nhận lệnh ra đi, chỉ để lại vài mươi người giữ trại.

Sáng hôm sau, Hoảng Hưu tử giả vờ kéo quân về trại Nùng. Bọn giặc đi thám thính, thấy đồn trại vắng vẻ, liền đưa quân đến cướp phá. Phục binh bốn mặt bất ngờ xông ra vây chặt quân địch, bắt được tướng ngụy đem giết ngay, bọn còn lại tháo chạy tán loạn. Hoảng Hưu tử thu quân trở về. Vừa tới Đại Đồng, chợt có địch đón đường chống cự. Huy cho người đi dò hỏi, mới biết đó là Nguyễn Bá Cao. Ông ra lời chiêu dụ, nhưng Bá Cao không hàng phục. Huy bèn tiến quân đánh. Bá Cao nghênh chiến được vài hiệp, quân của hắn bắt đầu tan rã, thế không địch nổi, phải lui về trong thôn. Quân của Huy liền bao vây quanh thôn, chọn những người dũng cảm xông vào bắt địch. Bá Cao nghe tin, đem trà gai bít kín lối vào cổng trại, rồi chui vào trốn trong chuồng lợn. Quân của Huy phóng lửa đốt, giặc bị thiêu chết vô kể.

Sau khi dẹp hết bọn giặc cướp, Huy họp tất cả quân lính lại bàn rằng: “Ngày nay trong tổng chưa yên, nhà cửa tiêu điều, của cải hết sạch, ta biết dựa vào đâu để sống? Chi bằng rảo tìm nơi đất tốt lập đồn điền để canh tác, tích trữ lương thực, thu công trạng như Triệu tướng ngày xưa”. Mọi người răm rắp nghe theo. Bèn dời quân về đóng ở huyện Thanh Chương. Vừa đến địa đầu trang Tảo Nha thuộc xã Trung Lâm đã thấy một miền thung lũng đất đai màu mỡ, vườn cau xanh tốt, dân cư đông đúc ở kín núi đồi, hoa màu đủ loại đầy nương rẫy, thật là một cảnh ruộng vườn đáng yêu. Những người đi theo đều nói dựa vào miền đất này có thể nuôi sống mình được. Ông Hoảng Hưu

vén rèm xe nhìn ra nói: “Vùng thung lũng này là quê mẹ của ta”. Nhân đó vào trong làng gặp gỡ các bậc phụ lão, kể hết sự tình cho bà con hay rằng vì giặc cướp phá, nên cả làng phải lặn lội đến đây tìm nơi nương tựa, xin các cụ rộng lòng thương đến số anh em quân lính đang gặp bước gian truân này”. Các vị bô lão trong làng đều an ủi rằng: “Ơn đức của ngài cảm kích lòng người, trong cơn ly loạn mà ai cũng quý mến, một dạ theo ngài không nỡ bỏ, ngài thật là đáng phi thường. Ngày nay ngài đã đến đất “Liêu Đông” này, lẽ nào chúng tôi lại không dung nạp được khách “vượt biển” hay sao? Ngay hôm đó bày rượu thịt khoản đãi khách Nam Đường rồi đem tất cả đất hoang chưa khai khẩn giao cho cày cấy. Hoảng Hưu tử cho mọi người vỡ đất trồng lúa. Được hơn một năm, hoa lợi thu về rất nhiều, có cái ăn cái để, đời sống ổn định. Nào ngờ:

Ngựa Hồ hí gió Bắc

Chim Việt tựa cành Nam.

Ngày qua tháng lại, trời chuyển sang đông. Lòng người nhớ quê, thở than bứt rứt. Hoảng Hưu tử tuy vẫn biết nơi quê cũ chưa yên tĩnh, nhưng thể theo nguyện vọng số đông, đã thu dọn hòm xiềng đưa tất cả trở lại trại Nùng. Khi đến nơi, thấy cỏ mọc xanh um, lau sậy đầy đồng, quê hương đã thành cõi hoang vu. Hoảng Hưu tử bèn sai thợ sửa sang lại nhà cửa.

Chỗ ở đã thành, nhân dân có nơi ăn chốn nghỉ được hơn mười hôm. Không dè ở Đồng Luân sau khi Nha Bạc bị đánh bại, có một tên giặc khác gọi là Hạc Lâm tập hợp bè đảng chiếm giữ vùng này. Nghe tin Hoảng Hưu tử trở lại quê cũ, Hạc Lâm bèn kéo quân tới bao vây ngoài trại. Hoảng Hưu tử ra lệnh cho quân lính mang vũ khí xông ra đánh. Nhác thấy Hạc Lâm, Hoảng Hưu tử liền hỏi: “Mày là tên giặc chi mà dám đến trại ta để chuốc lấy cái chết?” Hạc Lâm nói: “Ta vỗ yên dân chúng, cả miền này yên tĩnh gần được năm rồi. Thằng giặc già kia! Người đã phải bỏ sào huyệt chạy ra tận ven sông, có sao lại trở về quấy nhiễu dân chúng?” Hoảng Hưu tử nói: “Ta lấy điều nhân nghĩa để xử sự, không dè lũ hung bạo chúng bay dùng lời lẽ dối

trá để bắt bẻ ta!” Nói xong bèn thúc quân xông tới đánh vài hiệp đã bao vây bọn giặc, chém chết Hạc Lâm, đem đầu bêu ở xứ Thạch Trúc.

Hồi bấy giờ Hoảng Hưu tử cùng các con tên là Hoan và Hân khởi binh ở thôn Chiêu Quả, tiểu trừ lũ hung bạo, cả vùng do đó được yên tĩnh, nhân dân trở về nghề cũ cày cấy làm ăn, đây khởi phải bàn thêm.

Lại nói đến Nguyễn Kim người xã Gia Miêu, huyện Tống Sơn dò tìm được người con của Quang Thiệu để tên là Lê Ninh lập lên làm vua lưu vong trên đất Ai Lao, đổi niên hiệu là Nguyên Hòa, tức Trang Tông Dụ Hoàng đế. Các hào kiệt miền Tây nghe tin, phần nhiều đều theo về, được Thái sư Nguyễn Kim thu dụng cả.

Năm Bính Thân (1536), cha con Nguyễn Huy đến Sầm Châu là nơi vua ở để yết kiến Thái sư, nhờ Thái sư tâu lên triều đình, được vua vời vào yết kiến, phong cho Huy tước Bình Dương hầu, con của Huy là Hoan tước Dương Đường hầu. Cả hai cha con đều nắm binh quyền để phòng khi có việc sai phái. Ở đây ký giả xin miễn nhắc tới.

Sau đó Huy mất, không nhớ là vào năm nào, hưởng thọ 64 tuổi, chôn ở xã Nùng Bang (nay do tránh tên húy của vua Anh Tông là Duy Bang nên đổi xã Nùng Sơn), gần xứ chùa thôn Nùng, đặt tên thụy là Huệ Nhật Phủ Quân . (Ngày 26 tháng giêng, mùa xuân, niên hiệu Thuận Bình thứ nhất, 1549, nhân khi lên ngôi, Trung Tông Vũ Hoàng đế truy phong các vị cựu công thần, có gia phong cho Nguyễn Huy là Dương Vũ dực vận tán trị công thần, hành hạ Nghệ An đạo Đô tổng binh sứ ty Tổng binh sứ thêm sự, quản Tri binh dân sự Bình Dương hầu, tặng Phúc Khánh quận công). Ông sinh hạ được năm người con trai, một người con gái.

Người con trai lớn tên là Noãn (do bà vợ người ở Hiến Lăng sinh).

Người con thứ hai tên là Hoan, được phong Tấn quận công (do bà họ Thái ở Đô Lương sinh).

Người con trai thứ ba tên là Hân, được phong Trung quận công (do bà ở thôn Mộ Cơ, huyện Thanh Chương sinh).

Người con trai thứ tư tên là Văn, được phong Cường quận công (do bà ở giáp Tùy Cự, xã Đại Đồng sinh).

Người con trai thứ năm tên là Chiêu, được phong Lập quận công (do bà ở xã Cao Điền, huyện Thanh Chương sinh).

Người con gái tên là Ngọc Hoàn (lấy Đường quận công. Bà cùng mẹ với Lập quận công).

Riêng người con trai thứ hai là Nguyễn Hoan lúc mới sinh có dáng mạo khôi ngô, lớn lên cương minh trí dũng, chuyên tâm thao lược, xem rộng binh thư, tinh thông thiên văn địa lý, sùng chuộng bùa phép, kỳ tài bí thuật vốn sẵn thiên bẩm, mong gặp thánh chúa để thỏa chí giúp đời. Hồi còn nhỏ theo cha là Huy khởi binh ở thôn Chiêu Quả, tiêu diệt được bọn gian ác. Lớn lên theo giúp vua Trang Tông ở hành tại Sầm Châu, được phong Dương Đường hầu, dưới quyền điều khiển của Hưng quốc công Nguyễn Kim (Dương Đường hầu là hiệu cũ của Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu).

Khi Hưng quốc công bị đầu độc chết, hai người con trai là Ưông và Hoàng còn nhỏ tuổi. Người anh rể là Trịnh Kiểm, tước Dực quận công, tức Minh Khang Thái vương, trước thường được Nguyễn Kim ủy quyền đi đánh giặc, rất có tín nhiệm trong quân, nay phong vua Trang Tông cũng giao cho trọng quyền tiết chế, đổi làm Lượng quận công.

Sang năm sau. Thái vương thấy sách Vạn Lại là nơi có thể lập hành tại, bèn sai thợ xây cung điện, sửa sang hào lũy, trong thì nhà cửa cơ ngơi, ngoài thì mấy lần cống canh gác, tất cả đều cốt được kiên cố.

Đến năm Đinh Mùi (1547), cung điện ở Vạn Lại hoàn thành. Thái vương cùng văn võ bách quan đem xa giá sang Ai Lao rước vua về. Thật là:

Tây nghênh bản thị qui An Ấp,

Bắc hiệp phi tha hạnh Hứa Đô.

Nghĩa là:

Lên miền Tây, chính là để rước vua về An Ấp ,
Ra phía Bắc, chẳng qua định ép vua tới Hứa Đô
Muốn biết xa giá nhà vua lên đường như thế nào xem tiếp tiết sau sẽ rõ.

Tiết Thứ Ba

Nguyễn Tử Nha binh mã giá thừa dư,
Lê Trang Tông quân thần phá Nguyễn Kỉnh.
Nghĩa là:

Nguyễn Tử Nha binh mã chặn xe vua,
Lê Trang Tông quân thần phá Nguyễn Kỉnh.

Lại nói chuyện Trang Tông ở Sầm Nưa lâu ngày, một hôm có vua nước Ai Lao đến thăm. Hai bên đang đàm đạo, chợt có lính chạy vào báo rằng quan quân của triều đình đang đến bên ngoài trại. Vua ra lệnh cho vào. Trăm quan đều dâng biểu xin rước vua về. Vua ưng thuận, sai chọn ngày lên đường và cắt cử tướng lĩnh đôn đốc quân bản bộ chia nhau khống chế vùng biên giới.

Lúc bấy giờ có quan cận thần là Thái Bảo Xuân quận công Nguyễn Tử Nha cũng hưởng ứng cuộc hành quân này, nhận lệnh đi về phía đông. Khi đến địa giới Hà Trung, nghe tin tướng Mạc là Tây quận công Nguyễn Kỉnh đem hơn một vạn quân áp sát ngoài cõi, Nguyễn Tử Nha liền kéo quân đi đánh. Thấy bên Mạc cờ súng rợp trời, trống chiêng dậy đất, thế quân bố trí rất nghiêm mật, Tử Nha bèn hạ trại đối diện với địch.

Ngày hôm sau, Nguyễn Kỉnh sai người đem thư đến dụ Tử Nha, đại ý nói:

“Tây Chinh Đại tướng quân Tây đạo tướng Tây quận công Nguyễn Mỗ gửi thư tới Nguyễn Thái bảo Xuân quận công rằng: Ta nay vâng mệnh triều đình lĩnh ấn Đại tướng đem quân đi dẹp lũ phản nghịch ở Sầm Châu. Lực lượng ta thủy bộ đều mạnh, quân ngũ như rừng, chỉ cần một chuyển hành quân là có thể quét sạch sào huyệt họ Lê. Nhà ngươi nếu sáng suốt thuận theo mệnh trời, đem quân dẫn đường, thì sau khi công thành tấu tiếp, tất nhiên sẽ được hậu thưởng, đời đời hiển vinh. Nhược bằng cứ si mê không tỉnh thì ngọc đá đều đốt cháy, hối sao cho kịp. Nói chẳng hết lời, khó trình bày cho cặn kẽ.

Ngày... tháng... năm Vĩnh Định thứ nhất .

Thư gửi tới, Tử Nha bóc ra xem, có ý muốn hàng Mạc, bèn đến đồn binh nhà Mạc xin gặp. Nguyễn Kính sai người dẫn Tử Nha vào đồn an ủi vỗ về vô cùng thăm thiết. Nhân đó bảo Tử Nha rằng: “Phượng hoàng là con chim thiêng, không nở đậu cành gai. Người anh hùng trí lực lẽ đâu chịu giam mình giữa nơi tù túng? Ngày xưa thầy ta là Trần Thiết Sơn bá có công lớn với triều Lê, vậy mà bị Đà Dương vương xử bạc. Nay ông lại theo thờ người con của Đà Dương vương, ví dù có vất vả lập được công to, mà lòng người ta vẫn nghi ngờ, thì liệu họ có thể đối xử với ông khác với người cha của họ không? Nếu các ông cứ mơ hồ không biết phân giải, e sẽ bị cái nhục của Hàn, Bành. Nay triều đình ta hậu đãi tướng lĩnh, một tấc công cũng không phụ. Các ông đang đốc chí công danh, sao chẳng biết lấy con đường sáng làm trọng”. Tử Nha đáp rằng: “May nhờ ngài chỉ giáo, được tắm ơn sâu. Thảng hoặc sau này công thành thân hiển, tôi không dám quên lượng cả”. Hai người uống rượu xong, Nguyễn Kính đưa Tử Nha đến chỗ vắng người bàn rằng: “Nếu ông làm được như thế... như thế... thì hẳn là bắt được Lê Ninh thôi”. Nói xong, Tử Nha xin nhận sự chỉ huy của Kính và tạ ơn lui ra. Về đến doanh trại, Nha nói thác rằng: “Quân nhà Mạc thế đang mạnh, ta nên lui để cùng tính mưu kế”. Ngay tối hôm đó, ra lệnh cho quân lính mang đủ vũ khí bí mật về Thanh Hoa.

Lại nói vua Trang Tông trên đường đến động An Tôn thuộc Tây thành (thành xây tại Vĩnh Phúc, họ Hồ xây thành Tây Đô ở đây) bỗng thấy trước

mắt có một đạo quân. Vua ra lệnh khua chiêng thu quân dàn trận thế. Lại sai người gọi to lên rằng: “Đóng ở phía trước kia là đạo quân nào, sao không chịu tránh xa giá?” Hối vừa dứt lời, xa trông thấy một viên đại tướng áo mũ chỉnh tề, tay cầm vũ khí trả lời rằng: “Tiểu thần là Xuân quận công, phụng mệnh đi tuần tra ngoài ải, thấy giặc bức cận, tạm lui về đây để cùng bàn cách đánh”. Vua Trang Tông nghe thế liền cho triệu vào. Nguyễn Tử Nha đem theo vài mươi tay lực sĩ mang đầy đủ gươm giáo đến yết kiến. Vua lúc đó đang cưỡi con ngựa bạch long câu hỏi: “Nhà ngươi liệu thế giặc có chống được không?” Tử Nha tâu rằng: “Hạ thần tuy tài hèn sức mọn, nếu được bề hạ ủy thác cho đánh giặc, thì chắc chắn thành công. Chỉ e chim hết thì lại dẹp cung, giống như Thiết Sơn bá ngày xưa cuối cùng bị bạc đãi”. Vua nói: “Không phải thế đâu. Trước đây Trần Chân (Trần Chân tức họ tên thật của Thiết Sơn bá) làm tướng, có tiếng là hách dịch. Y thả cho quân lính tự do hoành hành, không tuân theo pháp lệnh, hoặc giết danh thần trong kinh kỳ, hoặc uống ngựa tửu ở Lục Thanh. Đắc tội với nước nhà như vậy đó, phép vua triều trước nhất mực không dung tha. Nay khanh lòng trung thấu trời, nếu có thể lập được kỳ tích như họ Khâu, họ Đổng thì công lao bảo toàn nhà Đông Hán trăm không bao giờ quên”. Nói xong, vua rút gươm cắt tóc cùng Tử Nha thề ước. Tử Nha thấy vua đã có vẻ tin cậy, bèn mon men tiến gần đến ngựa vua. Vua bỗng ngờ sợ, ôm Hoàng tử rời ngựa lên voi, ra lệnh cho tả hữu vũ khí sẵn sàng, phòng bất trắc. Tử Nha thấy vua nghiêm cần như thế, đâm ra sợ hãi, bèn cúi đầu tung hô vạn tuế. Y lạy xong, vua lấy tay ra hiệu cho Tử Nha mang quân đóng một nơi chờ sai phái. Tử Nha nhận lệnh ra đi.

Ngày hôm ấy xa giá vào thành Tây Đô . Đại quân đóng liền ở đấy khoảng một tháng, toàn cõi vẫn yên tĩnh. Một hôm Trang Tông đang cùng các tướng bàn kế hoạch ra quân thì có lính tuần tra về cấp báo rằng tướng nhà Mạc là Tây quận công Nguyễn Kính hiện đang đóng quân ở Vân Sàng, đã mấy lần đem quân phá ngoài cửa ải. Vua cùng các triều thần bàn định quyết chiến một phen. Hôm sau đem mười vạn quân, voi ngựa chỉnh tề, lương thảo đầy đủ nổi trống nghiêm quân, tiến thẳng đến xứ Bãi Trời, hạ doanh trại, bàn cách chia quân tiến đánh. Bấy giờ Tử Nha nghe tin đại quân đã xuất phát, tự

mình cũng đem thủy quân theo đường sông đến đóng ở Tây Lôi và viết thư cáo bạch ngầm sai người đến Vân Sàng trao cho Nguyễn Kính. Người đem thư bí mật tới đồn sở quân Mạc. Nguyễn Kính được thư liền mở ra đọc. Lời lẽ trong thư như sau:

“Thanh Hoa Hà Trung phủ hiệu thuận tướng Xuân quận công Nguyễn Tử Nha viết thư gửi Tây đạo tướng Tây quận công: Hôm trước nhận được mật lệnh làm kế đánh úp. Nay vua tôi Nguyên Hòa dốc hết binh mã, lương thảo đến đóng quân ở vùng An Khánh, thuộc huyện Lý Nhân. Thành Tây Đô ở An Tôn hiện nay rất sơ hở, không phòng bị cẩn mật. Xin tướng công ngầm theo đường Lam Sơn tiến vào mặt sau thành Tây Đô cắt đường về của chúng, còn tiểu tướng thì đem quân đánh yểm trợ, như vậy không đến mười hôm, vua tôi bọn chúng chắc sẽ bị tóm hết. Thời cơ đã đến, thành công trong sớm tối. Mong nhận ở đây tấm lòng trung thành, không nên chần chừ bỏ qua.

Kính thư

Ngày... tháng... năm Vĩnh Định thứ nhất”.

Nguyễn Kính xem xong, nói với người đưa thư rằng: “Nếu việc này mà thành công, thì sau khi thắng trận, ta sẽ cố hết sức tiến cử chủ tướng của nhà ngươi vào danh sách những người có chiến tích bậc nhất”. Nhân đó giao hẹn trước với Tử Nha các ám hiệu mai phục cũng như nổi dậy.

Sau khi sai nhân nhận lệnh chỉ xong ra về, Nguyễn Kính liền hạ lệnh cho các quân thủy bộ trang bị đầy đủ khí giới theo đường tắt vào Thanh Hoa, chặn lối đi của binh mã Sầm Châu, cắt đường chuyển vận lương thảo của họ.

Trang Tông Hoàng đế được tin, bèn gọi Thái sư Trịnh Kiểm vào hỏi rằng: “Nay quân Mạc đang chặn đường về của ta, lại thêm tên Tử Nha làm nhiều điều phản phúc, Thái sư trù tính thế nào?” Trịnh Kiểm nói: “Sự việc bức bách lắm rồi, ta nên quay về giữ nơi căn bản; nuôi dưỡng thanh thế, rồi sẽ liệu keo sau”. Nói xong, liền hạ lệnh cho chủ tướng thu quân chờ đêm xuống, nhổ hết đồn trại đi về phía Ai Lao.

Sáng sớm hôm sau, Tử Nha đem quân đi dò la, thấy dân trong thôn nói quân nhà Lê đã đi về phía Tây từ tối hôm qua rồi, bèn kéo quân đến Tây Đô gặp Nguyễn Kính, Kính mời ngồi và nói với Tử Nha rằng: “Kế lớn suy nghĩ rất chín, vậy mà cuối cùng đã để cho mãnh hổ về rừng, trường kinh thoát lưới, thật đáng tức”. Tử Nha đáp: “Không lo. Nay thừa đại thắng, có thể biểu dương thanh thế. Nếu ta chia đường tiến công, thì sào huyệt của chúng tất bị quét sạch, bức dọc làm gì!” Nói rồi, xin chọn một số người Thổ am hiểu địa hình sai làm hướng đạo. Hai người đang bàn bạc kế hoạch tiến quân thì có viên sứ do Mạc Phúc Nguyên sai mang chiếu thư tới. Nguyễn Kính đỡ lấy chiếu thư, đọc:

“Trẫm nối dòng chính thống của tiên đế, mới lên cầm quyền, nghĩ tới dân một phương đang gặp cảnh binh loạn, lòng rất lo lắng, đã đặc biệt sai nhà người là Tây quận công đưa quân đến đó đánh dẹp cốt làm cho trong cõi được yên. Ngờ đâu tên gian thần Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi mưu lập Chính trung Hoảng vương để gây nội loạn, hiện đang chiếm cứ vùng đất nằm giữa Ngự Thiên và Hoa Dương, làm cho lòng người chao đảo, không thể sống yên. Nay quân nhà Lê đã rút lui, khanh hãy sai người ở lại giữ thành lũy, còn bản thân mình thì nên đưa quân trở về cùng với Khiêm Thân vương hợp sức hoạch định mưu kế giải quyết những khó khăn bên trong. Chiếu thư đến nơi, khanh phải chấn chỉnh quân lữ về ngay, không được chậm trễ”.

Ngày... tháng... năm Vĩnh Định thứ nhất (1547).

Nguyễn Kính đọc xong chiếu thư, ngay ngày hôm ấy chỉnh đốn binh mã, thủy bộ cùng tiến phát theo hướng huyện Tân Hưng thuộc Sơn Nam để hội kiến cùng Khiêm Vương Mạc Kính Điển bàn việc tiến công Hoảng vương Chính trung Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi. Ở đây không đề cập tới nữa.

Lại nói chuyện Trang Tông ở Thúy Đơn lâu ngày, nghe quân Mạc đã lui, bèn trở về đạo Thanh Hoa, lập hành điện tại sách Long Sùng để ở, ra lệnh cho các hướng tập hợp lực lượng và giữ yên đội ngũ.

Tháng 12, tin tức truyền vào thành Thăng Long. Chúa Mạc thấy Chính trung Tử Nghi đã ra Yên Bang, bèn sai Nguyễn Kính kéo quân đi suốt trong ba ngày tới Mạn Hà, thanh thế vang dội.

Nhà vua rút quân qua sông, nhằm hướng chân núi Lôi Dương mà đi. Đến xứ Cao Nguyên dừng lại, ra lệnh trong ngoài canh giữ nghiêm mật.

Ngày hôm sau, Nguyễn Kính đốc thúc quân đội làm cầu đường, chia quân đi đánh. Quân trấn Bắc tiến công mé trên Lôi Dương; quân hai trấn Tây và trấn Nam tiến công phía sau góc tây Thành. Sau khi hai đạo quân tiến phát, tiếng trống và tiếng súng vang rền.

Trang Tông liền triệu Trịnh Thái sư và bảo rằng: "Quân giặc hung hăng lắm. Chúng đoán ta khiếp sợ, không dám đương đầu, nên đã chia đường xông lên để uy hiếp quân ta. Chả lẽ ta lại dùng đường lui quân về giữ thế thủ, mà không thể chia đường để chống lại chúng hay sao? Nay trẫm sẽ dẫn quân tiến vào địa giới Lôi Dương, còn Thái sư thì dẫn quân tiến dọc theo sông Thụy Nguyên, nếu như có tiến đánh vào đồn sở của địch, thì phải báo tin bằng cách bắn pháo lệnh để hợp sức chiến đấu". Thái sư nhận lệnh tiến quân theo đường Thụy Nguyên; vua cũng đôn đốc các tướng sĩ, binh mã tiến đến xã Lôi Dương.

Giặc đã dàn trận để đợi. Vua sai người cấp báo với Thái sư. Được một lúc, nghe có tiếng pháo lệnh từ xa vọng lại. Vua thân hành cưỡi con ngựa bạch long câu bày quân xông trận. Đánh được ba hiệp, giặc cố thủ không đánh nữa. Vua hỏi Hùng quốc công Đình công rằng: "Ta có thể đánh không?" Hùng quốc công trả lời: "Bây giờ phải đánh ngay, không nên chậm trễ để mất cơ hội". Vua lại dàn voi bày trận, nổ pháo hiệu thúc quân xông lên. Giặc chuẩn bị nghênh chiến thì bỗng nghe phía sau có tiếng súng vọng tới. Không dè Thái sư đã đốc thúc quân sĩ vượt sông sang. Hai đạo cùng giáp công, Nguyễn Kính trước mặt sau lưng đều bị đánh bèn dẫn quân tháo chạy. Quân ta thừa thắng xông lên, thúc voi dày nát dù lọng, dinh thuyền của giặc. Quân Mạc thua to, tranh nhau qua sông, chết đuối không biết bao nhiêu mà kể.

Nguyễn Kính bấy giờ tuy thoát được, nhưng gặp lúc trời chiều giá lạnh, muốn thu quân về doanh trại cũ. Vợ Kính khuyên rằng: "Nay quân ta mới bị thua, đang mất tinh thần, không nên kéo về đóng ở nơi cũ, mà cần cấp tốc rút ra ngoài quan ải để nuôi dưỡng uy lực, củng cố nhuệ khí, chuẩn bị cho đợt tiến quân sau". Kính nghe theo, bèn dẫn quân vào tạm ăn uống nghỉ ngơi trong xóm. Xong đâu đấy, nhân lúc trời tối, liền truyền lệnh cho quân bí mật rút ra ngoài biên tái.

Đêm hôm đó, Trang Tông vời Thái sư cùng các tướng đến bàn rằng: "Nay bọn ngụy Mạc đã tổn thất nhiều binh mã, vứt bỏ không biết bao nhiêu là khí giới. Qua một trận đánh lớn, thương vong nhiều, chắc chúng không dám ở đây lâu. Có thể trong đêm nay, chúng sẽ rút quân ra khỏi quan ải. Nếu ta đặt quân mai phục để đánh tập kích thì uy thế của quân ta càng lớn, mà bọn chúng cũng sẽ không dám dòm ngó tới doanh trại của ta bên trong cửa quan". Nói xong, Thái sư liền sai bọn quân hiệu Dương Đường hầu Nguyễn Hoan đặt quân mai phục ở các con đường trọng yếu mà quân Mạc không ngờ tới. Quả nhiên trong đêm đó, quân Mạc rút khỏi quan ải. Nguyễn Hoan tung hết quân mai phục ra đánh, chém được hơn một vạn đầu giặc. Quân Mạc thua to, vất vũ khí mà chạy. Đại tướng Nguyễn Kính ôm vợ lên ngựa chạy ra khỏi cửa quan, rồi nhắm hướng Đông Kinh mà đi.

Bấy giờ Trang Tông nghe tin thắng trận, sai các tướng hiệu chia nhau giữ những nơi xung yếu, rồi xuống chiếu kéo quân về thành Tây Đô. Thật là:

Nhất chiến Mạc triều câu phá đảm,

Quân trung lạc hứng khái ca hồi.

Nghĩa là:

Một trận quân thù đều vỡ mặt,

Trong quân vui sướng khái hoàn ca.

Sau khi về đến hành tại Vạn Lại, vua bèn tổ chức bình công ban thưởng. Dương Đường hầu công to hơn những người khác, được gia thăng làm Đề

đốc Tấn quận công. Bọn Hoan tạ ơn ra về.

Hồi bấy giờ, vua thân đi đánh giặc, dãi dầu sương gió, việc binh nhung lại phồn tạp, do vậy nhuốm bệnh không khỏi, sang tháng giêng năm sau tức năm Mậu Thân (1548) thì mất. Thần dân ai nấy đều tiếc thương, nhất là Thái sư đau xót vô cùng. Bèn tôn lập Hoàng Thái tử Huyền lên ngôi vua, lấy năm sau cải nguyên làm Thuận Bình năm thứ nhất (1549), đó là Trung Tông Vũ Hoàng đế.

Thái sư Trịnh Kiểm cho rằng quốc quân vừa mới mất, tự vương thì còn nhỏ tuổi, do vậy chỉ nên giữ đất yên dân, bảo toàn xã tắc, không dám cậy tài động binh, gây chuyện biên giới. Còn triều Mạc thì thấy vững vàng như lão tướng họ Nguyễn mà còn bị bại trận, nên không dám nhòm ngó khiêu khích phương Nam nữa. Giữa hai miền Nam Bắc vì thế mà tạm lắng binh đao, nhân dân cũng được vài năm sống yên ổn.

Đông Tây chính thị vô tha cố,

Hà sự Thăng Long phục khởi tranh?

Nghĩa là:

Đông Tây đang lúc thôi dòm dò,

Sao lại Thăng Long nổi cuộc tranh?

Việc tranh bá đồ vương nổi nên như thế nào, xem tiết sau sẽ rõ.

Tiết Thứ Tư

Trịnh Thái sư tôn lập Tuấn Hoàng đế

Lại nói tướng Nam đạo của nhà Mạc là Phụng quốc công Lê Bá Ly thấy chúa Mạc Phúc Nguyên cả tin vào lời gièm pha của cha con Phạm Quỳnh, nghi kỵ các quan đại thần trong nước, nên đã ngầm cùng Trạng nguyên Thư quận công Nguyễn Thuyên (người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, trấn Sơn Nam) đem gia quyến chạy vào Thanh Hóa theo vua, được vua cho vào bái yết ở hành tại và được triều đình an ủi, vỗ về, thu dụng.

Sang tháng 3, mùa xuân năm Tân Hợi (1551), bên ngoài bốn trấn giặc giã nổi lên như ong. Khi ấy Bá Ly tuy đã được đội ơn ưu đãi, nhưng còn nhớ tới quê nhà ở xã Thịnh Liệt, huyện Thanh Đàm, nơi chôn rau cắt rốn, nơi mồ mả tổ tiên không biết giờ đây như thế nào. Càng nghĩ, Bá Ly càng thấy bùi ngùi tắc dạ, bèn dâng tờ biểu xin rước thánh giá đi đánh lấy kinh thành để thực hiện việc thống nhất đất nước. Tờ biểu đại ý nói:

“Từng nghe: thù nhà Chu phải trả, không thể đội trời chung; nghiệp nhà Hạ đa nguy, phải toan lo khôi phục. Về các công việc lớn, tiểu tướng thiết nghĩ rằng: Kinh sư là gốc của thiên hạ, vậy mà giặc ngụy đã chiếm đóng hơn ba chục năm nay: thánh nhân là dòng dõi đế vương, thế nhưng quốc gia phải chuyển dời hầu hai mươi tuổi nguyệt. Sao có thể nấn ná để riêng mình được yên? Việc cần kíp hiện nay là mở rộng đánh dẹp lũ cá mập hôi tanh ở Hải Dương: vào thẳng kinh thành quét bọn hùm beo kết đảng nơi Như Cối: ngõ hầu đáp ứng lòng trông đợi của mọi người, không nên bắt chước nhà Tống riêng mình nhớn như một góc trời Giang Tả, mà phải thống nhất Đông Đô, trùng hưng cơ nghiệp nhà Hán, trùng hưng công nghiệp từ đó mà nên, muôn vạn năm sau phúc dài vô tận. Tiểu thần giải bày ngu ý, chờ xin thánh chỉ.

Kính dâng biểu

Ngày tháng... niên hiệu Thuận Bình năm thứ ba (1551)

Vua Trung Tông xem biểu xong, đưa xuống cho đình thần bàn bạc. Trịnh Thái sư thấy tờ biểu liền hạ lệnh xuất quân. Trước tiên, sai bọn Lê Bá Ly, Vũ Văn Mật lĩnh binh chia đường xuất phát. Tiếp đó, Thái sư đôn đốc các doanh trại thủy bộ đi theo sau, tiến vào bình định vùng địa giới tây nam.

Bấy giờ Đại tướng Lê Bá Ly đem binh mã theo đường Sơn Nam Hạ thẳng tới áp sát dưới chân thành Thăng Long. Chúa Mạc Cảnh Lịch cả sợ, nhân đêm tối, ra lệnh chuyển thuyền ngự tới bờ sông, dẫn quân vượt sông đến đóng ở hành điện Bồ Đề, sai Khiêm Vương Kính Điển lưu lại giữ kinh đô.

Tháng giêng năm Nhâm Tý (1552), Thái sư tiến quân qua đạo Tây Bắc. Hôm 29, gặp ngày giỗ Trang Tông. Từ sáng sớm, Thái sư đã gọi những người làm bếp dậy sửa sang lễ vật, cùng trăm quan tới làm lễ rất là thương kính.

Thượng tuần tháng 2 đưa quân qua sông Thao, chia quân mai phục các nơi. Sau đó, đại quân tiến đến đóng ở Hy Sơn.

Nhân dân sợ hãi. Tin tức lọt vào thành Thăng Long. Khiêm vương nghe được, liền đưa quân đi nghênh chiến. Mới tới chợ Xuân Canh, bỗng thấy phục binh bốn bề nổi dậy, trống đánh sừng rền, thanh thế bức bách. Được một lúc, Khiêm vương dẫn quân tháo chạy. Đại quân truy đuổi giặc suốt ngày hôm đó, vừa đánh vừa giết thẳng tới doanh Bồ Đề, thế như chẻ tre.

Ngày hôm sau, tiến đánh mạn Đông Bắc, dễ như đẩy cây khô. Nhân dân cả hai xứ hết thầy đều hàng phục. Đại quân thừa thắng tiến thẳng đến phủ Kinh Môn hạ trại trú quân.

Tháng 7, mùa thu, Thái sư cùng các tướng thấy chúa Mạc đào đắp lũy ở kinh thành rất kiên cố, canh gác nghiêm mật, thế khó đánh gấp. Mặt khác, lại sợ mùa thu nước lên to, voi ngựa khó ở lại. Chi bằng sau khi thắng lợi, quay về giữ kinh thành để dưỡng sức binh lính, chuẩn bị cho trận đánh tiếp theo. Bàn xong, bèn hạ lệnh kéo quân về.

Ngày 14, đại quân qua sông Nguyệt Lão, về đến Thăng Long, mở tiệc lớn úy lạo tướng sĩ ăn uống linh đình. Thật là:

Duyên hà tẩy giáp thư binh lực

Mãn kỳ đề bôi xướng tiệp ca.

Nghĩa là:

Ven sông gươm rửa ngừng chinh chiến.

Đầy tiệc chén mừng cất tiếng ca

Ngày hôm ấy, bình công ban thưởng, Thái sư thấy Tấn quận công có nhiều chiến tích, gia thăng cho chức Đô đốc, số còn lại đều được phong thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Ngày Trung thu tháng tám, Thái sư truyền cho các tướng vào nội phủ dự hội hoa đăng. Nơi lễ hội nghiêm bày nghi vệ, kẻ hầu dâng thức nhắm, con hát chuốc chén quỳnh: thật là một đêm cực vui say trong quân ngũ. Chợt từ chiếu tiệc bên trái. Diễn quốc công Lê Bá Ly nói rằng: “Nay đang lúc nguy triều lẫn trốn, phổ xá thanh bình, chủ tướng của chúng ta chỉ một mực vui say mà không nghĩ đến Thượng hoàng đang bơ vơ nơi biên trại, sao không sửa sang xa giá đi đón vua về?” Thái sư nghe câu nói ấy, liền sai soạn ngay tờ biểu dâng lên. Vua Trung Tông đọc xong, bảo rằng: “Từ xưa các bậc chân chúa dựng nên nghiệp đế, khi đã chính thức ngôi hiệu rồi, thì ở đâu mà không chính thống. Nay tuy nói Trung Đô là gốc của nước, cố nhiên có thể chiếm lấy. Nhưng chưa bình xong nguy Mạc, ngoài kinh kỳ ra, các nơi khác còn chưa được yên tĩnh. Trẫm không thể bỏ vùng đất cung cấp binh lương này để đi giữ một ngôi thành trống. Mong các tướng sĩ cố phá cho được lũy Hải Dương, chém cho được bọn đảng nguy để rửa hận cho tiên triều, đó là mong ước của trẫm. Còn như chuyện lên đường về cố đô, hãy đợi đến lúc giang sơn bình định xong sẽ hay”. Nói rồi bèn thông báo cho các tướng lĩnh biết. Viên sai nhân vội vàng trở về kinh truyền đạt lại tinh thần chỉ dụ.

Sau khi lĩnh hội được ý vua. Thái sư tấm tắc khen rằng: "Bề trên có cái nhìn sáng suốt ngoài muôn dặm, cùng phong độ của một đấng nhân quân". Ngay ngày hôm đó hạ lệnh cho các doanh trại chuẩn bị lương thảo và khí giới tiến đánh Hải Dương.

Tháng chạp, chúa Mạc được tin, liền sai Khánh quốc công đem binh thuyền tiến vào núi Thiên Kiện để đánh tập hậu. Thái sư biết chuyện ấy, ra lệnh cho đại quân quay về đánh Thiên Kiện, quân Mạc thua to.

Tháng giêng năm sau, Thái sư đưa quân về huyện Từ Liêm trừ bọn gian ác. Bấy giờ đang cơn binh lửa, nhân dân phiêu bạt, đường sá vắng tênh. Thái sư sai tướng chia giữ các sứ rồi chỉnh đốn quân ngũ kéo về Tây Đô, liệt kê chiến tích của các tướng dâng lên triều đình phê duyệt khen thưởng. Khi đó, Tấn quận công đạt nhiều huân vọng, được gia phong Thái Bảo. Trịnh Thái sư thấy Tấn quận công Nguyễn Hoan có trí mưu dũng lược, đánh đâu được đấy, thật là một vị tướng tài, do đó đặc biệt kính yêu, cho đổi tên là Trịnh Mô, làm thần tử thân thuộc. Lại cấp thêm cho binh dân và trao quyền trông coi những việc quân quốc trọng đại trong kinh ngoài trấn.

Nguyễn Hoan bái tạ ơn trên, trở lại dinh riêng của mình. Trong khi thơ thẩn ngắm hoa, bỗng thấy điềm sinh con trai. Vợ ông họ Nguyễn, là con gái của Đỗ Liêu Phấn Vũ hầu ở Thiên Lộc, nhan sắc xinh đẹp, tính nết hiền lành, được Nguyễn Hoan rất đổi yêu dấu, giờ đây mới có mang.

Đến ngày 21 tháng 8 năm Quý Sửu, niên hiệu Thuận Bình (1553), bà sinh được một người con trai, trán rộng, mắt sáng, đầu vích, lưng rùa, thật là một vị hổ tướng, dáng mạo phi thường. Sau lấy tên là Cảnh Kiên, tức là Thư quận công. Năm đó Trung Tông Vũ Hoàng đế dời hành tại tới Yên Trường.

Năm sau Giáp Dần (1554) Trịnh Thế Tổ Thái Vương dời hành dinh về Biện Thượng. Các công trình do quan quân xây cất tại đây cũng đã nhanh chóng hoàn thành.

Năm Ất Mão (1555), được tin tướng giặc là Thọ quốc công Vạn Đôn hầu tiến quân xâm lấn huyện Vĩnh Phúc, Thái sư bèn tự mình đốc tướng lĩnh mang quân đi đánh. Tấn quận công Trịnh Mô trong trận này bắt sống được tướng giặc đem nộp trước cửa quân. Thái sư sai đem các tên đầu sỏ ngụy ra chém, số còn lại cho về quê cũ làm ăn.

Năm Bính Thìn, niên hiệu Thuận Bình thứ tám (1556). Trung Tông Vũ Hoàng đế mất. Bấy giờ vua chưa có con kế tự. Thái sư cho tìm khắp trong đám con cháu của Thái Tổ, Thánh Tông, nhưng chưa được ai, bèn họp các đại thần lại bàn rằng: "Nước không thể một ngày không có vua. Nay trong hàng tông thất của triều ta còn có Mai Sơn hầu Lê Duy Bang là cháu năm

đời của Lam quốc công (anh thứ hai của Thái Tổ Cao Hoàng đế) . Mai Sơn hầu là người tư chất thông minh, quyết đoán có thể tôn lên làm vua". Nói rồi, bèn đem trăm quan đến rước Mai Sơn hầu Lê Duy Bang lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu năm sau (1557) làm Thiên Hựu, tức Anh Tông Tuấn Hoàng đế.

Lại nói triều nhà Mạc nhân khi vua Trung Tông mất, muốn thừa sơ hở, chia đường vào cướp Thanh Hoa, Nghệ An. Thái sư được tin, sai tướng sĩ chia đường chống cự. Quân Mạc không địch nổi, phải chạy về kinh. Thái sư hạ lệnh rút quân về.

Chợt có tin cáo phó hàng thần Nguyễn Thuyên mất. Triều đình nghĩ tới lòng quy thuận chân thành của Thuyên đã ra ơn ban tặng cho tước hiệu. Lại sử dụng con của Thuyên là Quyện, sai đem quân ra trấn giữ phủ Thiên Trường . Quyện sau khi đến phủ trấn, họ Mạc cho người mang hậu lễ tới dụ. Quyện cùng em là Miễn lại trở về với Mạc. Nhà Mạc phong cho Quyện tước Văn Phái hầu; phong cho Miễn tước Phù Hưng hầu, đem con gái quyền quý gả cho.

Cuối mùa thu, nghe tin Trịnh Thái sư đem quân đánh vào miền giữa trấn Sơn Nam bắt sống được Khánh quốc công ở sông Phượng Sứ , rồi tiến quân thẳng tới miệt dưới huyện Giao Thủy , nhà Mạc bèn sai Nguyễn Quyện đưa binh thuyền đến đánh chặn ở sông Giao Thủy. Quan quân thua to. Trong trận này quân ta chết quá nửa, Thái sư nhổ đồn lũy trở về Thanh Hoa, dưỡng sức quân lính, tuyển thêm đinh tráng bổ sung vào quân ngũ, tiến hành luyện tập để mưu đánh lần sau.

Năm ấy, do đại quân thua to, nước lụt làm chết lúa, Anh Tông bèn đổi niên hiệu năm sau là Chính Trị (1558).

Năm Kỷ Mùi (1559), Thái sư sai các tướng ở lại bảo vệ cung vua và đóng đồn canh giữ các cửa ải để đề phòng sự bất trắc, còn mình thì đốc thúc đại quân từ Thiên Quan ra miền thượng lộ Sơn Tây, tiến thẳng đến Kinh Bắc, Hải Dương để đánh quân Mạc. Hai vùng đất này vì thế mà rung động. Chúa Mạc Quang Bảo sợ hãi bỏ thành Thăng Long dời ra ở ngoài cửa Nam.

Trịnh Thái sư ở ngoài đánh giặc đã hơn ba năm.

Đến tháng 3 năm Tân Dậu (1561), Mạc Khiêm vương vào cướp Thanh Hoa, thế lực quân sĩ rất mạnh. Các tướng bảo vệ các cửa bể ở Thanh Hoa lui về giữ Yên Trường. Thái sư nghe tin đó, dẫn quân về Thanh Hoa. Mạc Khiêm vương đánh Yên Trường không được, bèn kéo quân về kinh. Đến cuối thu, quân của Thái sư về tới Yên Trường, vào cung bái yết vua, rồi ra đóng quân ở Cao Mật, ban thưởng cho những người có chiến công.

Mùa đông, tháng chạp, niên hiệu Quang Bảo, Mạc Phúc Nguyên chết. Con là Mạc Mậu Hợp nối ngôi, năm sau Nhâm Tuất (1562) đổi niên hiệu là Thuần Phúc năm thứ nhất. Đến năm Bính Dần (1566) lại đổi niên hiệu là Sùng Khang, dời về quán Bồ Đề, đây không bàn tới nữa.

Lại nói Trịnh Thái sư năm Đinh Mão (1567) tuy đang có bệnh, vẫn đi kiệu ra trận dẹp yên được vùng biên giới Tây Nam. Tháng tư năm Mậu Thìn (1568), Thái sư một lần nữa gượng bệnh ra quân đánh phủ Trường Yên ra lệnh cho quân lính gặt lúa rồi về. Năm Kỷ Tỵ (1569), vào tiết Trọng Xuân (tháng 2), Anh Tông tiến phong Thái sư làm Thượng tướng Thái quốc công, tôn lên làm Thượng phụ. Đến tiết Trọng Đông (tháng 11), Thái quốc công ốm nặng, có ngôi sao băng dài 5 trượng rơi xuống đất, tiếng nổ to như sấm.

Ngày 18 tháng 2, mùa xuân năm Canh Ngọ (1570) ngày Bính Thìn, Thái quốc công qua đời. Bấy giờ vua Anh Tông rất đau thương tiếc, tặng cho là Minh Khang Thái vương, đặt tên thụy là Trung Huân, sai an táng theo nghi lễ như đối với Chu Công.

Tháng 3, xuống chiếu cho con trưởng Thái vương là Tuấn đức hầu Trịnh Cối thay lĩnh binh quyền đánh giặc. Tuấn đức hầu sau khi nắm binh quyền trong nước đã ham mê tửu sắc. Em là Phúc Lương hầu Trịnh Tùng cùng các tướng như Đoan vũ hầu Lê Cập Đệ, Văn phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Vệ dương hầu Trịnh Bách, Lương quận công (sử không ghi họ tên), Tấn quận công Trịnh Mô, Lai quận công Phan Công Tích, Nghĩa quận công Đặng Huấn chạy vào hành tại Yên Trường. Đoạn này trong gia phả cũ của họ Nguyễn không thấy nhắc tới, chẳng hiểu vì sao mà lược bớt như vậy.

Lại nói họ Mạc nghe tin Thái vương đã châu trời, muốn nhân cơ hội này để gỡ gạc, bèn sai Kính Điển vét hết binh mã ở kinh thành đưa vào đánh cướp Thanh Hoa. Các cánh quân hồi hải ra đi, chia đường vào trấn giữ các cửa biển, rồi tiến thẳng đến đóng quân ở Hà Trung .

Tướng nhà Lê đồn trú ở các nơi đều rút về giữ Yên Trường, đóng cửa ải chống giữ. Anh Tông sắc phong cho con Thái vương là Phúc Lương hầu Trịnh Tùng làm Trưởng quốc công tiết chế thủy bộ chư dinh, cầm quân đánh giặc. Ngày hôm đó Tiết chế Trưởng quốc công mở tiệc lớn chiêu đãi quân sĩ, cùng với các tướng võ như Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Tấn quận công Trịnh Mô, Lương quận công (sử không ghi họ tên), Đoan vũ hầu Lê Cập Đệ, Vệ dương hầu Trịnh Bách, Văn phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Nghĩa quận công Đặng Huấn, Lai quận công Phan Công Tích, Vị quận công Lê Khắc Thận, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu, Hùng Trà hầu Phạm Văn Khoái, Tây Hưng hầu Hà Thọ Lộc và ba mươi viên tướng hiệu, mười hai viên văn thần gồm bọn Lại bộ thượng thư Từ quận công Nguyễn Đình... chỉ tay lên trời mà thề. Thề xong, ai nấy chia nhau giữ các cửa thành lũy, đào hào cắm chông để phòng quân nhà Mạc.

Quân Mạc tiến đánh lũy Yên Trường, ngày đêm không nghỉ. Quan quân cố thủ. Mạc Khiêm vương thấy công phá thành không được, lại lui về giữ Hà Trung, ra lệnh không được mang muối lên thượng nguồn bán cho quan quân.

Anh Tông hội các tướng bàn việc mở chiến dịch để lấy lại đất đai. Ngày hôm đó gia phong cho Trưởng quốc công làm Tả tướng tiết chế, thống lĩnh tướng sĩ thuộc các doanh thủy bộ và quân dân các xứ. Tiếp đó sai bọn An quận công Lại Thế Khanh, Đoan vũ hầu Lê Cập Đệ, Văn phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Tấn quận công Trịnh Mô đem quân ra đường phía tả, từ An Định qua Vĩnh Phúc đánh lấy Tống Sơn . Bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Nghĩa quận công Đặng Huấn, Lai quận công Phan Công Tích, Vệ dương hầu Trịnh Bách đem quân ra đường phía hữu từ Lôi Dương qua Nông Cống đánh lấy Quảng Xương . Vua tự làm Đô tướng, cùng Trưởng quốc công

thống lĩnh đại quân ra trung lộ, từ Thụy Nguyên qua An Định thẳng đến Đông Sơn đóng doanh trại. Bấy giờ cả ba đường cùng tiến quân, thanh thế lừng lẫy. Quân Mạc không dám tiến, lui về giữ sông Bút Cường .

Anh Tông sai làm cầu phao ở sông An Liệt, cùng Tả tướng thống lĩnh đại quân qua sông, tiến đến xã Kim Tử , tắt qua Thuần Hựu . Lấy võ sư Thước làm Tiên phong, khiêu chiến ở Lôi Tân . Các tướng ở hai bên tả hữu cùng tiến công giặc, phần nhiều đều thu được thắng lợi.

Tháng 12, Mạc Khiêm vương thấy đánh mãi không được, binh lính trở biếng, bèn ra lệnh nhổ trại mà về.

Anh Tông lại chia các tướng hiệu đóng giữ các nơi quan trọng, rồi trở về Yên Trường.

Tháng 2 năm sau, Anh Tông cho luận công ban thưởng. Gia phong cho Tả tướng Trưởng quốc công Trịnh Tùng làm Thái úy Trưởng quốc công. Thứ đến là bọn Đoan vũ hầu Lê Cập Đệ đều được thăng thưởng theo thứ bậc khác nhau. Khi ấy Tấn quận công Trịnh Mô công lao đứng vào hàng thứ sáu, được dự thăng chức Thiếu phó. Các tướng đều bái tạ ân mệnh lui về nghỉ ngơi.

Mùa thu, tháng 7, Mạc Khiêm vương đốc các tướng theo đường biển vào cướp Nghệ An, tướng trấn giữ ở đây không chống nổi.

Tháng 9, lại sai Thiếu phó Tấn quận công Trịnh Mô, Lai quận công Phan Công Tích đem quân đến cứu. Quân Mạc rút về, Nghệ An lại được ổn định.

Tháng 7 năm Nhâm Thân (1572), quân Mạc lại vào cướp Nghệ An. Tả tướng sai bọn Lại Thế Khanh, Trịnh Mô, Phan Công Tích đem quân đến cứu. Quân Mạc lui về kinh thành .

Tháng 11, Anh Tông sai Phan Công Tích đi kinh lý Thuận Hoa thăm hỏi các tướng sĩ. Khi tới nơi, Tích đặc biệt chú ý đến Nguyễn Hoàng.

Vào đêm Mậu Dần, 26 tháng 12, Anh Tông ra khỏi cung đi tuần thú phương nam, đóng lại ở Nghệ An. Rạng sáng ngày Kỷ Mão, trăm quan mới biết vua

đã chạy ra ngoài . Quan Tả tướng cho rằng thiên hạ không thể một ngày không có vua. Được tin Hoàng tử Duy Đàm hiện đang được nuôi ở xã Quảng Thi , huyện Thụy Nguyên, Tả tướng liền cho người đến nơi rước về tôn lập làm vua.

Nhìn chuyện nay mà nhớ chuyện xưa, nên có đôi câu đối rằng:

Chiêu Tông tây hạnh, Cung Hoàng lập

Hồng Phúc nam thiên, Thế miếu nghênh

Nghĩa là:

Chiêu Tông chạy về phía tây, Cung Hoàng lên kế vị,

Hồng Phúc lánh vào phương Nam, Thế miếu được đón về

Lấy việc người mà ngẫm việc ta, các sự kiện tuy thời điểm xa cách, nhưng nội dung lại tương tự nhau! Không biết Anh Tông xiêu giạt ra sao, chờ xem hồi sau sẽ rõ.

Hồi Hai: Tiết Thứ Nhất

Lai quận công tử tiết Quan Trung

Tấn Trịnh Mô đại phá Nguyễn Quyện

Nghĩa là:

Lai quận công tử tiết ở Quan Trung

Tấn Trịnh Mô đại phá quân Nguyễn Quyện

Năm Quý Dậu, niên hiệu Hồng Phúc thứ hai (1573), ngày Nhâm Tý mồng một, tháng giêng, mùa xuân, Hoàng tử Lê Duy Đàm lên ngôi lúc bảy tuổi, đổi niên hiệu là Gia Thái, tức Thế Tông Nghị Hoàng đế. Ngày hôm ấy ban tờ *Đại cáo xá* gồm 6 điều, trong đó có điều thứ 5 là: "Phàm những quan văn võ có công, đều được phép thăng một bậc". Nha môn bộ Lại, căn cứ vào tờ cáo, ban hành chế sắc, tấn phong cho Thái úy Trường quốc công Trịnh Tùng làm Đô tướng, điều hành doanh trại thủy bộ các nơi, kiêm chức Tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự. Mọi công việc trong nước đều do Tùng tự quyết định trước, rồi sau đó mới tâu lên cho vua hay. Tiếp đến, lấy Thái phó Nhân quốc công Vũ Công Kỳ làm Hữu tướng; bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái... cũng đều được thăng phẩm trật theo thứ bậc khác nhau.

Hồi bấy giờ, Tấn quận công Trịnh Mô làm tướng đã lâu, tiếng tăm vang dội trong ban võ. Triết vương thấy ông có tài biện luận, muốn thăng sang ban văn, bèn phong chức Hiệp mưu công thần, đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu Binh bộ thượng thư Thái phó, kiêm Hành tướng sự. Trịnh Mô tạ ơn lui ra.

Hôm sau, Nguyễn Hữu Liêu phụng mệnh đi đón Hồng Phúc Hoàng Đế về Thanh Hoa.

Đến ngày Quý Mão 22, ngự giá về đến Lôi Dương. Bảng quận công Tống Đức Tín vào chầu. Vua mất. Việc này thôi không nhắc tới ở đây nữa.

Lại nói họ Mạc đánh chiếm Yên Trường không được, muốn quấy rối Nghệ An để chia nhỏ thế lực của ta. Năm Sùng Khang thứ chín (1574), nhà Mạc sai tướng Nam đạo là Thạch quận công Nguyễn Quyện dẫn binh thuyền vượt biển vào Hoan Châu chiếm Nghệ An. Tướng canh giữ là Hoành quận công thấy quân sĩ của mình sợ hãi chạy trốn, không chống cự được, bèn bỏ thuyền lên bờ, chạy theo đường bộ, tới châu Bố Chính thì bị Nguyễn Quyện bắt.

Mùa thu, tháng 7, tin tức loan đến Yên Trường. Tiết chế Trường quốc công triệu tập văn, võ hai ban cùng họp để bàn việc chọn tướng vào cứu Nghệ An. Triều thần đều cử Lai quận công Phan Công Tích và Tấn quận công Trịnh

Mô là hai viên tướng có khả năng chống địch. Trưởng quốc công nghe theo, bèn hạ lệnh sai hai tướng đem quân vào cứu Nghệ An.

Hai tướng vâng theo lệnh chỉ, ngay ngày hôm đó tiến quân vào Nghệ An. Tới Nghệ An, hai tướng cầm cự với Nguyễn Quyện mấy tháng liền. Quyện liệu sức không đánh nổi, bèn kéo quân về kinh thành. Hai tướng cũng thu quân về Thanh Hoa.

Qua năm Ất Hợi (1575), tướng Mạc là Thạch quận công Nguyễn Quyện lại vào cướp Hoan Châu. Tiết chế Trưởng quốc công nghe tin ấy, lại sai bọn Thái phó An quận công Lại Thế Khanh, Tấn quận công Trịnh Mô, Lai quận công Phan Công Tích đem quân phòng ngự. Bọn Thế Khanh đến Nghệ An chia quân đóng các nơi. Tấn quận công thân đốc các thuộc tướng gồm Thế quận công Ngô Cảnh Hựu, Thanh quận công Đặng Kính, Trinh quận công, Bảng quận công, Thăng quận công, (người viết không biết họ tên ba người vừa nêu), Trung quận công Nguyễn Hân, Cường quận công Nguyễn Văn, Lập quận công Nguyễn Chiêu (cả ba người đều là em ruột của Tấn quận công), Phù quận công (con nuôi của Tấn quận công), Phấn Vũ hầu, Phấn quận công, Hào Lương hầu, Nham Lĩnh hầu (có tài liệu nói đây là Cảnh Kiên người con trai thứ của Tấn quận công)... Tất cả ba mươi viên chiến tướng cùng một vạn quân tinh nhuệ tới đóng doanh trại ở đạo Thanh Thủy, xây dựng nhà cửa. Lại đắp lũy đất ở xã Lữ Sơn để nhốt voi ngựa, chứa lương thảo. Sau khi công việc hoàn tất, bèn tụ họp mưu thần, chiêu mộ nghĩa sĩ, tung tiền của để thu nạp nhân tài. Từ đó nhiều người theo về, lực lượng ngày càng mạnh. Thực là:

Nhất điều quân lữ nghiêm đồn sở

Vạn Lại giang sơn tổng thiếp thanh

Nghĩa là:

Một đoàn quân lính nghiêm đồn sở

Vạn Lại non sông vẫn lắng yên

Nào ngờ: Biển đầy thuyền Bắc, ngựa xéo Đông Thành . Quân Mạc lại áp sát bờ cõi. Viên tướng cừ khôi của nhà Mạc là Nguyễn Quyện rất có tài lược, thiên văn địa lý không gì là không biết khắp. Tối tối Quyện thường ra ngoài trời xem thiên văn. Chợt một đêm thấy có ngôi sao sa xuống vùng địa giới tây nam, Quyện liền vào phòng gọi các tướng đến mà bảo rằng: "Đêm hôm nay ta thấy một tinh đầu rơi sáng rực, đây là điềm họ Lê mất một viên đại tướng. Ta nên cùng nhau bàn cách tiến đánh chắc thế nào cũng thành công". Nhân đó, Quyện nói về cách thức tiến công nhử đồn trại đối phương. Các tướng nhận lệnh ra đi. Sáng hôm sau, Quyện dẫn quân theo đường biển thẳng tiến.

Lúc bấy giờ Lai quận công đang đóng đồn ở Quan Trung, bỗng thấy An quận công Lại Thế Khanh cho lính cầm thư đến báo kế hoạch đặt phục binh để giáp công. Lai quận công y theo lời dặn, tức tốc kiểm điểm binh mã, tiến về hướng đông dàn quân mai phục. Nguyễn Quyện dẫn quân tới, gặp phục binh nổi dậy, bèn lui về phía trái, theo đường núi mà đi. Lai quận công đuổi giặc đến xã Vân Tụ thì trời vừa tối, đành kéo quân trở lại Quan Trung. Lai quận công thấy núi Lưỡng Kiên nằm giữa một vùng lầy lội, chỉ có độc một lối ra vào, nghĩ rằng có thể dùng làm hiểm cứ, bèn đưa quân vào đóng ở đó. Nhân đấy, sai lính cấp báo cho hai doanh trại Tấn quân công và An quận công biết, giao hẹn cùng bí mật đánh kẹp địch. Bọn lính nhận lệnh ra đi.

Quân Mạc đi tuần, biết được nơi đóng quân của Lai quận công, liền về báo cáo với Đại tướng Nguyễn Quyện. Quyện sau khi xem xét hình thế đóng quân của đối phương, lấy làm lạ nói rằng: "Lai quận công không biết dùng binh. Đâu có chuyện bỏ địch đấy không ngăn chặn, lại đem quân vào nơi tử địa mà gọi là hiểm cứ sao? Nay ta phải đánh gấp để thu toàn thắng, không cho viện binh họ đến kịp". Nói xong, liền truyền lệnh ăn cơm và chuẩn bị khí giới. Đúng trống điểm canh tư đêm ấy, Quyện cho quân lính bí mật đến vây chặt núi Lưỡng Kiên.

Trời tảng sáng, nhìn thế trận bố trí, Quyện đã nắm chắc được phần thắng. Quyện hớn hờ bảo mọi người rằng: "Nơi đóng quân của Lai quận công là

núi Lưỡng Kiên". "Lưỡng Kiên" có nghĩa là "hai vai" tức không có đầu, như vậy là diêm có thể bắt được tướng cầm đầu". Nói xong liền thúc quân khiêu chiến tập trung tên đạn bắn vào đồn sở cánh quân giữa của Lai quận công.

Lai quận công đến lúc này mới nhận ra nơi mình đang ém quân không phải là đất an toàn. Nhưng cơ sự đã bức bách, không còn con đường nào khác, nên mặc vội áo giáp trèo lên mình voi. Trông thấy quân Mạc đông nghịt, Lai quận công bèn đốc thúc quân thủy bộ đánh thực mạng, tả xung hữu đột. Nhưng xem chừng không thoát nổi, Lai quận công liền gọi các tướng cho tập trung quân về một phía, quyết cùng nhau tử chiến. Thế là ai nấy đều chen nhau xông lên, làm cho quân địch phải chùn lại.

Bỗng từ bên cạnh, Nguyễn Quyện đưa một đạo quân với đầy đủ cờ quạt khí giới đánh thẳng vào giữa đám quân của Lai quận công, làm cho quân của Lai quận công không còn đường tiến. Quyện thấy Lai quận công liền bảo rằng: "Xin chịu khó xuống voi quy hàng Hoàng triều, đó là kế hay nhất của Lai huynh". Lai quận công cả giận mắng Nguyễn Quyện rằng: "Bề tôi trung không thờ hai vua. Vua của thiên hạ chỉ có mỗi một Lê hoàng thôi. Còn họ Mạc kia là tuồng Tào Tháo, Vương Mãng. Thế mà người không biết đục trong, bỏ chân theo ngụy, ta hận không chém được nhà ngươi. Nay sa cơ thất thế chỉ một chết mà thôi, đâu có chuyện cam tâm vì ép buộc mà đi đầu hàng giặc?" Nói xong bèn lấy dao đeo bên hông rạch bụng moi ruột ra và bảo với Quyện rằng: "Ruột gan ta đây, người hãy xem cho biết", nói xong rồi chết. Các thuộc tướng của Lai quận công thốt lên rằng: "Đại tướng quân đã tử tiết, bọn chúng ta há chịu sống mà đầu hàng? Nay nên liều chết đột phá vòng vây, sống thì lo báo đáp nước nhà, thác thì không mất tiếng là ma trung nghĩa". Nói rồi, ai cũng thúc quân xông tới. Có kẻ thoát được, có người hy sinh, nhưng không một ai chịu đầu hàng giặc cả.

Lại nói An quận công Lại Thế Khanh đóng quân ở ngoài Quỳnh Lưu. Được tin lính của Lai quận công đến xin cứu viện, Lại Thế Khanh vội vàng chuẩn bị binh phục khí giới, tiến quân đến sông Cầu Lửa. Nghe Quan Trung đã bị phá, An quận công lập tức khua chiêng cho dừng quân lại. Chợt thấy trên bờ

sông trước mặt, về phía hữu ngạn có một con voi không biết từ đâu lại, kêu rống thảm thiết. Lại An công nói với mọi người rằng: "Mắt ta trông xa xa thấy con voi tuồng như là voi Lai quận công thường cười vậy. Lai quận công không rời con voi này bao giờ. Nay thấy voi đến đây, chả lẽ Lai công lâm nạn rồi ư?" Nói xong cho người áp dẫn voi lại, Lại An công nhìn kỹ, thấy nước mắt voi chảy đáng thương. Bồng voi quỳ xuống. Lại An công sai lính tháo bánh và cho voi ăn cỏ tươi. Người lính vâng lệnh đến bên voi để tháo bánh, bỗng thấy trên chiếc bánh có một thi hài còn nguyên trong bộ áo giáp. Lại An công bảo mở ra xem, thì đó chính là Lai quận công. Lại An công kêu khóc thảm thiết, quân lính kinh hoàng. Ngày hôm ấy sắm quan tài khâm liệm và đem quan ở một nơi kín, rồi mới đưa thư cáo phó về Yên Trường. (Đoạn này ở chính sử nói rằng Nguyễn Quyện nguy trang, đặt quân mai phục, bắt được Công Tích đem về. Còn ở sách của ta thì chỉ để Nguyễn Quyện lấy một tí ruột thôi). Việc xong, bèn chia đường chặn đánh quân Mạc. Cho một cánh quân sang sông đánh vào sườn bên phải, một cánh khác men theo bờ sông xuống đánh tập hậu, còn sườn bên trái thì báo cho Tấn quận công ứng cứu. Kế hoạch sắp đặt xong đâu đấy, quan quân cùng một lúc tiến phát. Nguyễn Quyện nghe tin ba mặt giáp công, liệu thế đất Quan Trung khó bề chốt giữ, mà rút lui cũng không được, bèn chuyển quân theo hướng thượng lưu. Lại An công bố trí binh lực giữ cứ điểm Quan Trung để phòng thủ.

Lại nói Tấn quận công hôm nghe tin Lai quận công xin cứu viện, đã lập tức chỉnh đốn binh mã tiến ra xứ Bông. Chợt thấy ở khúc sông Gang có vài chục chiến thuyền, nhận ngay được đây là thuyền của Lai quận công. Tấn quận công liền sai lính lôi hết về Bạch Hà. Ngờ rằng Đông Thành đã bị phá, Tấn quận công không dám khinh thường tiến lên, bèn cho quân tạm dừng lại để thám thính. Được một lát, có ba viên tiểu tướng cùng vài chục người theo sau hốt hoảng tới tự xưng là Dĩnh quận, Thông quận, Vị quận, đều là thuộc tướng của Lai quận công, đến báo tin bại trận. Tấn quận công bảo dẫn vào cho ăn nghỉ và hứa giúp quần áo, lương thực, đồng thời sai người cầm tờ tấu đến Yên Trường xin cho nhận ba vị tướng này vào bản doanh. Sau mấy

ngày, chợt thấy Lại An công cho lính cầm thư đến báo rằng thế giặc bức cận, quận Nam Đường nên thận trọng phòng thủ nghiêm mật, chuẩn bị đem quân đánh vào sườn bên trái để tiếp ứng. Tấn quận công liền sai Nghĩã võ hầu hiện đang luyện tập thủy chiến ở sông Gang bố trí quân mai phục chờ địch.

Lúc bấy giờ Nguyễn Quyện tiến quân lên miền thượng lưu, đóng lại ở sông Hao Tiều . Vì sợ đường cũ Đông Thành có lão tướng Lại Thế Khanh không chế, thế khó đánh nổi, nên Quyện không dám dẫn quân xuống, đành theo sông Chính Cái chuyển quân ra. Tấn quận công được tin, liền đốc thúc voi ngựa cùng các đạo quân thủy bộ tiến đến bên trái xứ Chùa Hồng, thuộc xã Chung Tháp dàn quân chờ địch. Quân Mạc không hay biết gì cả, cứ kéo tới. Hai bên đánh nhau bất phân thắng bại, bèn đắp lũy cầm cự đến ba ngày. Tấn quận công vô cùng tức giận, sáng sớm hôm sau đốc suất binh mở trận đánh lớn. Tướng tiên phong của ông là Trịnh quận công xông lên phá các chướng ngại vật, chém được hơn trăm đầu giặc. Quân Mạc không địch nổi, bèn lui về đóng ở xứ Bãi Liễu. Đại tướng lại đốc quân đuổi đánh. Nguyễn Quyện lập tức triển khai đội ngũ đánh nhau với Tấn quận công. Hàng tiên phong của quân Nam dàn trận tiến lên. Có một viên thuộc tướng phóng ngựa múa đao xông vào trận giặc, chém được hơn mười thủ cấp. Quân Mạc lui chân. Nguyễn Quyện gọi to sang quân Nam rằng: “Tướng tiên phong của các người là ai đấy, sao dám khinh chiến như thế?” Quân Nam đáp rằng: “Đó là Nham Lĩnh hầu , con trai của Đại Tướng ta đó, các tướng hiệu quân Bắc có dám đo sức chẳng?” Quyện liền bảo với quân lính của mình rằng: “Tên này đao mã cao cường, các người ra trận nếu gặp hắn nên cẩn thận, không được khinh suất”. Nói xong, thu quân theo đường núi, đến đóng ở chợ Hoa Viên.

Nhân dân lúc này mạnh ai nấy chạy, làng xã vắng tanh, không cách gì để phân biệt đâu là đâu nữa. Tướng giặc là Kỳ quận công, Tây quận công tung quân vào cướp bóc ở xã Hòa Lang, vợ vét thóc gạo, gia súc, sản vật. Lương dân nhiều lần bị cướp bóc đã chạy đi tố cáo. Tấn quân công tự mình đốc đại quân đến ứng cứu. Quân tiến đến xã Bạch Hà thì đóng lại. Nghe nói ở Bạch Hà có ngôi miếu cổ nằm ở ven sông Bàn, hễ cầu là ứng, hết sức linh thiêng. Tấn quận công bèn sửa đủ lễ vật đến nơi cáo rằng: “Tấn quận công tôi được

ban quốc tính Trịnh Mô, nay vâng lệnh triều đình đến đóng quân ở đây để bảo vệ an toàn cho dân chúng. Hiện giặc Mạc đang xâm phạm cõi bờ, giết người cướp của, địa phương không được yên ổn. Tôi xin nhờ uy thần u minh hiệp lực giúp Hoàng gia, cho tôi phục kích đánh tan giặc. Thu được công lớn, tôi sẽ tâu với triều đình gia phong cho thần vinh hiển hơn, không dám nuốt lời”. Lễ xong, ngay ngày hôm ấy chia quân đánh úp, nhưng giặc ở các đạo đều chạy thoát, rốt cục không bắt được tên nào. Tấn quận công thấy việc cầu thần Bạch Hà không mấy ứng nghiệm, cáu tiết quát rằng: “Đây là thần gì vậy? Chễm chệ trên sông, mang danh linh nghiệm, thế mà lại đi giúp cho giặc? Ý chừng cho rằng ta không có cách tống cổ người đi sao?” Nói rồi, tiến đến miếu thần Bạch Hà vẽ bùa trục ải, yểm cấm cực nghiêm. Ông nghiêm giọng niệm chú rằng:

Cổ hữu linh thần hiệu Bạch Hà,

Nhất khu thành miếu tại duyên hà.

Bất năng u trợ tam quân thắng,

Ngã tấu Hoàng Thiên giáng Bạch Hà.

Nghĩa là:

Xưa có thần linh hiệu Bạch Hà,

Một khu thành miếu cạnh yên ba,

Không tài phù trợ ba quân thắng

Ta tấu Hoàng Thiên giáng Bạch Hà.

Miếu thần Bạch Hà từ đó không còn thiêng nữa.

Ngày hôm sau, Tấn quận công cắt cử các thuộc tướng rải quân dựng đồn lũy chặn đường rút của quân Mạc. Một dải Nam Đường khổng lồ chế càn chặt. Nguyễn Quyện hết cách rút lui, bèn chuyển quân sang bờ nam, theo dòng sông mà xuống, thủy bộ đều lặng lẽ tiến trong đêm. Vừa đến sông Lăng, chợt thấy đồn lũy nghiêm mật đặt khắp trên bờ và dưới sông, lại có dàn thò

chặn ngang các lối đi làm cho thủy bộ hai đường đều tắc. Quyện lại theo con sông nhỏ cạnh đường đi ngược lên. Thấy đồn lũy quân Nam la liệt. Quyện cũng muốn xem chỗ nào yếu thế, tìm cách bạt đi vài cái. Nhưng khốn thay chúng lại xây dựng kiên cố, chưa thể làm gì được. Quyện bèn dẫn quân đến trên bến La Mạc. Trời đã về chiều, Quyện hạ lệnh đóng quân và sai canh gác nghiêm mật để đợi.

Hôm sau trời vừa sáng, Quyện cho quân dàn trận, lừa voi phất cờ. Đảo mắt thấy thuộc tướng của quân Nam là Bảng quận công đang giữ lũy ở trước mặt, Quyện liền vẫy tay nói: “Cậu chẳng phải là người cũ của ta ư? Ân nghĩa ngày trước sâu nặng là vậy, nay sao lại trở mặt đi so đo với nhau giữa chốn đao cung”. Bảng quận công chấp hai tay đáp: “Được bác vạch cho thấy rõ chỗ tình xưa nghĩa cũ, song giờ đây thế lớn đã phân, làm sao mà hợp được. Nay đến nông nổi này, chỉ có đánh mà thôi. Còn như chuyện tình nghĩa trước đây, xin đành phụ bạc”. Quyện nói: “Cố nhân câu nệ quá đấy! Muốn thành người am hiểu thời thế, cố nhân không nên coi nhẹ tình xưa. Xin thử hỏi cố nhân trong quân Nam quyền hành tín nhiệm liệu có bao nhiêu? Quân lữ trong tay phỏng được mấy người?” Bảng quận công chau mày đáp: “Phụ thuộc vào đại doanh, quân không đầy một lữ. Tôi chỉ là kẻ nắm cương ngựa nhìn cờ chỉ huy thôi”. Nguyễn Quyện nói: “Ta nghĩ, tài lược như cố nhân, đáng ra phải nắm hẳn một doanh, chỉ huy một cánh quân. Ai dè lại bị người khác chỉ huy, xông pha sương tuyết, để làm một viên tướng liều thân! Nay thánh triều rất trọng vũ khách. Nếu cố nhân có thể hướng về chỗ sáng, cùng ta lập kỳ công, thì chắc chắn sẽ được tôn quý. Tội gì mà bo bo giữ tiểu tiết, khúm núm chịu lép vế như vậy”. Bảng quận công nghe những lời nói đó, tấm lòng sắt đá trở nên mềm, bèn mở cửa lũy đón quân Mạc và Nguyễn Quyện vào cùng nhau chích huyết ăn thề. Thề xong. Quyện hỏi rằng: “Ta muốn đánh úp binh mã của Tấn quận công, nhưng chưa biết bắt đầu từ chỗ nào?” Bảng quận công đáp: “Nay đại tướng cứ men theo con đường hiểm trở Thanh Chương xuất kỳ bất ý, từ bến Nga Sơn ở Nam Đường tiến sang bờ bắc mà đánh, thì thật là đâm trúng tim gan, khiến họ bàng hoàng không còn sức nào để tự cứu. Ta lấy quân được nghỉ đương

đầu với họ, thì làm gì mà không thắng được”. Nguyễn Quyện nghe theo, bèn lấy Bảng quận làm Hướng đạo tiên phong đại tướng, sai dẫn quân Mạc theo đường núi đánh phá xã Võ Liệt, đồng thời chuẩn bị lương thực, chờ xem động tĩnh.

Lại nói Tấn quận công Trịnh Mô nghe tin Nguyễn Quyện đã nhổ lũy chạy thoát, ngay ngày hôm đó, cho gọi tất cả các tướng đến bảo rằng: Nguyễn Quyện xuất quân lâu ngày, lương thực đã hết, nay thoát được ra hạ đạo, chỉ e lại đi cướp bóc thôn dân càng nhiều. Kế sách ta hiện nay, không gì quan trọng bằng cứu cấp”. Bèn riêng sai thuộc tướng là Nham Lĩnh hầu tới Cao Điền ở Thanh Chương hiệp sức cùng Trung quận công Nguyễn Hân, Lập quận công Đặng Kính đi cứu xã Võ Liệt, còn Trịnh quận công thì hiệp sức cùng Cường quận công Nguyễn Văn, Thế quận công Ngô Cảnh Hựu và Phấn quận công theo Nam Đường hạ đạo đặt phục binh ở xã Hoa Lâm. Các tướng đều lĩnh mệnh ra đi. Tấn quận công đốc thúc binh mã cùng tiến theo sau. Thực là:

Lưỡng ngạn trường khu nghiêm nhận trận.

Tam quân địch khái chấn hùng uy.

Nghĩa là:

Dọc sông quân tiến như đàn nhận,

Khí thế ba quân dậy oai hùng.

Chưa biết hai đạo quân tiến đánh như thế nào, xin xem tiết sau sẽ rõ.

Tiết Thứ Hai

Nguyễn Quyện phục binh tòng Mạo Lạp.

Tiết chế hoàng kim thực Tấn công.

Nghĩa là:

Nguyễn Quyện phục binh nơi Mạo Lạp.

Tiết chế đem vàng chuộc Tấn công.

Khi ấy các tướng tiến quân đến Thanh Chương, lấy người bản huyện, hoặc người nơi khác để bổ sung cho quân số. Suốt đêm chuyển quân liên tục. Từng cụm từng cụm vây ráp từ phía dưới chợ Bình Ngô qua vùng núi quanh co ở Hoàng Xá, Võ Liệt, đến dưới vùng Bến Thanh sông chợ Rộ, thanh thế vang động.

Nguyễn Quyện được tin, sợ lâm vào thế tựa lưng vào nơi sông nước. Quyện muốn dùng kế đánh gấp để cướp thời cơ, bèn dẫn quân tiến về phía bờ sông Nam Đường. Trông thấy hòn Ngọc Sơn có cái đỉnh cong cong, Quyện liền hỏi người đi theo rằng: “Ồ, đây là núi gì mà ngoằn ngoèo như thân con giun chết vậy?” Người đi theo đáp: “Đây là quê hương và cũng là nơi phát tích của Tấn quận công”. Quyện bèn thúc quân sĩ qua sông. Xem kỹ thế núi và khí mạch, Quyện nhận xét: “Núi này hùng vĩ thanh tú, có thể đất huyết thực nhưng phải đáng gờm khúc nên Tấn quận công là Đại vương chết, không khỏi bị ta bắt. Ngọc Sơn ở Nam Đường giống như núi Lưỡng Kiên ở Đông Thành. Tấn quận công sớm muộn rồi cũng như Lai quận công thôi”.

Nói vừa dứt lời, bỗng có tiểu tốt cấp báo quân của Tấn quận công đã đến địa giới Đồng Luân. Quyện vội vàng thu quân bày lại trận thế, chiếm các cao điểm quan trọng để đối phó với quân ta.

Sau khi đồn trại đã bố trí xong xuôi, Quyện nhân đề mấy câu thơ gửi sang cho Tấn quận công để khiêu khích. Lời thơ rằng:

Hoan Châu trước cước lộ thôi ngồi,

Vạn lý hành chinh tửu hạc lôi,

Tương thức dĩ hà phong trí Tấn?

Nam vô lưỡng tự Tấn như Lai!

Nghĩa là:

Hoan Châu đường xá khá lồi thoi,

Muôn dặm hành quân rượu cạn rồi,

Nào biết lấy chi phong Tấn nhỉ?

“Nam vô” hai chữ Tấn như Lai!

Thơ này lấy có phải đi xa vào đánh Hoan Châu, lâu ngày lương kiệt, cảnh vật tiêu điều, không biết lấy chi để gửi tặng Tấn quận công. Nay đành phải niệm nam vô phạt pháp, xin Như Lai ban phúc lành cho Tấn quận công. Nhưng nội dung thực là nói Tấn quận công cũng bỏ mạng như Lai quận công, cỗi Nam sẽ không còn hai người ấy nữa.

Tấn quận công đọc những câu thơ này, càng thêm tức giận nói: “Thằng giặc ranh chữi bởi ta, ta lại không thể đập tan lũ tàn tặc này sao?” Nhân đó báo với đạo quân Thanh Chương cùng lúc phối hợp đánh úp, thanh thế rất gấp. Nguyễn Quệ lui quân mấy dặm để chờ. Tấn quận công tự mình đưa đại quân tiến chiếm Hoa Lâm. Ngay ngày hôm ấy, Tấn quận công sai mang đầy đủ lễ vật đến khấn vái hai miếu thần ở Hoa Lâm và Hoa Ủ, hẹn rằng: “Nếu thần giúp quan quân phá được giặc, sau khi thành công, nguyện sẽ xin gia phong cho thần tước hiệu xứng đáng”. Cầu xong, đêm ấy khoảng cuối canh ba, Tấn quận công mộng thấy hai người sắp hàng ở cửa báo rằng: “Đại tướng quân muốn phá giặc lớn, nay quân địch đã vào chỗ nguy, ta nên chia quân phục kích, chặn giữ các con đường hiểm yếu, khiến cho chúng tiến lui đều không được, buộc phải liều mạng mà ra, ta thừa thế đánh, tất thu đại thắng”. Nói xong, cáo từ ra đi. Tấn quận công bừng tỉnh dậy, gọi ngay các tướng đến, kể lại chuyện thần nhân ứng mộng bày vẽ cơ mưu. Mọi người đều nói thần giúp cho mưu mẹo, quân ta nhất định thành công. Do đó, Tấn quận công sai thuộc tướng là Trịnh quận công đem đội quân tinh nhuệ có

trang bị súng ống đến mai phục ở quãng đường hiểm yếu. Trịnh quận công lập tức dẫn quân ra đi.

Ngày hôm sau, Đại tướng quân Tấn quận công chỉ huy binh mã cờ trống tiến đánh. Nguyễn Quyện được tin đó, liền ra lệnh cho toàn quân triển khai thế trận. Cho thuộc tướng là Kỳ quận công dàn quân đánh mạnh, đã qua hai hiệp mà thắng bại vẫn chưa phân. Quân hai bên cầm cự suốt ba ngày. Nguyễn Quyện gọi các tướng lại bảo: “Đồn lũy bờ nam Thành Chương dày đặc, thế chưa thể đánh được. Giả sử viện binh An quận công mà trở lại, thì Tấn quận công sẽ thừa cơ đánh thẳng vào ta, như vậy quân ta trước sau đều có địch, không nên đóng lâu ở đây?” Thế rồi nhân lúc đêm thanh, thu quân định rút ra Sa Nam nghỉ ngơi và chỉnh đốn quân ngũ. Đi chưa được mấy dặm, bỗng nghe trên núi phục binh bắn súng liên hồi. Quân Mạc chết hơn vài trăm người. Nguyễn Quyện cho là bị trúng kế, liền thúc quân chạy thực mạng tới xã Thái Lão. Quyện sai Kỳ quận công đốt phá nhà dân và đánh tiếng là sẽ chuyển quân ra Đông Thành chuẩn bị đánh úp trở lại. Còn Quyện thì xếp giáp dẫn quân theo đường sông, chuẩn bị thuyền lương bí mật rút lui.

Sáng hôm sau, Tấn quận công dậy sớm. Người đầu bếp vừa dâng thức ăn điểm tâm, đã thấy nhân dân chạy đến cấp báo. Tấn quận công vội vàng ra lệnh thúc quân đuổi đánh, chém được Kỳ quận công chết ngay dưới chân ngựa. Quân Mạc tranh nhau rút chạy theo đường thủy. Tấn quận công thừa thắng đốc quân truy kích. Quân Mạc tổn thất nặng. Thạch quận công cùng em là Phù Hưng hầu thu quân xuống thuyền, xuôi theo dòng mà chạy. Quân của Tấn quận công từ trên hai bên bờ sông hò reo bắn súng xuống, đồng thời cho thủy quân đuổi theo. Bọn Quyện sai chèo thuyền gấp ngày đêm thẳng ra cửa biển chạy về Kinh.

Tấn quận công sau khi đánh đuổi được quân Mạc, bèn thu quân về trại, lập tức sai người mang thư báo tin thắng trận và tâu xin phong cho hai vị thần Hoa Lâm và Hoa Ủ có công phò giúp quan quân, giữ yên bờ cõi. Sai nhân lĩnh mệnh đi Yên Trường. Tấn quận công mở tiệc ủy lạo quan quân và làm

lễ tạ ơn hai vị thần. Ai nấy đều được nhận ơn đầy đủ. Trong cõi Hoan Châu, binh lính được rảnh vai, nhân dân trở lại nghề nghiệp cũ. Thật là:

Thiên cảnh đốn vô cuồng khẩu nhiễu,

Khốn doanh duy thính lậu thanh khoan.

Nghĩa là:

Cõi hẻo lánh sạch sanh bóng giặc,

Nơi quân doanh thông thả giọt đồng

Quân sĩ sống trong vòng trật tự, ngóng trông mệnh lệnh triều đình.

Lại nói khi Yên Trường nghe quan quân ở Nghệ An báo tin thắng trận, Tiết chế Trường quốc công khen rằng: “Tấn quận công làm tướng đã gần ba mươi năm, lập được nhiều công to, tiếng tăm vang dội triều đình. Nay vâng mệnh đi cứu Nghệ An, đã phá tan được quân Mạc, đuổi dài Nguyễn Quyện từ sông Tam Kỳ đến cửa biển Đan Nhai, khiến cho trong cõi được yên. Gánh nặng nước nhà có thể trông cậy nhiều ở Tấn quận công. Từ nay các công việc nếu có điều kiện, nên để cho Tấn quận công cùng bàn bạc”.

Năm Bính Tý (1576), triều đình nhà Mạc lại bàn cách đánh Ái Châu. Sai Khiêm vương Mạc Kính Điển tiến đánh Lam Giang ở huyện Thụy Nguyên, Ngạn quận công là Ngọc Liên tiến đánh sông Đồng Cổ thuộc huyện Yên Định. Hai đạo binh mã được tăng cường gấp bội.

Tin tức truyền đến Yên Trường, trăm họ sợ hãi. Tiết chế Trường quốc công ra lệnh các tướng chia nhau đi phòng ngự các quan ải. Lại sai người phụng chỉ đến Nghệ An triệu Tấn quận công vào triều bàn bạc việc nước.

Sai nhân mang dụ chỉ tức tốc đến đạo Nghệ An. Ngày Quý Sửu, 13 tháng 8, mùa thu, Tấn quận công nghe triều mệnh đến, liền ra ngoài rước vào, mở ra xem. Thấy là tờ tuyên triệu, ông bèn ngay ngày hôm ấy sai các tướng giữ vững doanh trại, còn mình thì đốc thúc quân bản hộ và ba mươi thuộc tướng, do Thông quận công và Vĩ quận công làm tiên phong, mở trại tiến phát.

Nào ngờ tin tức trong nước không giữ được kín, để lọt ra ngoài. Thuộc tướng của Tấn quận công là Lâm quận công bấy lâu vẫn nuôi lòng phản trắc. Nay nghe được tin đó, nhân lúc tướng Mạc là Nguyễn Quyện đem quân rập rình ngoài biển, Lâm quận công bèn chạy về với quân Mạc. Lâm quận công báo với Nguyễn Quyện rằng: “Tôi vốn là tiểu tướng của nhà Lê, vì có chuyện bất bình sâu sắc với Đốc lĩnh đại tướng, nên đánh liều tới đây. Nếu được quan quân rộng lòng thu dụng, tôi có lời xin dâng, may ra các ông có thể thành công được”. Quyện nói: “Ta lĩnh trách nhiệm trừ tính công việc cho triều đình, sẵn sàng đón nhận kẻ theo về, chiêu nạp người tẩu thoát. Nhà người nếu ra sức chung lo cho công việc được thành tựu, ta sẽ hết lòng tiến cử. Có thần biến ở đây làm chứng, ta đâu dám nuốt lời”. Lâm quận công nói: “Hiện nay chủ tướng ở Yên Trường nghe tin quan quân chia đường tập kích Ái Châu, rất lo lực lượng bị dàn mỏng, dễ lâm vào thế bị động, do đó triệu Tấn quận công ở Hoan Châu về cùng hiệp bàn. Nay quân đóng ở Hoan Châu không quá một vạn, mà lực lượng chia đi trấn giữ các nơi đã hơn tám ngàn người. Tấn quận công trên đường về Yên Trường, mang theo bọn thủ hạ chưa đến nghìn người. Nếu như ngài nhân lúc Tấn quận công không phòng bị, cho quân mai phục, thì thế nào cũng bắt sống được ông ta”. Quyện đáp: “Khanh nói rất có lý. Kế sách của khanh nay có thể áp dụng được đấy”.

Nửa đêm hôm đó, nhân tiết thu trăng sáng, Quyện cho thuyền lặng lẽ theo đường sông tiến thẳng đến huyện Ngọc Sơn, đóng đồn rải từ Cầu Quán đến Mạo Lạp. Lại đặt quân mai phục ở hai bên đường, im ắng không một tiếng động.

Bấy giờ Tấn quận công thấy lời lẽ trong tờ tuyên chỉ rất khẩn cấp, nghĩ rằng lệnh vua không thể trì hoãn, nhân trống canh năm hối hả lên đường. Bỗng nhiên trời tối sầm lại, mưa như trút nước. Quan quân đội mưa mà đi. Tàng sáng đến các xứ Bông Đồn, Độc Hiệu nước chảy ngập đến chân núi. Quan quân quần áo vũ khí đều ướt sũng.

Chợt nghe hai bên đường có tiếng hò hét inh ỏi. Tấn quận công bàng hoàng, vội chỉ huy quân lính giáp chiến từ giờ Mão đến giờ Dậu không phân thắng

bại. Trời sắp tối, đường sá khó đi, nẻo ngang lối dọc, vừa đánh vừa hành quân, không còn sức đâu để liên lạc với nhau. Nguyễn Quyên thấy thế, bảo các tướng rằng: “Trịnh Mô thua chạy, tướng lệnh vô phèng, ta nhất định bắt được y”. Nói rồi, liền đốc quân rượt theo. Quan quân vội vàng tranh nhau chạy. Voi của Tấn quận công bị sa lầy, quân Mạc tranh nhau chạy tới vây chặt. Được một chốc, có người con trai Lâm quận công đến trước voi nói rằng: “Tình thế gấp gáp quá, xin cảm phiền ông bác rời voi để chốc nữa khỏi bị tên đạn”. Tấn quận công than thở rằng: “Mô nay từ hồi mười sáu tuổi theo vua Lê chúa Trịnh, trong vòng hòn đạn mũi tên, cùng giặc đọ thấp cao cả thấy hơn năm mươi trận, chưa từng bị thua bao giờ. Không dè hôm nay lại trúng kế tên phản bội ngấm ngầm thông đồng cùng giặc, làm cho ta khốn quẫn như thế này. Thôi thì cũng là tại ta chuốc lấy, dám đổ lỗi cho trời sao?” Nói rồi xuống voi. Con trai của Lâm quận công bèn đưa Tấn quận công đến chỗ quân của Bắc triều.

Bấy giờ quân ta đang tứ tán, bèn tụ tập lại một nơi. Trông với theo, thấy đại tướng đã bị bắt, ai nấy đều nhìn nhau đau xót. Bèn mật sai bọn gia nô của tướng quân là Bồ Lâm, Thăng Sủng, Cha Bất tới dò la bên quân Bắc để biết tin tức về Tấn quận công.

Cả ba người vội vàng chuẩn bị các thứ đồ dùng cần thiết rồi tới đồn sở của quân Mạc. Vừa lúc ấy thấy trên đường có viên tướng miền Nam người Đô Lương tên là Thăng Sơn hầu (không rõ họ tên), mình mặc áo lính. Ba người tới hỏi rằng: “Ông ở đâu đến đây, chắc là có biết tin tức về Đại nhân chứ? Thăng Sơn hầu nói: “Sau khi quan quân thua chạy, tôi nhân lánh cư ở nhà một người thiếp tên là Hầu Xuyên, bỗng nghe tin có quân Bắc đến đóng trong làng. Lúc bấy giờ tôi đang hơ áo ở bên bếp. Ăn uống xong, tôi lên giường nghỉ. Khoảng cuối canh một, chợt nghe bên hàng xóm có tiếng Đại nhân đấu khẩu với Nguyễn Quyên nhà Mạc, tôi mới hay là chủ tướng đã bị bắt rồi. Ngày hôm sau, tôi giả làm người bán quán ở trong thôn đi dò la tin tức, chuẩn bị đưa thức ăn hai buổi trong ngày. Nay định ra chợ mua đồ đựng thức ăn thì vừa gặp các anh đây. Các anh định đi đâu bây giờ?” Ba người

nói: “Chúng tôi được quan quân sai đi thăm dò tin tức của Đại nhân. Nay may mắn gặp ông ở đây, mong ông làm môi giới giúp cho”.

Ba người cùng Thăng Sơn hầu đến chỗ ở của Tấn quận công, chỉ thấy toàn quân Bắc canh giữ, dây gậy sẵn sàng. Tấn quận công tuy ở nơi giam cầm mà thần sắc vẫn không đổi. Ba người vái chào. Tấn quận công chuyện trò với họ. Mặc dù bị uy hiếp, chí ông vẫn bền, muốn để tiếng thơm cho đời sau. Ông cầm bút viết bài thơ tuyệt mệnh rằng.

Nhân trung bầm cương nghị,

Thế thượng độc trung trinh.

Thiên địa quan chính khí,

Nhật nguyệt chiếu lâm tình.

Lăng lăng thanh bất hủ,

Lâm lâm tử do sinh.

Sát phạt chư man quỷ,

Tróc phược chúng tà tinh.

Túng hữu chân tâm đảo,

Lai lâm tự luật linh.

Nghĩa là:

Vốn tính người cương nghị,

Trên đời tỏ trung trinh.

Chính khí rạng trời đất,

Nhật nguyệt chứng chân tình.

Thanh danh truyền bất hủ,

Lầm liệt thác như sinh.
Diệt hết loài gian dối,
Trói bắt lũ tà tinh.
Ai thật lòng cầu khẩn,
Ta sẽ đến rất nhanh.
Lại viết thêm một bài nữa rằng:
Thế thụ thao kiềm,
Đàn đảng tướng sủy.
Kiên trì kinh tiết thanh,
Lưu trữ đan tâm tử.
Thân thượng tri Lê Trịnh triều,
Diện khải tâm trung nghĩa quý.
Nhan Đường, Văn Tống liên tiền hiền,
Liệt nhật, thu sương thù hậu thế.
Hoàng triều Gia Thái tứ niên bát nguyệt
Trung Thu nhật. Tấn quận công đề.
Nghĩa là:
Đời trao thao, ấn,
Tướng sủy trọng quyền
Giữ vẹn tròn tiết tháo,
Chết để tấm lòng son.
Thân còn biết triều Lê Trịnh,

Mặt không then ma trung nghĩa.

Gương Chân Khanh , Thiên Trường ,

Năng hạ, sương thu truyền hậu thế.

Ngày tết Trung Thu tháng 8, năm Gia Thái

thứ tư (1576) triều Lê, Tấn quận công đề thơ.

Làm xong thơ tuyệt mệnh, ông đem kèm với cuốn Dược tính bằng chữ Nôm và văn thư, điền bạ trao cho bọn Bồ Lâm, Cha Bất, Thằng Sùng mang về quê quán. Nhân đó ông bảo ba người rằng: “Tấn lão một dạ trung thành với vua, lấy việc diệt hết bọn tiếm ngụy để khôi phục Hoàng gia làm điều tâm niệm. Ngờ đâu mắc phải kế gian đến nông nỗi này, chỉ có chết mà thôi. Các anh về bảo giúp cho lũ con ta ở nhà phải hết lòng hết sức phò giúp Lê Trịnh, đưa sự nghiệp tới thành công để nối chí ta. Chớ vì ta bị bắt mà nao núng đạo thờ vua”. Nghe ông nói xong, ba người lạy tạ, sùi sụt ra về báo cho các doanh trại Nam Đường biết.

Mấy người con của Tấn quận công và các tướng sĩ nghe tin báo đều hết sức kinh ngạc. Họ bèn tụ tập nhau lại, ai cũng cảm kích, muốn đuổi theo quân Mạc để cướp Tấn quận công về. Sau khi khảng khái thề nguyện, mọi người chia đường thủy bộ ngày đêm bí mật tiến phát. Đến vùng biển Ngọc Sơn dò hỏi, thì nhân dân đều bảo rằng tàu thuyền quân Mạc đã rút về kinh rồi.

Bấy giờ người con thứ của ông là Nguyễn Cảnh Kiên vô cùng thương xót, bèn lập hương án ngay trong quân để bái vọng, gào thóc thảm thiết. Từ đó lòng căm thù nung nấu, lúc nào cũng nghĩ đến việc rửa hận cho thân phụ. Ngay ngày hôm đó, Cảnh Kiên chia tay các tướng, tự mình đem binh mã bản bộ tới hành dinh của Tiết chế tâu trình các việc vừa xảy ra và sao lục luôn cả hai bài thơ tuyệt mệnh của thân phụ dâng lên. Tiết chế Trương quốc công triệu vào hỏi han mọi việc, thở dài than rằng: “Không ngờ nay cơ sự lại đến thế. Ta thật đã mất đi một danh tướng. Đây không chỉ là một bất hạnh của Tấn lão, mà còn là một bất hạnh của Tùng này”. Nói xong, nước mắt đầm đìa, trong lòng buồn bực, suốt hai ngày liền không thiết gì đến cơm nước.

Trưởng quốc công thương tiếc Trịnh Mô, muốn dùng kế “tìm hạt châu chìm”. Bèn cho gọi một số lái buôn ở Nghệ An tới hành dinh bảo: “Ta nhớ Tấn quận công ngày đêm không lúc nào nguôi. Muốn nhờ các người giúp ta đem vài trăm lạng vàng cùng vài chục chiếc thuyền vượt biển, theo đường thủy tới thành Thăng Long, giả làm người buôn bán, tìm tới chỗ Thạch quận công bí mật đưa số vàng đó để chuộc tính mạng của ông. Nếu may mà đưa ông về được, thì công lao của các người thật không nhỏ”. Bọn lái buôn lĩnh mệnh bái tạ ra đi. Tiết chế Trưởng quận công lại làm tờ tấu xin vua cấp thêm binh quyền cho Nguyễn Cảnh Kiên là người con thứ của Tấn quốc công, dưới quyền điều khiển của Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu. Kiên lĩnh mệnh lui ra, lập doanh trại, chỉnh đốn binh mã chờ sai phái. Thật là:

Mã hãn thượng tuyên trung chúa niệm,

Ngao đầu thêm lự báo thân thù.

Nghĩa là:

Chiến mã còn lăm trung với chúa,

Đầu ngao thêm nghĩ báo thù cha.

Chẳng biết sai phái những gì, chờ xem tiết sau phân giải.

Tiết Thứ Ba

Nguyễn Cảnh Kiên đại phá Thạch Quyện binh,

Mạc Sùng Khang mệnh hoàn Tấn công cứu.

Nghĩa là:

Nguyễn Cảnh Kiên phá tan quân Thạch Quyện,

Mạc Sùng Khang sai trả xác Tấn công.

Lại nói Nguyễn Quyện sau khi bắt được Tấn quận công đem về kinh, báo tin thắng trận, oai thanh càng lừng lẫy. Nhà Mạc ủy lạo rất hậu. Các tướng giỏi vùng giang Đông đều tự cho là không sánh kịp.

Bấy giờ nhà Mạc thấy Tấn quận công là người rộng rãi mà cương nghị, tính rất dễ ợt, muốn tìm cách lôi kéo, theo kiểu hậu đãi Quan Vân Trường đem vàng mời Kính Đức, nên đã nhiều lần sai các quan đại thần tới thăm viếng dụ dỗ, nhưng rốt cuộc Tấn quận công không chịu khuất phục. Nguyễn Quyện do vậy tự tay viết một bức thư gửi tới Tấn quận công, nội dung như sau:

“Tướng Nam đạo chưởng Phù nam vệ Thạch quận công Nguyễn xin tự tay viết thư gửi tới Tấn quận công ở Hoan Châu rằng:

Cao cả thay, đại huynh! Một lòng trung nghĩa, vốn không chút thẹn! Nhưng cái lẽ bỏ chỗ tối, theo chỗ sáng chưa được đại huynh để ý tới. Nay tôi nghĩ hai ta cùng là con nhà tướng, có thể giúp nhau được tí chút chẳng.

Xưa cha tôi với Diễn quốc công đều là danh thần trong nước, được đãi ngộ rất hậu. Chỉ vì lời dèm pha ly gián mà không tránh khỏi treo mũ tháo giày để ngao du nơi quan ải, bắt chước chuyện tướng Phục Ba ngày xưa, cùng con cháu họ Lê rong ruổi, chỉ mong khôi phục tiền triều. Nào dè khi vua hậu Lê qua đời, hai người con cũng lên thuyền về với chủ cũ. Họ Trịnh coi trọng Hoàng tộc, lập người họ xa, như vậy làm sao báo đáp được công ơn của Lam Sơn bình Ngô ngày trước? Mưu gian không giữ kín được, ai mà chẳng nghi ngờ! Sách xưa có câu: "Không ở nước loạn". Đó là lý do khiến Quyện này phải áo ra đi đấy thôi. Huống nay lại gặp cảnh nghiêng ngèo, điêu đứng, bị ngấm ngấm bức bách ở Lôi Dương, dù cho có gặp hồi thuận lợi, đã chắc gì "Tấn mã tất tướng", Người quân tử thấy cơ sự như vậy mà còn phụ họa theo, thì khác nào làm vây cánh cho Hậu Nghệ lưu tiếng xấu muôn đời.

Sao bằng bản triều đang quét sạch bọn quấy rối, trị nước theo kiểu Thuần Vũ, nền văn minh do bản triều tạo dựng không kém gì nhà Triệu Tống ở phương Bắc.

Nếu Tấn quận công có thể kính thuận mệnh trời, bỏ nước Ngưu đến nước Tần, thì tôi sẽ cởi dây trói của Lý Tả Xa, đẩy xe cho Tấn quận công ra đảm đương công việc giữa triều đình. Công lao của Tấn quận công sẽ như Bách Lý Hề, để phúc cho con cháu. Như vậy thật là gặp thời để hành đạo, há chẳng sướng ư! Tội gì mà bo bo giữ kẽ, cam tâm làm anh tù nước Sở khóc lóc nhìn nhau, liệu ai biết cho mình.

Vì mến đại huynh mà thiển nghĩ như vậy, xin sơ lược giải bày. Mong đại huynh khi nhận được thư, chớ bỏ qua những điều vừa hiến kế.

Nay thư

Sùng Khang năm thứ mười một (1576)".

Tấn quận công xem xong thư cả giận nói rằng: "Quyện tuy là con nhà đời đời theo nghiệp nho, thế mà ăn nói lại rất trái đạo. Nay định dùng lý lẽ để làm khốn ta, ép buộc ta từ bỏ lòng trung thành, ta há không có lý lẽ để bẻ lại hắn sao?" Bèn gọi đem bút giấy lại, tự tay viết thư phúc đáp, nội dung như sau:

"Triều Lê chính thống, Thái Phó Tấn lão Nguyễn viết thư gửi đến Thạch quận công rằng:

"Phàm người ta sinh ra trong trời đất, phải hiểu rõ lẽ trời đất. Mà nói đến lẽ trời đất, thì cương thường là hệ trọng. Đại trượng phu lập thân, bỏ điều ấy không nghĩ tới, lại thay lòng đổi dạ, đi thờ hai chúa, thì dù có mũ mão áo xiêm cũng chỉ là hạng cầm thú thôi, sao có thể nói đến chuyện để tiếng thơm cho mai hậu?

Triều Lê trên thuận lòng trời, dưới đáp lòng người, bình Ngô phục quốc, công đức vẫn còn đó; trong triều ngoài nội ai ai cũng là bề tôi, cương thường được tạo dựng. Vừa rồi họ Mạc theo dớp Vương Mãng, can phạm đến ngôi

vua. Vậy mà nhà người lại vội đem họ Mạc sánh ngang cùng Tống Tổ, thật không hiểu khi Tống Tổ bị Sáu quân bức ép trở về đất Biện, đã cầm dây cương thề với các tướng rằng: "Thái hậu và Chúa thượng là những đấng ta tôn thờ, các người không được xúc phạm". Đến ngày được nhường ngôi, không hề nuốt lời. Lòng người đều khoái trá, ý trời cũng chiều theo, cho nên mới được như vậy. Còn nay nào việc giam cầm ở nội cung phía tây, nào việc mẹ con Thống Nguyên đều bị bức hại, thảm khốc đến thế là cùng! Đây là điều Tống Tổ không nỡ làm. Thế mà nhà người lại nói là bắt chước Thuấn, Vũ, chẳng hóa ra nhà họ Tào đi khen Thuấn, Vũ?

Nhà người gốc đạo Nho, thế mà không phân biệt được trong đục, khinh suất đem thân mạng đánh cuộc với loạn triều, khom lưng thờ ngụy chúa. Nhà người nói "không ở nước loạn" mà lại xử sự như vậy hay sao?

Cũng may ý trời vẫn còn đó, cây xanh lại đâm chồi. Vua Lê theo chí Thiếu Khang, chúa Trịnh lấy lại tinh thần cho đám bề tôi đang nghiêng ngả, chuyển loạn thành trị. Đến thời buổi ấy, cha con nhà người mới đổi hướng hồi tâm quay về với chính thống, cũng là cử chỉ đáng khen. Tới lúc vua Trung Tông qua đời, Tiên đế kế vị cũng giống như Tống Cao Tông dời vào phía Nam, Hiến Tông được nhường ngôi. Nước phải có người đứng đầu, đó là nghĩa lớn của việc tiếp nối dòng họ đã tuyệt. Còn như lễ rước vua ở Bồ Vệ, sách văn lên ngôi đều được các trung thần nghĩa sĩ trong triều ai cũng ký tên vào và nguyện cung cúc tận tụy, thì nhà người lại hồ đồ khua môi múa mép, bảo nào là: "Họ hàng xa đời", nào là: "Để đạt tới âm mưu làm phản".

Nhà người gặp gia biến mới một năm mà đã nhanh chóng bỏ con đường của cha, quên công ơn của Chúa, như thế không chỉ bất trung mà còn là bất hiếu, tội không thể trốn tránh được. Nay nếu còn có thể nghĩ tới công ơn nuôi dưỡng của Tiên vương, sửa sai lầm, tự đổi mới, bắt chước việc "qua năm cửa quan chém sáu tướng" để về với Huyền Đức thì bản triều cũng sẵn sàng tha cho lỗi lầm trước, không nỡ bỏ nhà người. Còn nếu cứ cố chấp không chịu tình ngộ, muốn làm Vệ Luật khuyên Tô Vũ hàng Hung Nô thì

Tấn lão này thề phơi thân nơi đồng nội, hoặc chẵn dê ở biển Bắc, chứ nhất định không muốn gặp mặt nhà người.

Chí ta đã định, người đừng lải nhải nữa!

Nay thư

Ngày... tháng... năm... Gia Thái thứ tư (1576).

Nguyễn Quyện xem lời lẽ trong thư, liền chớp mắt xuýt xoa nói rằng: "Ta cũng muốn rộng lòng thương Tấn lão, cứu ông ta ra khỏi chốn gông cùm để được vinh quang nên mới gửi thư như thế, có ý khuyến dụ ông ta. Không ngờ ông ta một mực ngoan cố, cứng cổ không chịu khuất phục, lại dùng những lời lẽ xấc xược ăn nói với ta. Con chim ưng đói đã bị nhốt vào lồng mà còn háu đấu đá, làm sao thương được". Ngay ngày hôm ấy Quyện ra lệnh cho quân lính cấm ngặt không cho Tấn công đi lại. Việc canh giữ cũng cẩn mật hơn.

Lại nói bọn lái buôn Hoan Châu đi hơn hai mươi chiếc thuyền đến sông Bồ Đề, chèo vào tới bến Cầu Cháy thì đỗ lại, cùng nhau bàn kế sách. Ngâm sai bà Trùm Trợ và một vài người bạn gái mang mấy chục súc lụa, gấm đi bộ tới bên ngoài cửa dinh Thạch quận công, giả làm lái buôn đem hàng bày bán.

Lúc đó, người ở gái của gia đình Thạch quận công báo cho vợ Nguyễn Quyện là Quận chúa Mạc Thị biết. Quận chúa bèn cho gọi bọn lái buôn vào hỏi: "Các người người ở đâu mà đến đây buôn bán?" Các bà trả lời rằng:

"Chúng em người chợ Hiến đất Sơn Nam. Dạo này ở địa phương giá cả kém quá nên chúng em đem hàng lên Trường An bán cầu lấy vốn. May được Quận chúa gọi vào, thật là buồn ngủ gặp chiếu manh". Nói xong, đem hàng hóa bày la liệt. Người bán và người mua cò kè mặc cả với nhau hồi lâu. Người bán cố ý lấy giá rẻ để câu khách.

Quận chúa mừng rỡ giữ họ lại cho ăn uống. Ăn xong, mấy người lái buôn thăm thì với Quận chúa rằng: "Chúng em trọ ngoài thuyền, nghe bên cạnh có khách buôn Hoan Châu nói rỉ tai với nhau là họ muốn đem hai trăm lạng

vàng bí mật hiến cho quý doanh để chuộc sinh mệnh của Tấn quận công đưa về, sau này không dám phụ ơn, nhưng họ không biết ý của Quận chúa như thế nào? Quận chúa nói: "Tấn quận công tuổi cao, triều đình còn thương hại chưa nỡ giết. Vậy ta sẽ thừa lại với quan lớn tìm cách cứu thoát ông ấy. Các người hãy tạm ở lại đây, chờ quan lớn đi châu về, ta sẽ đem việc ấy nói hộ cho, may ra có thể giúp được chăng".

Bỗng nghe tiếng Quyện trở về. Quận chúa vội vàng bảo khách lánh sang phòng bên, rồi đi ra cửa đón chồng vào nhà. Sau khi chồng an tọa, Quận chúa thuật lại hết chuyện bọn lái buôn định đưa vàng chuộc Tấn quận công, Thạch quận công nghe xong, cười mà rằng: "Cho rằng xuống biển, thả hổ về rừng, đó là diêm nước nhà nghiêng đổ. Nàng là người sinh trưởng trong nơi tông thất, lá ngọc cành vàng mà còn đi nghe những lời như thế. Giả sử mai kia nước nhà tan nát, thì nàng sẽ dựa vào đâu? Từ xưa những người nghe lời đàn bà ít khi không hỏng việc!"

Quận chúa sững sờ lui ra bảo với bọn lái buôn rằng: "Việc không êm rồi". Khách từ biệt ra đi. Quận chúa lại đưa mắt nói với theo: "Về bảo với họ, muốn chuộc Tấn quận công phải nộp ba vạn lạng vàng".

Chưa được mười hôm, bỗng ở cửa Đại Hưng có dán tờ yết thị yêu cầu quân lính chuẩn bị đầy đủ ba tháng lương ăn, chờ lệnh vào đánh Thanh Hoa. Đến tháng tám, quả nhiên nhà Mạc sai Khiêm vương Kính Điển và Thạch quận công Nguyễn Quyện tiến quân vào sông Đồng Cổ.

Lúc bấy giờ tiết chế Thanh Hoa Trịnh Tùng đang đóng quân ở ngoài Yên Mô, Yên Khang. Nghe tin quân Mạc tới, Trịnh Tùng bèn thân hành cùng các Đại tướng Hoàng Đình Ái, Nguyễn Hữu Liêu đem quân ra ngoài lũy Bùi Môn chặn đánh, phá tan được quân Mạc. Sau đó, quân Mạc tiến đến Hà Đô. Tướng Nam đạo là Nguyễn Quyện phục binh ở ngoài đê, sai bọn Hoảng quận công là Lại Thế Mỹ đem quân khiêu chiến, cùng lúc tiến vào lũy Bùi Môn. Phủ tiết chế liền sai Thái úy Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu đem quân nghênh địch. Dương quận công cho sắp sửa khí giới và sai thuộc tướng Nguyễn Cảnh Kiên làm tiên phong.

Cảnh Kiên bèn bày trận "nhận" hô quân xung phong. Quân Bắc là Lại Thế Mỹ phóng ngựa lên, chĩa giáo xông vào đánh. Vừa thấy Cảnh Kiên, Thế Mỹ chỉ tay bảo rằng: "Cảnh Kiên! Cha người tài trí như thế mà còn bị bắt. Nay người là thằng con nít, dám chống lại quân nhà vua sao? Hãy mau mau đầu hàng quy thuận Hoàng triều thì cha con đều được an toàn". Cảnh Kiên ngồi trên lưng voi lớn tiếng mắng rằng: "Đồ phản tặc bội chúa hàng giặc, nay lại tới đây định nộp đầu hay sao?" Thế Mỹ giận lắm, thúc ngựa vượt hàng quân tiến lên. Trong đội tiên phong của quân Cảnh Kiên có Trọng Giang hầu (sử không ghi họ tên) trông thấy Thế Mỹ, bèn nạp đạn vào súng áp nách bắn một phát trúng Thế Mỹ. Thế Mỹ rơi xuống ngựa chết tươi. Quân Mạc đại bại. Quân lính tranh nhau lấy đầu Thế Mỹ.

Chợt nghe ngoài đê có tiếng thét liên hồi của quân tới ứng cứu. Nguyễn Cảnh Kiên đảo mắt nhìn chăm chăm, thấy đấy chính là Đại tướng của quân Bắc Thạch quận công Nguyễn Quyện. Cảnh Kiên bất giác nổi cơn thịnh nộ, lòng như lửa đốt, hai mắt trừng trừng, khoát tay ra hiệu cho quân lính xông tới, nói: "Nhanh lên, liều chết, bắt sống cho được Thạch Quyện". Quyện trông thấy sát khí đằng đằng, liền rút chạy. Cảnh Kiên đốc quân đuổi theo hơn mười dặm. Chợt nghe đằng sau có tiếng kêu giật lại: "Tướng quân đừng đuổi theo nữa!" Cảnh Kiên lập tức cho đánh chiêng ra lệnh quân sĩ thôi truy kích. Quay lại, thấy Thái úy Dương quận công đang liên tiếp vẫy cờ ra hiệu thu quân, tiếng tù và rúc inh ỏi. Cảnh Kiên bèn thu quân và cùng đại quân trở về trại.

Tiết chế nghe báo tin thắng trận, liền họp bàn về chuyện mừng công, Nguyễn Cảnh Kiên chiếm công đầu, được thưởng kim bài, gia phong Cấm y vệ sự Tín quận công. Những người còn lại cũng đều được phong thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Mồng một tháng chín, quan quân dò biết quân Mạc trở về bắc. Tiết chế cũng kéo quân về Yên Trường.

Lại nói Tấn quận công bị giam giữ lâu ngày, sầu đau day dứt. Một hôm, thấy Thạch quận công Quyện từ ngoài bước vào thăm hỏi. Quyện sai bày tiệc

rượu để khoản đãi Tấn quận công, nhân đó hỏi Tấn quận công có cần nói thêm gì nữa không. Tấn quận công đáp: "Số phận của Mô đã được định đoạt, chỉ mong có chết mà thôi". Thạch quận công nói: "Hoàng triều không hám giết người, hà tất phải cầu chết". Tấn quận công đáp rằng: "Ta thờ vua Lê chúa Trịnh, chỉ nghĩ tới trung hiếu, muốn để tiếng thơm lại muôn đời. Không may đến nước này, sống gửi thác về, có gì mà phải sợ!"

Quyên vờ cười nói: "Ta nghe ở thôn quê có câu sấm truyền rằng: "Mô là cây của Mạc, nếu không được Mạc dùng, ắt sẽ thành tro dưới mồ thôi . Ý giả sấm truyền cũng muốn nhắc nhở Tấn quận công đấy, thế mà Tấn quận công lại một mực không tỉnh ngộ". Tấn công cũng vờ bảo Quyên rằng: "Cảm ơn hậu ý của ông đã giải thích cho nghe câu sấm ngữ, ta há chẳng suy nghĩ sao? Song thuở bình sinh khi qua chơi nhà ông, ta thấy thân sinh của ông bảo ông tuy thông minh nhưng lười học, nên mới đặt tên cho ông là Quyên, nhốt ông trong thư phòng, có câu răn rằng: "Quyên là người của sách, vì quay lưng lại sách, quả nhiên bị cái nhục cầm tù" . Sao ông không nghĩ suy về điều đó! Người đọc sách không thể làm trái với sách. Trong sách có nói: "Tôi ngay không thờ hai chúa", ông sao làm trái lời đó vậy? Họ Mạc kia giết vua, làm nhục nước, tiếm xưng đế vị, lẽ ra ông không nên phục vụ chúng mới phải. Đằng này ông Thạch quận công lại phản bội chúa của mình, đi phụng thờ kẻ phản nghịch tức họ Mạc. Tuy có được họ Mạc ngợi khen đấy, nhưng đến đời sau, con cháu họ Thạch sẽ chịu tiếng xấu như loài chó lợn, khiến muôn đời chê cười. Còn Tấn quận công này dù một ngày kia có bị giam đến chết khô, thì vẫn được hoàng ân phong tặng hiển hiệu, cả nước tôn thờ, đền miếu của ta ở Nghệ An sẽ được cúng tế, phúc ấm để lại cho con cháu mãi mãi là công thần, rạng rỡ cùng đất nước. Nền phúc thật to dày, vậy thì việc gì ta phải theo ông đi làm phản?" Thạch quận công nói: "Đại trượng phu không thờ hai vua, thế là trung. Quyên này nếu về với chủ cũ sẽ thất trung" . Nói xong liền đứng phắt dậy, phủi áo bước ra.

Ngày 16 tháng đó, Tấn quận công Trịnh Mô bị hãm hại, hưởng thọ 57 tuổi. Thạch quận công thương tình một bậc anh hùng vừa là danh tướng cùng thời, có làm câu khen tặng rằng: "Trung nghĩa, cương liệt, đời hiếm hoi, sau đây ắt sẽ thành thần lớn". Bèn sai sắm quan tài khâm liệm và xin chúa Mạc cho đưa thi hài về táng ở Hoan Châu. Chúa Mạc đồng ý. Thạch quận công thân hành đưa linh cữu Tấn quận công đến bến Đông, đặt ngay ngắn trên một chiếc thuyền chiến, rồi gọi bọn lái buôn Hoan Châu tới lĩnh nhận để chuyển về quê quán.

Bấy giờ trong đám khách buôn có tên Lãng Xuyên, ông Trùm Hắc và bà Trùm Trợ phụng đưa linh cữu Tấn quận công vượt biển mà về. May gặp lúc trời yên gió thuận chỉ qua vài ngày, thuyền đã đến cửa biển Đan Nhai. Đám khách buôn đỗ thuyền lại, cho người về cấp báo với bà con thân quyến cùng bè bạn của Tấn quận công. Khi linh cữu rước về tới quê nhà, bèn dựng trại để cử hành tang lễ. Chuẩn bị xong đâu đấy, cho người đến Yên Trường cáo phó, Phủ tiết chế Trưởng quốc công nghe tin, tiếc thương vô hạn. Ông bèn bảo triều thần rằng: "Tấn quận công là người nghiêm minh dũng nghĩa, có nhiều công lao, vâng mệnh giữ đất Hoan Châu để tăng cường thể lực cho Ái Châu, từng đuổi Nguyễn Quyện chạy dài từ sông Tam Kỳ đến cửa biển Đan Nhai. Tài sản nhân dân không tư hào xâm phạm. Tấn quận công thật là người từ lâu có công lớn với triều đình, không may mất vì việc nước, thực đáng thương tiếc. Nay ủy cho triều đình bàn bạc, gia phong tước trật để nêu cao khí tiết". Thật là :

Cúc cung tận lực chung thời dĩ

Truy tưởng phong quân lũy thế gia

Nghĩa là:

Cúc cung tận tụy cho đến phút chót

Truy tặng Tấn quận phẩm trật đời đời

Chưa biết truy tặng phẩm trật như thế nào, xem tiết sau sẽ rõ.

Tiết Thứ Tư

Mạc Ứng Vương nhập khẩu Quảng Xương huyện

Trịnh Tiết chế trực đảo Thăng Long thành.

Nghĩa là:

Mạc Ứng Vương vào cướp huyện Quảng Xương

Trịnh Tiết chế đánh thẳng thành Long Đỗ

Ngày hôm sau triều đình họp bàn, gia phong cho cố Hiệp mưu công thần Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu Binh bộ thượng thư thái phó Tấn quận công Trịnh Mô làm Hiệp mưu dương võ uy dũng Dực vận tán trị công thần Đặc tiến kim tử vinh lộc đại phu Binh bộ thượng thư Tấn quốc công, ban tên thụy là Hùng Nghị, sai quân mang sắc văn đến làm lễ phong tặng.

Khi tiến hành lễ phong tặng, Hoàng thượng tuy còn ít tuổi, vẫn lắng nghe ý kiến bề tôi, ra lệnh nghỉ chầu ba ngày. Lại sai sứ mang sắc chỉ phong tặng Tấn quốc công làm Hành hạ Nghệ An đạo quan, cùng mười hai nén vàng, một trăm nén bạc và các đồ tế lễ đến tận nhà Tấn quốc công phúng viếng. (Đến năm Hoằng Định thứ hai (1602), Triết vương tưởng nhớ đến các bậc công huân triều trước, đã phong thêm tước phẩm cho Tấn quốc công. Số là một hôm, Triết vương nằm mộng thấy Tấn quốc công đến thưa rằng: "Thần xưa kia xông pha tên đạn, mong đóng góp cơ nghiệp nước nhà. Nay thân tuy thác nơi đất khách, mà ngày đêm vẫn khuông phò đất nước. Tuy xuống cõi âm ty mà lòng vẫn không quên vương thất". Triết vương tỉnh dậy, thương xót nói: "Tấn quốc công lập nhiều công to, trước đây tuy có gia phong nhưng chưa xứng đáng". Bèn họp triều đình bàn bạc, dâng tờ biểu xin phong

thêm cho Tấn quốc công là Hùng nghị khuông tế trạch dân đại vương, xếp vào bậc trung đẳng thần, hương hỏa ngàn năm, cúng tế muôn thuở. Từ đó có sắc của triều đình lập miếu thờ ở thôn Châu Ngọc, xã Đồng Luân hết sức linh ứng. Ôn thăm đến dân, phúc lưu miếu duệ. Vua chúa các đời đều có tiền phong, con cháu cũng được hưởng quan tước.

Lễ cử hành xong, con cháu Tấn quốc công bưng sắc phong đặt trên chiếc linh sàng để trong rạp che bằng tranh. Sau đó chọn ngày mai táng. Mộ đặt tại địa phận thôn Trường Thọ . Cúng tế trong ba ngày.

Các tướng tá ở địa phương đều cảm kích, cùng nhau tụ họp để điều viếng.

Lúc bấy giờ, nhân tang lễ thân phụ vừa xong, những người con của Tấn quốc công họp nhau lại tại xứ Lương Ngọc, đốt hương thề rằng: “Cha của chúng ta đã mồ yên mả đẹp, người trong họ không ai được tự động dời mộ đi nơi khác”. (Về sau người con trưởng là Thụy Trung hầu Cảnh Hải nhân lúc ốm nặng, đã lấy trộm “linh luân” cải táng nơi khác, đem hài cốt giả chôn vào nơi cũ. Tiếp đó, người con thứ hai là Cảnh Kiên biết được chuyện này, đã ngầm sai vợ là Nguyễn Thị về quê, dùng tiền chuộc lại hài cốt thật. Hồi ấy, người vợ thứ của Thụy Trung hầu là Nguyễn Thị Năm cùng với Hoàng Đăng Quang người thôn Chân Ngọc, xã Đồng Luân có biết việc trên. Nguyễn Thị bèn cùng hai người đó tìm đến ngôi mộ vừa cải táng lấy lại hài cốt mang về xã Đô Lương, táng tại phúc địa xứ Cồn Chỏ Mây, thôn Cẩm Hoa Thượng . Thề thốt xong, sai Gia Định hầu (con của Tráng quận công) giữ mộ và lo việc quét tước đền miếu. Những người khác đem quân bản bộ trở về chờ mệnh lệnh mới của nhà vua.

Tấn quốc đại vương xưa lấy con gái Thái Bảo Đường quận công ở xã Dương Hợp, huyện Đông Thành họ Đào, húy Ngọc. Sau lại lấy người con gái cùng huyện xã Đô Lương họ Thái, hiền hậu nết na, chịu thương chịu khó (sau khi mất, hiệu là Từ Tân, húy là Tế, chôn ở phúc địa Đô Lương). Lại lấy con gái Phấn Vũ hầu họ Nguyễn, người xã Đỗ Liêu, huyện Thiên Lộc rất có nhan sắc. Lúc bấy giờ Phấn Vũ hầu là một bậc túc tướng , nên cho con gái

ông làm vợ cả. Còn vợ lẽ thì rất nhiều. Sinh hạ được mười người con trai, tám người con gái và hai người con nuôi. Phổ chép như sau:

Người con trai trưởng là Cảnh Hải (được phong là Thị vệ sự Thụy Trung hầu, do bà họ Nguyễn ở xã Đỗ Liêu, huyện Thiên Lộc sinh).

Người con trai thứ hai là Cảnh Kiên (được phong là Thái bảo Tả tư không quán Thư quận công).

Người con trai thứ ba là Cảnh Bố (được phong là Cẩm y vệ sự Vũ Thắng hầu).

Người con trai thứ tư là Cảnh Thuận (được phong là Hành hạ Nghệ An đạo, Đô tổng binh sứ Diên Phúc hầu, cùng mẹ với Thụy quận công).

Người con trai thứ năm là Cảnh Núi (được phong là Thự vệ sự Mậu Lương hầu, do bà vợ ở thôn Chân Ngọc, xã Đồng Luân sinh).

Người con trai thứ sáu là Cảnh Điển (được phong là Thự vệ sự Nghĩa Võ hầu, cùng mẹ với Thụy trung hầu).

Người con trai thứ bảy là Cảnh Sơ (được phong là Thự vệ sự Hào quận công, mẹ là người xã La Mỹ, huyện Từ Liêm, họ Đỗ, húy Thuận).

Người con trai thứ tám là Cảnh Đoan (được phong là Tham đốc thần vũ tư vệ quân vụ sự Phúc Nghĩa hầu, mẹ người xã Đại Đồng).

Người con trai thứ chín là Cảnh Yên (được phong là Vạn Lộc hầu, cùng mẹ với Hào quận công).

Người con trai thứ mười là Cảnh Biền (được phong là Thịnh Mỹ hầu, mẹ người họ Nguyễn xã Đại Đồng, giáp Bầu Sen).

Người con gái đầu là Ngọc Nhật (trước gả cho Chí quận công sau tái giá, lấy An quận công, sau nữa lại lấy Hoài quận công).

Người con gái thứ hai là Ngọc Sử (cùng mẹ với Thụy Trung hầu, lúc đầu gả cho Trình quận công, sau tái giá, lấy Xuân Dương hầu).

Người con gái thứ ba là Ngọc Ủ (cùng mẹ với Diên Phúc hầu Cảnh Thuận, gả cho Phúc Trạch hầu).

Người con gái thứ tư là Ngọc Tây (trước gả cho Chân quận công, sau tái giá, lấy Mỹ Tiết hầu).

Người con gái thứ năm là Ngọc Bồng (gả cho người con của Tri huyện Văn Minh) .

Người con gái thứ sáu là Ngọc Mô (gả cho một người ở xã Đại Đồng .

Người con gái thứ bảy là Ngọc Dương (gả cho Đại lộc hầu .

Con gái thứ tám là Ngọc Sâm (gả cho Hùng Xuyên hầu) .

Con nuôi: Có Tráng quận công và Phù quận công.

Riêng người con thứ hai là Tín quận công Nguyễn Cảnh Kiên có tính khoan hòa, nhân hậu, dũng lược hơn người. Hồi trẻ hoạt động trong doanh lũy của cha, đánh trận nào thắng trận ấy. Sau lại hoạt động trong doanh lũy của Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu, tuân thủ mọi hiệu lệnh và điều động của Liêu.

Năm Tân Tỵ (1581), Thanh Hoa nghe tin Mạc Ứng Vương Đôn Nhượng đưa quân vượt biển vào cướp phá. Phủ tiết chế sai Hoàng Đình Ái đốc thúc các tướng chặn đánh. Quân Mạc đến đóng ở núi Đường Nang huyện Quảng Xương .

Ngày hôm ấy, Đại tướng quân Hoàng Đình Ái chia quân thành ba đạo, lấy Nguyễn Hữu Liêu làm tiên phong. Hữu Liêu đốc thúc các thuộc tướng của mình là bọn Nguyễn Cảnh Kiên hăng hái tiến đánh, chém được hơn năm trăm đầu giặc. Quân Mạc sợ hãi trốn về Kinh ập.

Hồi đó, khi quan quân tiến đến xứ Kiều Công, bắt sống được tướng của Mạc là Chấn quận công Nguyễn Công, cùng quân sĩ giặc khoảng mấy trăm người, rồi kéo quân về doanh trại nạp tù binh. Quan tiết chế biết Nguyễn Công là cháu ngoại của Hữu Liêu nên tha tội cho, rồi giao cho Dương quận

công võ về nuôi dưỡng (sau Nguyễn Công được phong là Tung quận công). Ngoài ra, Phù Bang hầu cùng các tù binh khác độ vài trăm tên đều được cấp quần áo lương thực, cho về quê quán.

Từ đó, quân Mạc không dám dòm ngó phía tây nam nữa. Hai xứ Ái, Hoan được yên ổn làm ăn. Triều đình bèn bàn bạc việc khen thưởng những người có công trong trận Đường Nang, phong Hoàng Đình Ái làm thái úy, Nguyễn Hữu Liêu làm Tây quân Đô Đốc phủ Chương phủ sự. Những người còn lại đều được phong chức tước theo thứ bậc khác nhau. Năm sau ban sắc mệnh.

Lúc bấy giờ Tín quận công có nhiều công tích, được nhận phẩm trật vinh dự, mừng rỡ khác thường. Lại ứng điềm sinh tướng võ. Vợ ông họ Nguyễn, là cháu của Thái sư Càng quốc công, người xã Thượng Xá, huyện Chân Phúc. Hai người lấy nhau, đến năm Quang Hưng Quý Mùi (1583) thì bà có mang, sinh được một người con trai khác thường, đặt tên là Cảnh Hà, tức Phò mã Đô úy thiếu phó Tả tư không Thăng quận công sau này.

Phúc nhà đã thành, không nhãng xao việc nước. Một hôm, hành quân đến xứ Kinh Dự, Tiết chế sai Dương quận công và thuộc tướng Cảnh Kiên làm cầu phao, đem hơn một vạn tinh binh qua sông, bí mật tới mai phục ở cánh đồng. Phủ Tiết chế lại ra lệnh cho đại quân vờ rút lui. Quân Mạc không biết đây là mưu kế, đã cắm cổ đuổi theo. Bỗng bốn bề phục binh nổi dậy, giết không biết bao nhiêu là địch. Quân Mạc đua nhau trốn về Kinh ấp. Quan quân cũng trở lại Thanh Hoa, ban thưởng và ủy lạo các tướng sĩ.

Đến tháng 12 năm Tân Mão (1591), quan Tiết chế cùng các tướng bàn kế hoạch mật đưa quân theo đường núi ra Sơn Tây để tập kích Thăng Long. Sai bọn Điền quận công Trịnh Văn Hải, Thái quận công Nguyễn Thất Lý đem tinh binh trấn giữ các cửa biển, Thọ quận công Lê Hòa túc trực ở ngự doanh. Còn Tiết chế Trưởng quốc công thì đôn đốc tướng sĩ chia thành năm đội, đem tất cả sáu vạn quân lên đường. Lấy bọn Thái phó Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu, Kỳ quận công Trịnh Ninh làm đội thứ nhất Tả khu doanh tướng, thống lĩnh quân tinh nhuệ, cùng binh mã tướng sĩ các doanh cơ trung nghĩa gồm một vạn làm tiền phong.

Quân xuất phát từ Tây Đô, men theo huyện Quảng Bình qua đường Thiên Quan đến Mỹ Lương, đây đều là những nơi khi ho cò gáy. Quan quân phải phá núi mở đường, băng ngàn vượt suối, đi suốt đêm ngày. Hành quân được khoảng mười hôm thì lương cạn. Bấy giờ gặp tiết trời lạnh, ba quân đi trong đói rét. Khi đến chân núi Mã Yên, được tiếp tế lương thực, bèn trú quân lại ba ngày. Sau đó tiếp tục hành quân. Đến chùa Ngô Sơn (có bản không chép "Ngô" là họ Ngô, mà chép "ngô" là ta) quan quân bèn dừng lại nghỉ ngơi, ủy lạo binh sĩ, đồng thời cho người bí mật đi dò la hoạt động của địch. Sai doanh Trấn Nghĩa đến Phấn Thượng trước để bày binh bố trận, đầu đầy sẵn sàng.

Lại nói triều Mạc cho rằng nơi biên trại đã yên tĩnh, không có gì phải lo lắng. Chợt nghe Tây đạo cấp báo quân Thanh Hoa ra xâm lấn, Thanh thế chấn động. Trong kinh ngoài trấn do đó đều khiếp đảm. Chúa Mạc xuống chiếu điều binh mã bốn trấn, bốn vệ năm phủ ước hơn mười vạn, hẹn đến ngày 16 tháng ấy cùng đến Hiếp Thượng, Hiếp Hạ, hội quân kiểm điểm để chuẩn bị tiến đánh. Sai bọn Đà quốc công Mạc Ngọc Liễn, Thường quốc công Nguyễn Quyện chia nhau đốc thúc binh mã các đạo, chờ lệnh tiến phát.

Đến ngày Mậu Ngọ, chúa Mạc là Hồng Ninh dẫn quân đến Phấn Thượng, tự mình đốc chiến. Lấy Khuông Định công, Tân quận công làm tiên phong, Đà quốc công làm Hữu dực, Thường quốc công làm Tả dực. Sau khi đã bố trí đầu vào đây, Hồng Ninh bèn cho quân khiêu chiến.

Lực lượng tiên phong của quân Nam là doanh Trấn nghĩa chẳng cờ, giống trống giữ chặt đồn lũy. Thấy thế giặc mạnh, quân Nam liền cho tiểu tốt về cấp báo. Quan Tiết chế bèn triệu tập các tướng lĩnh bàn mưu kế đánh địch. Trù tính chưa xong, lại nghe quân tuần tiểu về cấp báo. Quan Tiết chế liền sai quan quân Hữu khu doanh cùng bốn trăm quân thiết kỵ vừa mới tuyển chọn lên đường đi trợ chiến.

Tiên phong Dương quận công thấy lực lượng tiếp viện đã tới, bèn cho quân dàn trận. Sai thuộc tướng là Tín quận công Cảnh Kiên đốc thúc quân tinh

nhuệ tiến lên. Cảnh Kiên vọt lên phía trước kịch chiến với quân Mạc ngay giữa trận tiền. Chỉ trong nháy mắt, Cảnh Kiên đã giết được hai tướng giặc là Khuông Định công và Tân quận công. Quân Mạc dần dần lùi bước.

Thấy bị tổn thất hai viên tướng, quân Mạc liền án binh bất động. Lúc đó Thường quốc công Nguyễn Quyện đang ở mặt trận, thấy người chỉ huy quân Nam địch thì là Tín quận công, bèn đến hành dinh tâu với chúa Mạc rằng: "Quân trại ươm ngạnh lắm, chưa có thể dùng sức mà đánh bật đi được. Nay nên dùng kế giả chạy để phục kích, chắc sẽ thu toàn thắng. Thần mong bệ hạ dựa vào mưu trí tài tình, hiệp sức cùng các tướng kiên trì mà đánh, còn thần thì lui quân về mai phục ở Phấn Hạ. Đến giữa chiều, bệ hạ vờ dẫn quân rút chạy, giặc tất sẽ điên cuồng đuổi theo. Thần sẽ phát lệnh, cho phục binh nổi dậy đánh thẳng vào địch làm cho chúng tan tác. Bệ hạ chớ vì buồn phiền mà nản chí". Hồng Ninh nói: "Sự thành bại của xã tắc là nhờ vào việc tính toán của khanh, ta không thể không nghe theo". Thường quốc công lạy tạ bước ra, lui quân về Phấn Hạ mai phục sẵn.

Đến giờ Thân quan Tiết chế tự đôn đốc đại quân đánh gấp, thế như chẻ tre. Mạc Hồng Ninh cho quân rút lui. Giặc tuy đông nhưng mất tinh thần, cò quạt nghiêng ngả, hàng ngũ rối loạn. Quan quân nhân đó cả phá giặc, đuổi chúng chạy dài đến cửa sông Hát. Hồng Ninh chạy đến Phấn Hạ, sang sông tâu thoát.

Thường quốc công nhìn thấy quân của nhà vua, trong lòng hết sức run sợ. Cho nên tuy có đặt quân mai phục, Quyện vẫn không dám ho he gì, chỉ tìm cách lánh cho xa để bảo toàn lực lượng.

Trời sắp tối. Quan Tiết chế sai thối tù và thu quân. Đêm hôm ấy nghỉ lại tại An Sơn. Màn trời âm u, thôn xóm tiêu điều. Thật là:

Dực diệu âm thừa lân hí dã,

Túc nghiêm hàn khởi điệu di sào.

Lục canh miên mạo trừ tăng điểm,

Ngũ đội thư nhàn thụy đạt tiêu.

Nghĩa là:

Lập loè quăng văng ma trời dớn,

Dời tổ chim kêu lạnh tái tê.

Dằng dặc sáu canh, thêm ít nữa,

Suốt đêm năm đội ngũ ngon lành.

Sáng hôm sau tiến quân đóng ở Cầu Sơn. Đến đêm Canh Thân, quan Tiết chế gọi Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu vào bảo rằng: "Nay quân ta đang ở cái thế sấm rền, phải làm cho chúng không kịp bưng tai. Giặc đã cuống loạn, ta thừa cơ mà đánh, sẽ dễ như với tay nhặt cái rác. Nhà người cứ đem quân đến dưới chân thành Thăng Long phóng hỏa để phô trương thanh thế. Chúng tất sợ mà chạy, ta dù không đánh cũng cứ thắng." Dương quận công nhận lệnh lui ra. Tảng sáng hôm sau, ngày Tân Sửu, Nguyễn Hữu Liêu bí mật đem năm ngàn quân và một trăm thớt voi khỏe theo đường tắt xuất phát. Cùng ngày, quan Tiết chế ra lệnh cho các cánh quân vượt qua sông Cù, san phẳng đồn lũy để tiện đường hành quân. Đêm ba mươi tết, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu dẫn quân tiến thẳng đến phía dưới thành Thăng Long, đặt lực lượng phục ngoài cửa tây bắc. Vào khoảng nửa đêm, bắn liên bảy phát súng, rồi đốt nhà cửa dưới chân thành. Lửa cháy rực trời, kinh thành náo động, người người thất kinh. Nhân dân các phố già trẻ dắt nhau chạy đầy đường. Khắp đông cùng tây hò reo triệt phá cung điện họ Mạc. Dân chúng tranh nhau qua sông, thuyền đắm chết hơn nghìn người.

Chúa Mạc Hồng Ninh sau khi thất bại ở Phấn Điền về, đã ra lệnh cho tướng tá túc trực ở các cửa thành, canh phòng cẩn mật. Kinh sư giới nghiêm, mong được yên ổn trong đêm ba mươi Tết. Không dè cơ sự lại xảy ra như vậy. Hồng Ninh sợ vỡ mật, bèn cùng chúa hậu và các cung nữ gói ghém vàng bạc của cải, tụ tập ở cửa quân, chờ trời sáng để chạy trốn.

Đến tảng sáng ngày mồng một Tết, Dương quận công hạ lệnh rút quân về hành dinh, hội họp tướng sĩ làm lễ chúc mừng năm mới. Tiếp đó, cho toàn quân về tập kết tại đồn sở của đại quân. Thật là:

Ngũ quỷ ký khu thanh lập hội

Ngũ lôi phục hướng hạ nguyên thần

Nghĩa là:

Ngũ quỷ xua đi cùng tháng cũ

Năm quân quay lại đón tân niên

Trong lúc tấu nhạc vui xuân, vẫn không quên niềm trung kính. Chí cần vương chẳng dám nhãng xao, thật là chuộng khí tiết. Không biết về sau như thế nào, xem hồi sau sẽ rõ.

Hồi Ba: Tiết Thứ Nhất

Mạc quân thần thoái thủ Hà Bắc,

Bùi phụ tử đãi mệnh Diêm Giang.

Nghĩa là:

Vua tôi nhà Mạc rút về giữ Hà Bắc,

Cha con họ Bùi chờ lệnh ở Diêm Giang.

Sáng ngày Nhâm Tuất, mồng một tháng giêng năm Nhâm Thìn (1592), Tiết chế Trưởng quốc công Trịnh Tùng dẫn các tướng sĩ văn võ từ mặt trận trở

về, mở hội chúc mừng năm mới. Bỗng thấy Liêu quận công từ ngoài bước vào. Chờ Liêu ngồi xong. Tiết chế Trịnh Tùng an ủi rằng: "Tướng quân vất vả, xông pha tuyết sương, đêm ba mươi Tết đột nhập vào thành phóng hỏa, làm sáng rực cả góc trời phía đông. Tướng quân có được tin tức gì về họ Mạc trong kinh thành không?" Dương quận công nói: "Thần vâng theo kế hoạch tài tình của chủ tướng, nhân đêm tối tiến quân đến đóng ở góc cửa tây bắc, phóng hỏa đốt bờ thành. Phốc xá vì vậy rối loạn, làm chấn động cả kinh đô. Đến đầu canh năm, tin tuần tra cho biết Hồng Ninh vừa bỏ cung thành chạy trốn". Quan Tiết chế nói: "Quân địch đã đảo điên mất vía, rơi vào thế khó chống cự. Còn quân ta thì đang ở cái thế đuổi giặc chạy dài, tiến thêm bước nữa, có thể chiếm lấy kinh sư". Nói xong, ai nấy đều đứng thành hàng làm lễ bái vọng về phía nam, rồi mở tiệc lớn ăn mừng.

Hôm sau là ngày Quý Hợi, chuyển quân đến đóng ở xứ Bãi Ninh. Ngày Giáp Tý, mùng 3, sắm lễ tế trời đất cùng Thái Tổ Cao Hoàng đế và các vị Hoàng đế thuộc bản triều, các thần sông thần núi trong cả nước. Lễ xong, bèn thảo luận kế hoạch đánh thành Thăng Long. Ngày hôm đó hạ lệnh nhổ trại tiến quân đến đóng ở bờ phía Tây sông Ninh Giang. Ngày Bính Dần, mùng 5 tết, quân của Tiết chế đã sang sông tiến đến chùa Thiên Xuân, thanh thế chấn động.

Hồng Ninh nghe tin đại quân sắp áp sát cầu Nhân Mục bèn sai tướng Tây đạo là Mạc Ngọc Liên tiếp tục giữ đoạn phía tây cửa Bảo Khánh đến phường Nhật Chiêu; Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên giữ đoạn từ cửa Cầu Dừa đến cửa Cầu Muống. Tất cả đều chia thành từng doanh mà đóng quân, ngày đêm đóng cửa cố thủ. Trong thành Đại La, tướng Nam đạo là Thường quốc công Nguyễn Quyện kiêm thống lĩnh binh mã vùng đông bắc, giữ đoạn từ Mạc Xá trở về phía đông, làm lực lượng ứng cứu. Sau khi các tướng thuộc các đạo dẫn quân lên đường. Hồng Ninh tự đôn đốc thủy quân dàn hơn một trăm chiếc thuyền ở phía bắc sông Nhị để làm thanh viện. Ngày hôm đó, Hồng Ninh ở quán Thổ Khối.

Ngày Đinh Mão, mồng sáu. Tiết chế đốc thúc quân lính qua sông Tô Lịch, đến cầu Nhân Mục xứ Xạ Đôi thì đóng quân lại. Tiếp đó, vạch kế hoạch chia đường cùng tiến, hẹn ngay trong ngày, cố nhử cho được thành lũy Thăng Long. Phân công xong, các tướng được lệnh xuất phát. Quan Tiết chế đôn đốc đại doanh làm hậu đội tiến theo sau. Đến Hồng Mai . Trấn Nghĩa hầu Tuấn Nghĩa tranh lên trước, đến xứ Ung Mạc.

Thường quốc công Nguyễn Quyện dẫn quân mai phục ở ngoài cửa Cầu Giền, bày sẵn các cỗ súng bách tử và hỏa khí để đợi.

Quan Tiết chế bắn ba phát pháo hiệu. Các tướng theo lệnh cùng tiến. Quân chính doanh đi thẳng đến Cầu Giền. Tướng Tả khu là Thái phó Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu thống lĩnh các thuộc tướng dàn “nhạn trận” mà tiến. Lấy Tín quận công làm quân tiên phong. Tín quận công Nguyễn Cảnh Kiên xông lên trước, đến Cầu Dừa , đặt súng ngay trên đường cái lớn mà bắn, tranh mở đột phá khẩu để tấn công quân Mạc.

Tướng Mạc là Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên thấy sức mình không thể địch nổi, để mặc quân lính mạnh ai nấy chạy. Thấy hai tướng đã rút chạy, Mạc Ngọc Liễn vô cùng sợ hãi, liền tìm đường lẩn trốn.

Quan quân thừa thắng đuổi giặc chạy về phía bắc đến tận bờ sông. Bèn phóng hỏa đốt cung điện và phố xá kinh thành, khói lửa mù trời. Quan Tiết chế đốc thúc tướng sĩ và voi ngựa, triệt phá Cầu Giền.

Quân mai phục của Thường quốc công Nguyễn Quyện trở tay không kịp, bị chết sạch ở ngoài Cầu Giền. Quyện bị vây, hết đường tiến thoái, bèn cùng hai con là Bảo Trung và Nghĩa Trạch chỉ huy bọn thủ hạ cố sức đánh hy vọng phá vây. Mặc dù tả xung hữu đột, nhưng thế không làm gì được, tinh binh của Quyện phần nhiều bị chết. Quyện chạy về bản doanh.

Quan quân ba mặt đua nhau tiến. Chỉ trong chốc lát đã bắt sống được Thường quốc công dẫn đến nạp trước quân doanh. Quan Tiết chế sai cởi trói, đãi theo lễ tân khách, nói đến công ơn nuôi dưỡng của Minh Khang Thái Vương. Thường quốc công then đỏ mặt, than rằng: “Trời đã bỏ họ Mạc, thì

dù có mưu trí anh hùng cũng chẳng làm được gì!” Quan Tiết chế khen câu nói đó.

Khi Thường quốc công bị vây bắt, quan quân có khuyên Thường quốc công hàng phục để góp sức cùng triều đình. Nhưng Thường quốc công đã lấy dao cắt mũi thề rằng: “Chịu ơn sâu của nhà Mạc, há có thể đổi dạ thay lòng!” Phủ tiết chế nhìn thấy Quyện bị thương ở mũi, lấy thuốc thang cấp cho và sai người chăm sóc. Quan Tiết chế lại hỏi Quyện rằng: “Nay họ Mạc tuy bị mất kinh sư, nhưng còn hùng cứ ở mạn bắc Trường Giang . Ta muốn tiến đánh chúng, theo ý khanh nên làm thế nào?” Bấy giờ Quyện nghĩ họ Mạc sau khi bị tan vỡ, quân các đạo phía đông và phía bắc chưa kịp chiêu mộ. Do vậy Quyện muốn dùng kế hoãn binh, bèn đề xuất mưu gian rằng: “Quyện là tướng của đám bại quân, không dám nói là dũng cảm. Thế nhưng nơi mà họ Mạc lấy làm chỗ dựa, phải kể Quyện đứng vào hàng đầu. Quyện còn thì họ Mạc còn, Quyện mất thì họ Mạc mất. Nay Quyện bị bắt rồi, quân Mạc ở phía bắc của Trường Giang không đáng lo. Vậy bàn gì bây giờ? Chung quanh thành Đại La hào lũy chông gai dày đặc. Nếu không san bằng nó đi, chỉ sợ lúc đại quân rút về tây quân đối phương trở lại chiếm đóng sửa sang thêm thành quách để cố thủ, thì dù có hàng trăm vạn hùng binh cũng không thể hàng tháng hàng năm mà phá được. Như thế, sự nghiệp trung hưng biết khi nào mới hoàn thành? Tóm lại, nói về kế sách, điều quan trọng là phải san bằng các lũy đất chung quanh thành Đại La để loại trừ nguy cơ quân đối phương về chiếm lại”. Quan Tiết chế nghe theo. Ngày Bính Tý, Thượng Nguyên tháng đó, hạ lệnh cho quân lính san bằng các lũy đất quanh kinh thành. Thật là:

Thế giới quang minh

Đông tây hạo đặng,

Tứ phương dân kiến dân nha khoáng,

Tam Đảo cao chiêm bích tản hình,

Mục nhân nan cứ Đại La thành,

Lê xã trùh hưng quang chính thốh.

Nghĩa là:

Thế giới quang minh,

Đông tây thoáng đăh,

Bốn phương chỉ thấy dân ly tán,

Tam Đảo cao trồh chiếc lợh xanh.

Hộ Mạc khó giữ Đại La thành.

Nhà Lê trung hưng, ngời chính thốh.

Quan quân lưu trú tại Thăng Long hơn một tháng, tuyển thêm binh mã ở phía bắc sông, ra sức phòng bị. Thấy chưa có cơ hội đánh lớn, quan Tiết chế đốc thúc binh lính, đi đánh lấy các huyện thuộc hai đạo tây và nam rồi trở về Thăng Long.

Tháng ba khai hoàn. Quan quân theo đường Ứng Thiên, Thiên Quan mà đi, sau mười hôm đến phủ Trường Yên báo tin thắng lợi. Vua sai triều đình luận công ban thưởng. Khi ấy Tín quận công Nguyễn Cảnh Kiên có công tích trội hơn mọi người, được thăng làm Đô đốc thêm sự. Số tướng tá còn lại cũng đều được ban phẩm trật. Mọi người bái tạ ân mệnh, trở về doanh trại nghỉ ngơi, đây không nhắc tới nữa.

Lại nói triều Mạc sau khi quan quân nhà Lê quay về phía tây, vua tôi được yên nghỉ, nhân dân đông bắc cũng tạm thanh thoi. Hộ Mạc lại cắt cử quân sĩ đi kinh lược hai đạo tây và nam. Nhân dân các phủ huyện đều im lìm không động dậy. Bộ Lễ tâu xin mở khoa thi Hội để trấn an lòng người. Chúa Mạc nghe theo. Năm ấy lấy đỗ 17 người theo thứ hạng khác nhau, trong đó có Phạm Hữu Năng . Ân lệ ban cấp đều thi hành theo ngạch cũ.

Bốn trấn yên ổn được hơn vài tháng. Đến tối ngày Mậu Tý, mồng một, tiết Trùng Thu, có ngôi sao sa dài năm trượng, trồh tựa tấm lụa, sáng rực như ánh chớp, rơi chiếu vào nhà. Khi xuống tới đất, có tiếng nổ vang như sấm.

Chúa Mạc an nhiên, không biết diễm tai biến, buông tuồng dâm dục, trễ nải chính sự. Lại đam mê tửu sắc, không còn biết kiêng dè, làm tình ngay trong cung.

Thường quốc công Nguyễn Quyện có người con gái yêu là phi của chúa Mạc hết sức được yêu vì. Bỗng một hôm, trong lúc cùng Nguyễn thị ngắm hoa ở vườn sau, chúa Mạc thấy ngay trước thềm có một cô hầu lộng lẫy: phấn hồng phớt thoa, mày xanh khéo kẻ, mặc áo lụa huyền, để lộ nước da trắng tựa ngọc, chân đi hài mũi đỏ, tay động búp sen vàng. Nhan sắc nghiêng nước nghiêng thành đầy khêu gợi, quấy lên lòng thềm muốn làm mờ mắt quân vương. Mạc Hồng Ninh nhìn lăm la lăm lét, hai môi lắp bắp, chỉ tay hỏi rằng: “Đây là nhân vật nào mà ta gặp muộn vậy?” Nguyễn Phi thưa rằng: Ô! Em gái của thiếp đây mà. Nó tên là Ngọc Niên (người con gái thứ ba của Nguyễn Quyện), đã gả cho Sơn quận công Bùi Văn Khuê rồi”. Hồng Ninh mắng rằng: “Thường quốc công lằm rồi. Có người con gái đẹp như thế mà lại đem gả cho Bùi Lang. Thật không hiểu Bùi Lang tuy có dáng đẹp xuất chúng, nhưng trầm xem trạng mạo của hãn đích thị là tên có tướng phản nghịch. Trầm dùng hãn là dùng gượng đẩy thôi. Nguyễn muội sao nỡ hủy hoại nhan sắc, cam tâm đi lấy một tên ô trọc như vậy? Đêm nay nên để cô em ở lại trong cung, đợi trầm trừ khử thằng phản bội kia đã, rồi sẽ chọn cho cô em một người chồng tốt hơn, ngõ hầu làm cho xứng đôi vừa lứa, trăm năm không còn lo ngại gì. Đó cũng là cách ta đáp lại công lao tình nghĩa của Thường quốc công”.

Vừa dứt lời, bỗng có quan trong triều vào tâu việc đề phòng quân Ái Châu ra quấy nhiễu. Chúa Mạc liền ra ngoài tiếp khách. Nguyễn Thị Ngọc Niên nhân đấy chạy về doanh trại, đem những điều Hồng Ninh vừa nói kể lại cho Bùi Văn Khuê nghe. Bùi Lang thở dài mà rằng: "Ta vốn một lòng thờ vua, mà quan gia thì hám dục không biết chán. Ta nếu không tính liệu sớm, ắt cũng bị đối xử như Mật Khang công thôi. Với nhan sắc kiều diễm của nàng, rất xứng đáng làm thiếp cho Chúa thượng. Ta sẽ viết giấy hiến nàng cho chúa, ngõ hầu trọn đạo thờ vua". Nguyễn Thị Ngọc Niên đáp: "Thiếp vốn một niềm trung tín với chàng, nữ nào chàng bỏ thiếp giữa nơi vô vọng!" Nói

xong, bèn rút khăn hồng ra thắt cổ tự vẫn. Bùi Văn Khuê vội vã giật lấy chiếc khăn nói: Ta vốn biết nường tử trinh tiết, nhưng vì muốn thử tình, thành ra nói như vậy thôi. Ngờ đâu nường lại quyết liệt đến thế! Nay ta thôi không nói chuyện đem hiến nường vào Hàm Đan nữa. Nhưng tình huống bức bách, biết làm thế nào bây giờ?" Nguyễn Thị Ngọc Niên nói: "Chúa thượng mê muội, thật không hiểu đạo làm vua. Nay đương khi quốc gia nghiêng ngửa mà buông tuồng như vậy, thì bại vong nhất định sẽ đến thôi. Chàng đã sớm nhìn thấy cơ sự, mà còn có thể tiếp tục thờ chúa Mạc hay sao? Chi bằng chuyên tâm đến phía tây, bắt chước chuyện Trần Nhụ Tử. Bùi nghe theo, bên cùng vợ gói ghém của cải trong nhà đầu vào đấy. Ngày hôm sau, quả nhiên thấy Hồng Ninh sai mấy viên nội quan đến doanh trại tuyên đọc lệnh triệu tập của triều đình, Bùi Văn Khuê bèn bắt hết bọn nội quan giam vào nhà tối. Đêm hôm đó, ngầm truyền lệnh cho bản bộ nhất nhất chuẩn bị người ngựa lương thảo, nhân đêm sao, nhổ toàn bộ doanh trại chạy về huyện Gia Viễn, xứ Sơn Nam, đóng quân ở đấy không ra nữa. Hồng Ninh sợ xảy chuyện lôi thôi, nhiều lần sai người đến gọi về nhưng mãi vẫn không được, bèn sai tướng tới lui kể tội. Bùi Văn Khuê nghe tin, lập tức đem quân chống lại quân Mạc, đồng thời sai con vào hành dinh Thanh Hoa xin hàng và xin quân ra cứu viện.

Lúc bấy giờ, quan Tiết chế đang sửa sang khí giới, chuẩn bị người ngựa lương thảo, muốn bằng một trận diệt cho hết lũ tiếm nghịch. Bỗng thấy Sơn quận công sai con đến hàng và xin đưa quân đến bến Đầm Giang (tức sông Đàm Xá. Lúc này vì Thế Tông húy là Đàm, nên đổi ra như thế), ngô hầu được cứu nguy và xin làm hướng đạo để góp chút công nhỏ. Quan Tiết chế nói: "Sơn quận công đã hàng, đấy là trời cho ta thành công". Bèn dâng biểu xin xuất quân, truyền lệnh cho các doanh trại cùng lên đường.

Lúc đó, con của Sơn quận công khẩn khoản xin viện binh cấp tốc. Quan Tiết chế trước hết sai Thái úy Vinh quận công Hoàng Đình Ái đi cứu Sơn quận công. Vinh quận công lĩnh binh mã các doanh cơ tiến đến Bãi Trời thì đóng quân lại. Cha con Sơn quận công nghe tin, lập tức đem binh mã bản bộ cùng con em, gia quyến cả thầy ba ngàn người ra đón tiếp, lạy rạp trước quân, xin

dẫn quan quân theo đường tắt đi bắt Hồng Ninh. Vinh quận công còn chưa tin, sai Sơn quận công đem quân bản bộ ra giữ Diêm Giang để xin lệnh. Sơn quận công nhận lời ra đi. Vinh quận công bảo các tướng rằng: "Lời nói của y tuyệt thật, nhưng với kẻ địch không nên tin tất cả. Giả sử công việc nhờ lở thì ai chịu trách nhiệm. Nay ta phải mau mau sai người về tâu trình với Quân sư xem ý Quân sư thế nào để tiện làm chỗ dựa". Thế rồi cho người về báo gấp với Yên Trường. Thật là:

Hướng lộ tuy bằng tha hiệu thuận,

Vận trù tu đãi ngã Quân sư

Nghĩa là:

Dẫn đường tuy cậy người quy thuận

Trù hoạch phải chờ ý Quân sư

Không biết chủ soái quyết định như thế nào, xin xem tiết sau sẽ rõ.

Tiết Thứ Hai

Nghị Hoàng Đế tiến ngự Đông Kinh

Phùng Khắc Khoan phụng sứ Bắc quốc

Nghĩa là:

Nghị Hoàng Đế tiến đóng Đông Kinh

Phùng Khắc Khoan phụng sứ Bắc quốc

Lại nói quan Tiết chế cùng các tướng họp bàn việc tiến đánh. Đường lúc chinh đồn binh mã, lương thảo, bỗng thấy thư báo của Vinh quận công. Trời đang tiết Huyền Minh , Tiết chế liền đem đại quân ra Trường Yên tiến đến Diêm Giang đồn trú binh mã. Sơn quận công đưa quân đến bãi yết, khóc lạy dưới cờ, tâu bày các việc trước sau. Quan Tiết chế vỗ về an ủi, ban cho tước Mỹ quận công, sai đem quân ngựa thuyền ghe làm tiền lộ, tiến đến Khuất Giang đạo để đón đánh quân Mạc.

Quan Tiết chế thúc quân sang Diêm Giang để đánh phá quân Mạc. Khi tiến đến thành Cổ Lộng thì gặp hai tướng Mạc ở Sơn Nam là Quỳnh quận công và Lộc quận công đến hàng.

Ngày hôm sau lại tiến đến huyện Thanh Liêm. Quan Tiết chế sai quân sĩ thu góp lương thực, rồi ra lệnh cho quân thủy bộ cùng tiến, đóng quân ở Trại Kiêu. Các tướng ở Sơn Nam đều ra đầu thú. Quan Tiết chế thu nạp hết và cho giữ chức tước như cũ. Người người tạ ơn lui ra.

Đến tiết Đông Chí, tiến đến châu Tinh Thần (Trung hưng chép là Thanh Thần) đóng quân lại.

Ngày 12, gặp dịp sinh nhật của Tiết chế trưởng quốc công, trăm quan vào chúc mừng. Lễ xong, mở tiệc lớn chiêu đãi. Trong quân ai nấy đều vui say.

Ngày 14 tháng 8 vào giờ Dần , quan Tiết chế cùng các tướng đốc quân thủy bộ cùng tiến về sông Hát yết tế miếu Trưng Vương. Lễ xong, tiến đến cửa sông Hát đại phá quân Mạc. Đại tướng Mạc là Đà quốc công cùng các tướng sĩ bỏ thuyền lên bờ chạy trốn. Quân nhà vua đuổi giặc chạy dài.

Ngày 15, vào giờ Thân , quân tiến đến cửa Nam thành Thăng Long tạm nghỉ.

Ngày 18, dời quân đến đóng ở xứ Bãi Cỏ , hiệu lệnh nghiêm mật , oai thanh chấn động xa gần. Hồng Ninh nghe tin, tối hôm đó bỏ cung chạy tới Kim Thành . Tướng nhà Mạc lục tục ra hàng. Các phủ Thuận An , Tam Đới , Thượng Hồng ở phía bắc sông Nhị đều được bình định.

Ngày 25, Tiết chế tiến quân lấy Hải Dương. Đến Liễu Kinh thuộc huyện Phù Dung , nhân dân mở cửa nghênh đón. Bèn sai Tả thủy doanh là Nguyễn Thất Lý, Tiền thủy doanh là Trần Bách Niên, Hữu thủy doanh là Bùi Văn Khuê cùng chiến thuyền các cơ nội thủy gồm ba trăm chiếc đánh thẳng vào Kim Thành.

Mạc Hồng Ninh chạy đến phủ Lạng Tả. Quan quân tiến đánh, phá được giặc, thu vàng bạc, của cải và đàn bà con gái không biết bao nhiêu mà kể. Lại bắt được cả Mạc Thái hậu đưa về kinh sư. Đến Bồ Đề. Mạc Thái hậu vì quá lo sợ mà chết.

Tháng 12, được tin Hùng Lễ công Mạc Kính Chỉ đóng quân ở Thanh Hà, chiếm giữ hai phủ Nam Sách và Hạ Hồng, quan Tiết chế bèn chia quân tập kích, phá tan quân Mạc ở xã Tân Mỹ , thu nhiều thuyền, ngựa, khí giới. Mạc Kính Chỉ thua to, trốn về Đông Triều. Các quan văn võ nhà Mạc ra hàng cả thảy trên mười người đều được tiến cử thu dụng.

Ngày hôm sau tiến quân đóng ở xã Tranh Giang thuộc Vĩnh Lại . Được vài hôm, quan Tiết chế bèn sai Liêu quận công Lưu Bàn, Trà quận công Nguyễn Đình Luân và Võ quận công chia binh tượng, tiến đánh sông Phố Lại, còn Tiết chế thì dẫn quân thẳng lợi trở về Kinh sư.

Các tướng Trà quận công, Liêu quận công và Võ quận công chia quân đi tiêu trừ giặc ở các huyện Yên Dương , Vũ Ninh thanh thế lừng lẫy. Chúa Mạc Hồng Ninh bỏ thuyền lên bộ chạy về Phượng Nhãn . Võ quận công đem quân đuổi bắt không kịp, bèn đóng quân ở lại đó. Một hôm, thấy người trong thôn tới báo rằng: "Chúa Mạc Hồng Ninh đang trốn tại chùa Mô Khuê, cắt tóc giả làm sư được mười hôm rồi. Thần xin dẫn quan quân đến nơi để bắt". Võ quận công liền báo với Liêu quận công và Trà quận công cùng bí mật dẫn quân đến bao vây quanh chùa, cho quân tuần tra xông vào bên trong, quả nhiên bắt được Hồng Ninh cùng hai hồng kỹ nữ, dùng voi chở về.

Cũng trong ngày hôm ấy, có người bắt được Mạc Tổ mẫu đem về Kinh sư hiến nạp trước cửa quân. Quan Tiết chế bèn đưa xuống cho quần thần văn võ

công khai bàn bạc. Theo Luật đã định, đem Mạc Hồng Ninh chém ở Bồ Đề, gửi đầu về hành tại Vạn Lại ở Thanh Hoa.

Tháng ấy, lại nghe tin Mạc Hùng Lễ quận công tự xưng làm vua ở xã Nam Giản, huyện Chí Linh, đổi niên hiệu là Bảo Định. Lại lập tạm hành tại, chiêu mộ dân đinh được bảy vạn người. Chiếm Thanh Lâm chia đất các tướng giữ các huyện để chống lại quan quân.

Quan Tiết chế bèn sai Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê, Trần Bách Niên, Nguyễn Nga tiến đánh. Chúa Mạc đem quân tập kích giữa sông, quan quân thua to. Từ đó miền Hải Dương, Kinh Bắc lại thuộc về Kinh Chi. Kinh Chi nhân đó đổi niên hiệu năm sau là Khang Hựu năm thứ nhất (1590).

Ngày 17, quan Tiết chế nghe tin bọn Thất Lý bại trận liền sai Hoàng Đình Ái, Nguyễn Hữu Liêu chia nhau năm hai đạo quân thủy bộ, làm thế trong ngoài cùng ứng cứu. Hai tướng nhận mệnh, dẫn quân tiến thẳng về phía Hải Dương.

Khi quan quân đến Cẩm Giàng, chúa Mạc Kinh Chi bèn tung hết lực lượng ra chiếm giữ Thanh Lâm, lấy Trường Giang làm giới tuyến để cầm cự với quân ta. Lính Mạc không lúc nào được cưỡi giáp. Lại sai quân đắp hào lũy ven sông để cố thủ.

Tin tức truyền vào thành Thăng Long. Quan Tiết chế nổi giận, sai các tướng đem quân đánh Thanh Lâm.

Ngày Giáp Tý, tháng giêng năm sau, quan Tiết chế đốc đại quân qua sông Nhị. Ngày Đinh Mão đến Cẩm Giàng hạ trại.

Hôm ấy, đưa quan quân qua sông để đánh. Quân Mạc là một lũ ô hợp, thế không địch nổi, chạy thục mạng vào rừng núi. Quan Tiết chế thúc quân đuổi theo, bắt được Khang Hựu cùng những người trong tông thất và một số tướng văn tướng võ nhà Mạc. Sai giải tất cả về doanh trại.

Ngày Nhâm Ngọ 27, các tướng nộp tù binh trước cửa quân. Quan Tiết chế hạ lệnh đưa tất cả ra chém tại Bến Cỏ rồi sai người gửi đầu chúa Mạc Kinh

Chỉ về hành tại Vạn Lại ở Thanh Hoa. Hai đạo Đông và Bắc nhờ vậy được yên ổn trong ít lâu.

Lại nói Đà quốc công Mạc Ngọc Liên ở Hát Giang sau khi bị thua, đã chạy vào núi Tam Đảo. Được ít lâu lại chạy vào địa giới Kinh Sơn, đến châu Văn Lan tìm được người trong tông thất nhà mạc là Đôn Hậu Vương Kính Cung lập làm vua, đổi niên hiệu là Kiền Thống.

Lúc bấy giờ, lòng người bốn trấn chưa quy phục hết. Được tin Kiền Thống lên ngôi, các nơi hưởng ứng, từ sông Nhị trở ra Bắc lại rối ren. Tiết chế bèn sai các tướng đưa quân qua sông để đánh phá đảng ngụy. Các châu huyện đều được dẹp yên.

Kể từ khi Thành tổ Triết Vương nắm quốc chính, giữ binh quyền, đánh nhau với quân Mạc từ năm Canh Ngọ (1570) đến năm Quý Tỵ (1593), tổng cộng 24 năm mới diệt được giặc Mạc, khôi phục giang sơn. Quan Tiết chế bèn ra lệnh cho thợ xây cung điện ở phía tây nam thành Thăng Long và phía bắc Cầu Dừa trong vòng một tháng thì xong. Thế rồi sai trăm quan văn võ đại thần sắm sửa đầy đủ xa giá vào hành tại nghênh đón Thế Tông Nghị Hoàng Đế về kinh thành.

Xa giá đến huyện Thanh Oai thì dừng lại. Tiết chế Trưởng quốc công Trịnh Tùng dẫn các quan văn võ đến Thanh Oai để phục nghênh thánh giá. Có nhã nhạc cùng đi theo thánh giá vào thành Thăng Long.

Đúng ngày Canh Tý, 16 tháng 4, mùa hạ năm Quang Hưng thứ mười sáu (1593), vua bước lên chính điện, nhận lễ chúc mừng của trăm quan. Đất nước trù phú hưng. Về sau Đăng Bính soạn cuốn Sử ký dã biên, có bài thơ sau đây để làm chứng:

Lê xã trù phú hưng cựu vật hồi

Lam Sơn phục kiến cựu lâu đài

Quân thần đạo tận tư vi mỹ

Chính trị hân quan vạn quốc khôi

Nghĩa là:

Xã tắc nhà Lê buổi phục hồi

Lam Sơn được thấy lại lâu dài

Quân thần trọn đạo nêu gương tốt

Chính sự, bang giao vẹn cả hai

Hoàng thượng sau khi vào kinh thành, bèn định công ban thưởng: gia phong cho Thái úy Hoàng Đình Ái làm Hữu tướng Vinh quận công; Thái phó Nguyễn Hữu Liêu làm Thái úy Dương quốc công; Trịnh Đồ làm Thái phó; Trịnh Đồng và Trịnh Ninh đều làm Thái Bảo. Lê Trịnh Bách làm Thái úy Bản quận công; Hà Thọ Lộc làm Thiếu úy; Ngô Cảnh Hựu và Trịnh Văn Hải đều làm Thiếu Bảo; Lại bộ Thượng thư Nguyễn Mậu Tuyên làm Thiếu phó Quỳnh quận công. Số còn lại đều gia phong chức tước theo thứ bậc khác nhau.

Bấy giờ Tín quận công Nguyễn Cảnh Kiên có nhiều huân vọng, được gia phong Đô đốc Đồng tri. Sau đó công tích ngày một nhiều, được tiến phong là Hiệp mưu công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả đô đốc, rồi thăng lên là Dương võ uy dũng công thần Nam quân Đô đốc phủ Tả đô đốc. Ông tuy theo đuổi việc quân, chuyên tâm thao lược, nhưng cũng thường để mắt tới sách thuốc và các loại dược liệu, thật giống với Dương Thúc Tử đời Tấn. "Tứ phân đẳng" "nhị phân khu" không xa lời dặn của Thần Nông Viêm Đế "Tam chiết yêu", "cửu chiết tý", có thể xem như cái đức của lương y. Phàm những bệnh đặc biệt, không bệnh nào là ông không chữa được. Tên tuổi ông vang dội khắp kinh kỳ. Trên từ công hầu, dưới đến dân chúng đều đến nhà ông xin thuốc, ngựa xe đầy cổng. Danh y bốn phương cũng tìm tới để học hỏi về diệu lý nghề làm thuốc. Thật là:

Biển Thước gia truyền đơn tố nghiệp;

Đan Khê lực triển tế nhân gian

Nghĩa là:

Biển Thước gia truyền, thừa tổ nghiệp;

Đan Khê rộng mở cứu nhân dân

Cho nên người xưa nói rằng:

Kỳ thượng y, ý quốc;

Kỳ thứ y, ý nhân

Nghĩa là:

Nghề thuốc loại một chuyên chữa bệnh cho nước;

Nghề thuốc loại hai chuyên chữa bệnh cho người.

Riêng ông có thể gồm cả hai mặt trên

Chúa thượng càng quý trọng tài năng của ông, gia phong cho ông là Hiệp mưu dương võ uy dũng công thần. Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân phủ Nam quân Đô Đốc phủ Tả đô đốc tri Thái y viện chương viện sự, kiêm Tế sinh đường sứ Thư quận công. Cho nên người đương thời hay gọi là "ông Thầy Thư". (Hồi bấy giờ những người đến xin thuốc phần nhiều gọi là lấy thuốc Đức thầy Thư).

Lại nói chuyện năm Đinh Dậu (1597), người Minh sai sứ sang ta đòi cống vật. Tháng 4, mùa hạ, vua sai Công bộ Tả thị lang là Phùng Khắc Khoan, Thái thường tự khanh Nguyễn Nhân Thiện đi sang nhà Minh nộp thuế cống và xin phong.

Bọn Khắc Khoan đến Yên Kinh, dâng biểu xin nạp cống vật. Vua Vạn Lịch nhà Minh thấy tờ biểu rất mừng, bèn làm tờ chiếu phong vua Lê là An Nam Đô thống sứ ty Đô thông sứ, cai quản đất đai và nhân dân nước An Nam. Ban một quả ấn bằng bạc, trên khắc chữ "An Nam Đô thống sứ ty", giao cho bọn Khắc Khoan mang về nước.

Khắc Khoan cho rằng cái mà ta muốn cầu phong là danh hiệu "An Nam quốc vương" kia. Nay Thượng quốc lại phong cho là "An Nam Đô thống

sứ", cái chức mà họ Mạc trước đây thọ lãnh. Khắc Khoan hết sức bất bình, bèn viết tờ biểu dâng lên, nói:

"Họ Lê, chúa của thần là con cháu vua nước An Nam - giận vì họ Mạc tiếm đoạt, không chịu nổi mối thù ngàn năm, bèn nằm gai nếm mật, nghĩ cách thu phục cơ đồ tổ tông, để tiếp nối nghiệp lớn của cha ông . Họ Mạc kia vốn là bề tôi của họ Lê nước An Nam, đã giết vua của mình để cướp nước, thật có tội với Thượng quốc, vậy mà lại lén xin được chức Đô thống. Nay chúa của thần không có cái tội của họ Mạc, mà lại nhận cái chức của họ Mạc, thế là nghĩa làm sao? Cúi xin Hoàng đế bệ hạ cao minh lượng xét cho.

Kính làm tờ biểu

Ngày ... tháng 11 năm Vạn Lịch thứ 25 (1597).

Vua Minh cho vời bọn Phùng Khắc Khoan vào cung. Xem xong tờ biểu, vua Minh cười bảo: "Chúa nhà ngươi có thể khôi phục được giang sơn, đây là điều họ Mạc không tài nào sánh kịp, trẫm há lại chẳng biết sao! Ngặt vì mới lấy được nước, e lòng người chưa ổn định. Vậy tạm nhận chức Đô thống, đợi khi trong nước thanh bình, phong cho tước vương cũng không muộn. Nhà ngươi nên vâng mệnh, chớ khăng khăng từ chối". Khắc Khoan vái tạ bước ra.

Đến ngày mùng 6 tháng chạp, đoàn sứ bộ lên đường về nước. Ngày rằm tháng chạp năm sau đến Trấn Nam Giao quan.

Quan Tả Giang nhà Minh là Trần Đôn Lâm sai Vương Kiến Lập mang công văn theo đoàn sứ bộ sang nước ta. Quan Tiết chế sai Hữu tướng Vinh quốc công Hoàng Đình Ái, Thái bảo Cơ quận công Trịnh Ninh chuẩn bị nghi lễ để đón tiếp sứ nhà Minh.

Vương Kiến Lập cùng với bọn sứ nước ta là Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Nhân Thiệu về tới Kinh sư.

Ngày Bính Tý 25, Hoàng thượng ngự thuyền sang sông đến quán Bồ Đề để nhận tờ chiếu và đón sứ giả về cung làm lễ. Quan Tiết chế cùng các đại thần

vấn võ vào nội điện để châu.

Sau khi đọc xong sắc thư, nhìn quả ấn ban cho tuy nói là bằng bạc, nhưng kỳ thực lại là ấn đồng, quan Tiết chế Trưởng quốc công nổi giận bảo sứ nhà Minh rằng: "Thiên triều là nước ở giữa, nên đối xử cho công bằng, khuyến điều thiện, răn điều ác, để có thể giữ uy tín với nước ngoài. Nay đối với họ Mạc là kẻ thoán đoạt thì có thể ban cho ấn bạc, còn đối với họ Lê là con cháu dòng chính thống thì lại ban cho ấn đồng. Cư xử như vậy thật không đúng chút nào với cái nghĩa "nhu viễn" - tức làm cho yên lòng cõi xa!" Vương Kiến Lập đáp "Việc này là do những người làm ở Thượng ty, chứ nhà nước thì trăm công nghìn chuyện, làm sao có thể xem xét hết được mọi việc. Nay nên viết lại tờ biểu gửi lên triều đình, xin được xem xét và làm cho rõ sự việc này". Trưởng quốc công giọng nghiêm chỉnh nói rằng: "Thiên triều ở ngôi chính thống, phải cư xử cho đúng mực. Nói điều đúng, làm việc đúng. Thế mà lại để cho bọn quan viên lộng hành, lừa dối hạ quốc. Cứ tình trạng này, chỉ e sinh loạn nơi biên giới, dần dà dẫn đến mối họa Di Địch". (Về sau quả nhiên có chuyện bọn Mãn Châu vào cướp, đúng như lời nói đó). Nói xong, liền thảo tờ biểu trình bày việc hiến nhượng ấn đồng gửi Vương Kiến Lập mang về Trung Quốc.

Kiến Lập về đến Giang Tả, tâu trình lại đầy đủ rằng "Trịnh Tùng, Phụ thần của nước An Nam, là người khoan hòa, trung hậu đã diệt trừ được bọn Mạc tiếm nghịch, khôi phục họ Lê. Qua cách cư xử, nói năng, có thể thấy đây là một bậc hiền tài". Đôn Lâm nghe nói như vậy, muốn xin phong cho An Nam làm nước láng giềng giao hảo. Thật là:

Nam quốc hữu nhân thù cảm vụ

Bắc phiên khởi kính tặng giao nghi

Nghĩa là:

Nước Nam có nhân tài, ai dám coi nhẹ

Phương Bắc sinh kính trọng, đặt mối bang giao

Sau đó, nhà Lê bèn cùng Kiến Lập tiến hành việc giao hảo. Muốn biết việc sinh hội thế nào, xem tiết sau sẽ rõ.

Tiết Thứ Ba

Trịnh tả tướng tiến tước Bình An Vương

Đoan quốc công đảo quy Thuận Hóa trấn

Nghĩa là:

Trịnh tả tướng lĩnh tước Bình An Vương

Đoan quốc công trốn về trấn Thuận Hóa

Năm Kỷ Hợi, Minh Vạn Lịch thứ hai bảy (1599), Đôn Lâm sai Kiến Lập đem ngựa tốt, đai ngọc và mũ xung thiên sang tặng cho quan Tiết chế, hẹn kết làm hai nước láng giềng giao hảo. Lại tặng hai tấm thiếp trong đề tám chữ "Quang hưng tiền liệt, định quốc nguyên huân" (Rạng rỡ cha ông, công đầu dựng nước). Quan Tiết chế vì vậy đối xử với Kiến Lập càng hậu, hộ tống sứ giả về nước. Từ đó, việc bang giao nạp cống được thông suốt.

Gia phong cho các công thần. Lấy Vinh quốc công làm Thái tể. Những người còn lại cũng đều được phong tước vị theo mức độ khác nhau.

Lại nói chúa Mạc Kính Cung ở đất Long Châu của nhà Minh nhiều lần đem quân sang quấy rối châu Thất Tuyền thuộc xứ Lạng Sơn. Năm Mậu Tuất (1589) trước đó chúng bị quan quân truy đuổi, chạy vào Long Châu. Đến nay, chúng đút lót rất nhiều cho thổ quan nhà Minh, nhờ bọn này chuyển tờ biểu xin vua Minh dàn xếp, để An Nam đem miền Thái Nguyên, Cao Bằng cấp cho họ Mạc cai quản. Triều đình của ta nghĩ rằng "thờ nước lớn cốt phải

cung kính phụng mệnh", do đó đã tạm nghe theo nhà Minh để binh lính được nghỉ ngơi.

Đất nước từ đó dần dần được thanh bình. Hoàng thượng nhận thấy Đô tướng tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh kiêm tổng nội ngoại Bình chương quân quốc trọng sự tả tướng Thái úy trưởng quốc công công lao to lớn, bên đặc sai quan Thái tổ Vinh quốc công Hoàng Đình Ái đem kim sách tiến phong cho Trịnh Tùng làm Đô nguyên súy Tổng quốc chính Thượng phụ Bình An Vương. Trưởng quốc công kính nhận sách mệnh, mở tiệc lớn chiêu đãi. Các quan văn võ đại thần đều vào chúc mừng. Bình An Vương đón tiếp rất nồng hậu, cho ăn uống linh đình. Chỉ thấy:

Song diễm điện quỳnh thanh khúc hứng

Lưỡng ban xướng hạ động thành minh

Nghĩa là:

Đôi tay lướt phím đàn tấu khúc nhạc trong trẻo

Hai ban hát chúc tụng vang dội cả kinh thành

Thật là những ngày thu cực kỳ hoan lạc. Nhưng vui không thể tận hưởng, tận hưởng sẽ sinh ra buồn.

Năm đó, có ngôi sao băng rơi xuống, làm cho điện lớn Kính Thiên bị sạt mất một góc. Hạn hán lâu ngày không mưa, lúa má khắp nơi bị khô héo đến mấy mươi ngày. Bình An Vương tự ngồi lán sang một bên có ý tự răn mình, không dám làm gì, nghĩ ngợi rất sâu.

Ngày 24 tháng 8 mùa thu, Thế Tông Nghị Hoàng Đế về châu trời.

Ngày hôm sau, Bộ Lễ yết bảng về phẩm phục của thần dân như sau: Thượng phụ huân vương là trọng thần xã tắc, không cùng ngang hàng với các quan, nên để tang trăm ngày. Các thần vương và các quan văn võ từ tước quận công trở lên, các viên có dự ban châu cùng các viên triều đường, các viên coi một phương diện ở ngoài nên để tang ba năm. Sĩ quan văn quan võ,

cùng dân chúng chế phục cũng quy định khác nhau. Thế rồi giao cho quan Tư thiên chọn ngày đưa linh cữu của Đại hành Hoàng đế về sơn lăng.

Ngày Giáp Tuất, 27 tháng ấy, Bình An Vương cùng văn võ triều đình tôn Hoàng tử Lê Duy Tân lên ngôi Hoàng đế, đổi niên hiệu năm sau là Thận Đức năm thứ nhất (1600), ban thưởng rất hậu. Cho Thái Tể Vinh quốc công Hoàng Đình Ái làm Tả tướng, Thái úy Đoan quốc công Nguyễn Hoàng làm Hữu tướng. Có lẽ Bình An Vương lúc này nhận thấy vua thì còn nhỏ tuổi, trong nước không khỏi nghi ngờ về bụng dạ thật của mình, nên có ý muốn đề bạt những người có công lớn cùng mình phò tá vua, xây dựng sự nghiệp nhà Lê. Muốn phỏng theo quy chế ngày xưa:

Tư không trạch bách quỹ

Trùng tể tổng Lục quan

Nghĩ chư bình bột điều hòa kết

Suất thử đông tây dự phụ hoan

Bản tại vương tâm trì nhất thống

Thùy tri thể thái khước đa đoan

Nghĩa là:

Quan Tư không coi việc triều chính

Quan Trùng tể đứng đầu Lục quan

Kết mọi xu trào thành một khối

Đưa cả Đông, Tây vào yên vui

Vốn biết lòng vua mong nhất thống

Ai dè thể thái lại đa đoan

Trái lại trong lòng Đoan quốc công lại muốn dựng riêng một phiên bang hùng mạnh, nhưng không dám nói điều ấy ra, làm cho người ta ngờ vực. Vì

thế mà lòng ông ta bứt rứt không vui, như có hàng vạn cái gai đang nhói trong lòng. Thật là:

Long Đỗ thân tuy hồi tử các

Ô Châu tâm thượng vọng hồng thiên

Nghĩa là:

Thân tuy hầu hạ nơi Long Đỗ

Mà lòng tơ tưởng xứ Ô Châu

Phạm những khi triều hội, Nguyễn Hoàng thấy Bình An Vương ngồi chín lớp chiếu, tiếp đến là Vinh quốc công, rồi thứ ba mới đến Nguyễn Hoàng chỉ ngồi có sáu lớp chiếu, trong lòng tuy không vui, nhưng cố giữ kín, không để lộ ra sắc mặt.

Đến tháng tư, mùa hạ, năm Canh Tý (1600), nhân một hôm vào chầu trong Vương phủ, Nguyễn Hoàng tâu lên Vương rằng: "Tối hôm qua, nhân trời oi bức, thần ra ngoài nhà để hóng mát. Bất đồ người uể oải, rồi nằm xuống ngủ thiếp đi. Thân mộng thấy bầu trời trong sáng, không một gợn mây. Bỗng có vài ngôi sao lạ phạm vào phía sau mặt trăng. Thần liền lấy kiếm dài chỉ vào nó, tự nhiên sao yêu quái rơi xuống đất. Trăng lại sáng vằng vặc. Với điềm mộng này, thần chưa biết tốt xấu thế nào, cứ tâu lên để bậc cao minh xét đoán".

Bình An Vương đem câu chuyện trên hỏi những người xung quanh. Bỗng có viên quan ở ban văn trả lời rằng: "Mặt trời tượng trưng cho Đế, mặt trăng tượng trưng cho Vương, còn các ngôi sao thì giống như đám quan lại. Nay mặt trăng tương ứng với Túc hạ. Bên cạnh mặt trăng có ngôi sao lạ áp sát như thế, bề tôi tất có kẻ phản nghịch mưu hại bề trên. Túc hạ nên đề phòng cẩn thận. Đoan quốc công thân huân đã mộng thấy như thế, thật không phải chuyện đùa".

Với chữ "đùa" này, có thể nhận ra một cái gì đó, Đoan quốc công nếu để ý một chút, sẽ thấy trong câu nói của mình có chỗ bị sơ hở. Không biết những

lời vừa rồi do ai thốt ra mà nó xuyên vào tận đáy lòng của Đoàn quốc công. Đoàn quốc công sau khi nghe những lời nói đó, lo lắng đưa mắt nhìn kẻ vừa nói, thì hóa ra là quan Nghị Trai họ Phùng . Đoàn quốc công mặt biến sắc, nói: "Thần vốn thấy mộng như thế, mà Phùng công lại đoán vậy, quả có đúng về lý. Túc hạ nên mở rộng uy vũ, răn đe tướng hiệu, tăng cường cảnh giác để đề phòng". Bình An Vương im lặng không hỏi gì nữa.

Hôm ấy sau khi bãi chầu ra về, Đoàn quốc công nhân lúc vắng người, nói nhỏ với Phùng công rằng: "Bụng dạ của Hoàng này lẽ nào tiên sinh lại không đoán được. Hôm nay gặp nhau ở đây, tiên sinh có điều gì chỉ giáo cho tôi không? Phùng công nói: "Hoành sơn một dải, có thể dung thân. Biển cả là hào, có thể vạn toàn. Lời nói đó của người xưa, không thể không ghi nhớ". Hoàng hỏi: "Có kế gì để được như vậy?" Lúc đó Phùng công thấy người đi chầu về bước nối đuôi nhau, sợ bị lộ, phúi áo mà đi, không nói thêm một lời nào nữa.

Sau đó, vào dịp diễn tập quân lính ở Giang Vũ, Bình An Vương triệu tập các tướng bài binh bố trận. Bỗng có một đội cơ thuyền tiến lui sai với hiệu lệnh. Hoàng bèn với giọng chế riễu nói nhỏ với Triết Vương rằng: "Làm tướng ngày xưa đối với lính rất nghiêm, như Nhượng Thư giết Trang Giả; Tôn Võ chém cung tần, cho nên có thể khiến quân lính tuân thủ mệnh lệnh, đánh thắng được giặc. Nay đội quân này hàng ngũ không chỉnh tề, đó là do tướng sù ở không, chẳng chịu luyện tập quân lính. Nếu không dùng pháp luật uốn nắn, thì quân đội của quốc gia sẽ theo đó mà rời rã, không còn muốn tranh đua". Vương nghe lời nói ấy, càng thêm tức giận, liền cho gọi tướng hiệu của đội quân đó tới trừng phạt, lăng nhục không tha thứ. Từ đấy về sau, phạm đối xử với bọn bề tôi, chúa hay khuyến khích lỗi dùng thuật chế ngự, việc gì cũng tỏ ra nghiêm trọng, cung kính. Thường cho bọn tay chân mang vũ khí đi trị những kẻ kiêu căng, hung hãn, khó sai bảo, cho ta đây là hạng công thần quan trọng của triều đình .

Cách chế ngự của nhà chúa là như vậy, nên hầu hết những viên quan võ cứng đầu cứng cổ đều bị mắng nhiếc. Song nhân tình khó có thể dùng uy lực

mà ràng buộc, trong khi đó thì bọn tặc tử lại dễ lợi dụng khe hở để gây mối hận thù.

Bấy giờ Đoan quốc công thấy sự việc đã chín muồi có thể thực hiện âm mưu gây biến. Một hôm nhân rảnh rang, Đoan quốc công tổ chức tiếp khách, chỉ trong một buổi sáng mà tập nập kẻ ra người vào.

Lúc ấy có người huyện Gia Viễn, trấn Sơn Nam là Mỹ quận công Bùi Văn Khuê đến xin gặp. Người gác cổng vào trình báo. Hoàng xỏ vội chân vào dép ra đón và dẫn tới một căn nhà vắng vẻ bày đầy rượu và thức nhắm, khoản đãi rất hậu. Hoàng hỏi Bùi rằng: "Trận Thủy Đường năm Mậu Tuất ông còn nhớ chứ?" Mỹ quận công đặt chén rượu xuống chiếu thưa rằng: "Lúc bấy giờ Minh công làm Thống lĩnh, còn tôi và các tướng đều ở dưới quyền ngài. Ngày ấy, triều đình tiến quân ba mũi, cùng đánh vào bọn giặc ở Thủy Đường. Các quận công Chấn, Hải, Kế, Tráng ra huyện Kim Thành để chặn đường; bọn Hoàng Thái tể tiến đánh phía bắc, còn ngài thì dẫn chúng tôi tiến đánh phía nam. Duy chỉ một mình ngài đốc thúc được tướng sĩ bản doanh tiến vào trước, xông lên phía mỏm núi ở Thủy Đường bắt sống được ngục Thủy quận công. Còn tôi thì đem thuyền bè bày ra giữa sông, cũng bắt sống được ngục Thủy quận công. Trong trận Thủy Đường, phải nói đạo quân của ta công tích vào bậc nhất". Nguyễn Hoàng ngắt lời nói: "Chiến thắng Thủy Đường chẳng qua là công lao một thời, bỏ bèn gì mà đi nhắc lại. Nói là nói về việc mở ra nghiệp lớn Trung hưng, ai dám bảo tiên khảo của ta Chiêu huân Tĩnh công, người đã khởi sự từ đất Ai Lao, dò tìm con cháu nhà vua, lập Trung Tông lên ngôi, dựng lại Hoàng đồ để có được cơ nghiệp như ngày nay... là không xây đắp được công lao muôn đời? Khi tiên khảo ta tạ thế, anh em ta còn ấu thơ. Thái Vương là anh rể của ta mượn cơ được nhà vua cho thay chức cha ta để đánh giặc lập công. Đến lúc ta trưởng thành, lại đẩy ta ra tận những vùng khi ho cò gáy. Tuy phải trèo đèo lội suối vào Nam, ta trước sau vẫn không nề gian nan nguy hiểm, một lòng trung kính, lúc nào cũng chỉ nghĩ đến việc khuông phò vua. Đến khi Thái Vương mất, Bình An Vương nắm giữ binh quyền để đánh họ Mạc, ta cũng đã đưa hết quân ở phiên trấn ra Bắc, theo nghĩa cần vương. Công lao ấy thật không kém ai

nhưng đến khi xếp thứ bậc thì lại đặt ta dưới Hoàng Đình Ái. Xem thế đủ thấy Chủ tướng đã coi nhẹ công lao tôn phù nhà Lê của tổ tiên ta, khinh thường cái nghĩa hết lòng phò giúp Hoàng thượng. Chẳng những vậy, lại còn muốn ngấm ngầm trừ khử ta. Ta mà còn không biết nương thân vào đâu, huống nữa là ông. Ông thì từ năm Nhâm Thìn (1592) quy mệnh đến nay ăn gió nằm sương, xông pha lên đạn, có nhiều công lao, thế mà khi yết kiến lại thường bị mắng nhiếc thậm tệ. Nếu không sớm lo liệu, thì sẽ bị triều đình giết hại như bọn Hàn Tín, Bành Việt mà thôi". Mỹ quận công nghe lời nói rất hợp với ý mình, bèn thiếu não cúi đầu than rằng: "Minh công đã có cao kiến, nhận rõ tình hình. Nay kể cao bay xa chạy như thế nào, xin bày đường chỉ lối". Đoan quốc công nói: "Ông nếu thực bụng muốn như vậy, thì đến ngày ấy, cứ thế, cứ thế mà thực hiện, ta sẽ làm nội ứng cho ắt việc lớn trong thiên hạ sẽ quyết định từ đây". Mỹ quận công đáp: "Dạ, dạ, xin vâng mệnh". Rồi cáo từ ra về.

Ngày hôm sau, Nguyễn Hoàng lại tiếp Kế quận công Phan Ngạn và Tráng quận công Ngô Đình Nga. Sau khi khách ngồi xong, Hoàng gọi nhà bếp mang rượu thịt ra ân cần tiếp đãi hai người. Hoàng nói với Kế quận công rằng: "Ngày trước, cha của ông Lai quận công, vốn là chỗ bạn bè quen thân của ta. Giữa chừng ta phải chuyển vào Nam để trấn giữ Thuận Hóa. Anh em xa cách, trần trọc nhớ mong. Đến năm Nhâm Thân (1572) niên hiệu Hồng Phúc, được tin cha ông phụng mệnh tiên quân đi công cán vào trị sở của ta, ta vui vẻ đón tiếp, tình nghĩa sâu đậm. Lúc ấy, phàm có việc gì cơ mật, quyền biến, Lai công đều nhất nhất kể lại cho ta hay. Sau buổi chia tay ra về được ít lâu, ngài chẳng may mất vì việc nước, ta vô cùng thương tiếc. Nay mừng thấy ông lại được nối quyền khanh tướng, có tiếng tăm trong triều, thân phụ ông tuy ở nơi chín suối, cũng không còn ân hận gì nữa".

Hoàng nói xong được một lát, Kế quận công rượu đã ngà ngà, bèn cất tiếng đáp lại rằng: "Bác là chỗ bạn bè thân thiết với cha tôi, tôi đâu dám không bày tỏ hết chân tình. Nếu Bác không thương, để lộ việc này ra đến nỗi gây tai vạ, mắc tội với triều đình, thì Ngạn này cũng ngậm cười mà chết". Nguyễn Hoàng nói: "Lòng tin là báu vật lớn của quốc gia. Những điều ta nói

với anh đều lấy niềm tin làm trọng để hoàn tất công việc, sao có thể tiết lộ ra ngoài được". Kế quận công đã hé thấy được ý tứ qua câu nói "báu vật lớn của quốc gia", đoán biết Đoan quốc công đã có ý đồ khác, bèn nói với Đoan quốc công rằng: "Tôi và Ngô Trang công từ nhỏ đến giờ phụng sự quốc gia, một lòng trung thành, hết lòng phục vụ, xông pha nơi hòn đạn mũi tên để làm việc lớn, không hề có tâm địa gì khác. Vậy mà nay khi đất Thiên Nam dần dần ổn định, Chúa thượng lại đem dạ nghi ngờ, trừng trị ráo riết bọn bề tôi. Việc tệ hại này không hiểu duyên cớ vì đâu, Tồn công là người được hầu hạ gần gũi, có thể cho chúng tôi biết được chăng?" Đoan quốc công đáp: "Người xưa nói thỏ hết thì chó săn cũng thịt, mà chim hết thì cung cũng xếp xó. Câu ấy đủ làm gương cho ta. Ngày nay họ Mạc tiếm nghịch đã bị diệt trừ. Thần Kinh đã được khôi phục. Ta xem ý Bình Vương đối với kẻ dưới có vẻ chán ngán và khinh bạc. Ta là kẻ thân thuộc mà còn bị nghi ngờ, huống chi các anh là hạng người có vẻ táo tợn, ưa lật đổ, nếu không trốn đi cho nhanh thì tai họa sẽ ập tới trong sớm tối!" Hai ông Kế và Tráng nghe xong, đâm ra thần thờ. Đoan quốc công lúc này mới không cần úp mở gì nữa, đem những điều đã nói với Mỹ quận công nói lại cho hai người này biết. Hai người nghe xong từ tạ ra về.

Tháng 5 năm Đinh Mùi (1607) gặp ngày tết Đoan Ngọ, Triết Vương vừa đi yết miếu Thái Vương về ngồi trong phủ, các tướng hiệu chia nhau đứng hầu hai bên. Bỗng nghe bên ngoài thành có tiếng súng nổ liên tiếp, ba mặt khói lửa bốc cao. Triết Vương bèn sai người đến tận nơi xem xét. Gia nhân vâng mệnh ra đi. Lại cho đòi Thái tử Vinh quốc công, Thái úy Đoan quốc công cùng đại thần văn võ vào trong phủ để lo liệu việc quân.

Lúc bấy giờ phố xá rối loạn, trăm quan bàng hoàng theo lệnh vào triều kiến. Vương nhân đó ra lệnh cho các tướng chia nhau giữ chặt bốn mặt thành. Được một lát, nghe thám mã về báo rằng: "Không phải giặc đâu xa, chỉ thấy ba người là Kế quận công, Mỹ quận công và Tráng quận công bỏ bản doanh, kêu gọi làm phản". Vương nhìn tả hữu nói rằng: "Ba tên này chịu ơn sâu của ta mà lại trở mặt nhanh thế. Bây giờ cơ sự đã rõ rồi, ai dám ra nghênh địch?" Nguyễn Hoàng vờ tức giận nói: "Mệnh trời đã định, bốn bề rồi cục một nhà.

Không ngờ hôm nay bọn chúng ngu tối, đến nỗi buông tuồng làm phản. Thần xin lĩnh mệnh đi đánh chúng. Nếu như bọn Kế, Mỹ không chết thì thần quyết không gặp lại chủ tướng nữa”. Vương nói: “Giấc mộng hôm trước hiển nhiên không còn gì phải ngờ. Nay cậu lại đi thay, chính là ứng với điểm lấy gươm dài trở vào ngôi sao yêu quái, bọn phản nghịch nhất định sẽ bị tiêu diệt”. Ngay ngày hôm ấy sai Đao quốc công đem quân đi bắt bọn phiến loạn. Đao quốc công nhận mệnh trở về bản doanh.

Bóng mặt trời vừa rơi vào thềm nhà, đã thấy người làm bếp bưng cỗ bàn lên, đốt đèn thắp nhang. Đao quốc công bèn đến trước chiếu cáo tế tổ tiên. Lúc ấy, tướng sĩ đều đến chờ lệnh xuất phát. Những người nom thấy đều nói:

Quốc nhĩ vong gia tùy ý cử

Cơ trung tiên vật hữu thù tri

Nghĩa là:

Vì nước quên nhà tùy ý chọn

Cơ mưu sắp đặt có ai hay

Cáo tế xong, các tướng hiệu cùng quân sĩ đều ngồi vào dự tiệc. Không biết việc chuẩn bị xuất quân như thế nào, chờ xem tiết sau sẽ rõ.

Tiết Thứ Tư

Bình An Vương sai binh phạt mộc quái

Mạc Kiên Thống thoái giá cứ Kim Thành

Nghĩa là:

Bình An Vương sai quân chặt cây quái

Mạc Kiên Thống lui giữ đất Kim Thành

Đoan quốc công gói ghém các thứ sách vở, của cải, hòm xiềng đầu vào đấy, kiểm điểm lại binh mã lương thảo đợi đến canh ba, liền hạ lệnh đốt tất cả doanh trại bí mật dẫn ba quân đi về phía nam. Quân đi liền mấy ngày đêm, đến huyện Tống Sơn . Lúc bấy giờ thuyền lớn Thuận Hóa đã ngầm ra đợi ở cửa biển. Đoan quốc công bèn cho quân theo đường biển lẫn đường bộ song song cùng tiến về phía Thuận Hóa, đây khỏi phải nhắc nữa.

Đêm hôm đó, kinh thành Thăng Long giới nghiêm, quân sĩ ai lo phận nấy, không dám lơ là chểnh mảng, dù có lửa sáng ở bên ngoài, cũng tịch nhiên không rục rịch.

Ngày mồng sáu, trời vừa sáng, Bình An Vương đã hỏi tả hữu: “Đêm hôm qua ở ngoài thành có lửa sáng rực, đó là lửa ở doanh trại nào vậy?” Lúc ấy nhiều người trả lời nhưng không thống nhất. Có kẻ bảo Đoan quốc công xuất quân vào lúc nhá nhem tối hôm qua. Bọn giặc biết được, bèn ngầm sai người đến đốt doanh trại. Có người lại nói Đoan quốc công tự đốt doanh trại của mình rồi không biết đem quân đi đồn trú nơi nào. Vương bèn cho người đi dò xét, biết Đoan quốc công đốt doanh trại và trốn đi xa lắm.

Vương cho vời Thái tử Vinh quốc công tới hỏi rằng: “Nay bọn phản nghịch đang tung hoành, phổ phường xao động, lòng người hòa theo giặc, vậy ta nên làm gì?” Vinh quốc công đáp: “Thời cơ đã bức bách lắm rồi, khó có thể ở lại đây lâu được. Kinh đô vừa mới ổn định, của cải tích trữ chưa nhiều. Kế, Mỹ là lũ tép riu, không đáng lo. Chỉ ngại Đoan quốc công tự mình trốn đi. Khả năng thứ nhất là chia giữ Thuận Hóa, tiếp tục trông coi biên trấn như cũ, nếu vậy thì cũng đỡ lo. Khả năng thứ hai là vào chiếm cứ Thanh Hoa, lay ta tận gốc: nếu như vậy thì không thể không lo được. Tốt hơn hết là ta mau mau phò Thánh giá trở lại Yên Trường, đó là thượng sách”. Vương nói: “Đúng”. Rồi sai quân đi ngay đến điện vua tâu bày việc hồi loan . Phái viên nhận chỉ dụ ra đi.

Ngày ngày hôm đó, nổi trống lớn, bày voi ngựa, hộ tống loan giá ra khỏi thành đi về phía tây. Đến Chúc Giang, gặp nước sông lên to, vương sai thủy quân chở binh lính qua sông.

Ngày Tân Hợi mùng 9, tiến đến chợ Bộ. Các cánh quân đều hết lương thực, thiếu khí giới. Hôm ấy xa giá đến đóng ở Khuất Sơn, kiểm điểm binh mã, ban thưởng vàng bạc lương thảo. Sai triều thần bàn bạc, gia phong cho các công thần lập được chiến công.

Hồi bấy giờ phần lớn các tướng đều được Nguyễn Hoàng kết giao rất hậu. Những kẻ lui tới chèn chén hầu hết là người của Hoàng, Sau khi Hoàng bỏ chạy, làm cho xa giá phải dời đi hết nơi này đến nơi khác, người người đều ghen công, tranh tài, tố cáo lẫn nhau.

Trong số nói trên, có lũ em Thư quận công. Vì bất hòa với Thư quận công, họ đã đến trước trướng của Bình An Vương bẩm báo rằng: “Xưa cha của bọn thần là Tấn quốc công đã quên mình vì nước, có lời đi huấn bảo bọn thần phải lấy lòng trung thờ vua. Ngờ đâu anh của bọn thần là Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên coi thường lời dạy của cha, mù quáng cùng tên gian thần Nguyễn Hoàng âm mưu kết bè kết đảng, bọn thần ai cũng nom thấy. Vì sợ vạ lây đến bản thân, có nguy cơ tróc đổ cả gia nghiệp, bọn thần đã mạo muội đến đây để thưa hết sự thật. Dám xin soi xét cho tấm lòng ngu trung của bọn thần, trừng trị kẻ gian tặc”.

Vừa nghe xong, Bình An Vương đã biết ngay là lời vu khống, bèn lớn tiếng quát rằng: “Thư quận công vốn là người trung thành, một lòng trung nghĩa, phụng sự nước nhà đã hơn hai mươi năm nay. Ta há lại không biết đến tấm dạ đồng gan sắt đó hay sao, ai có thể ly gián được? Lũ các người không kính trọng anh thì chớ, lại còn đi tố cáo xằng bậy. Nay nên chọn ngày dựng đàn, truyền cho các tướng bị cáo về hết để dự lễ minh thệ, tỏ dạ trung thành”. Ngay ngày hôm ấy ra lệnh yết tên những người có liên quan bên ngoài cửa quân, rồi lập đàn minh thệ. Lấy huyết gà, huyết chó, huyết ngựa, thắp hương để sẵn.

Sáng sớm hôm sau, các tướng đến dự hội thề tất cả hơn hai mươi người. Người đầu tiên là Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên bước lên phía trước, quỳ xuống sấp huyết thề rằng: “Thần tên là Nguyễn Cảnh Kiên, người xã Nông Sơn, huyện Nam Đường, phủ Anh Đô, hiện giữ chức Nam quân Tả đô đốc thự phủ sự kiêm Thái y viện chương viện sự, tước Thư quận công, là bề tôi thờ Vua Lê Thận Đức Hoàng Thượng và Chúa Trịnh Bình An Vương, vốn một lòng trung nghĩa, mong hưởng tước lộc vinh quang. Nếu do ngu muội chấp nê mà quên lòng hy sinh vì nước của người cha xưa, âm mưu kết bè đảng với Đoan quốc công để làm phản như lời nhiều người tố giác, xin bôi chén huyết này, nếu có điều gì không phải, xin trời đất và các thần sông núi cứ đánh chết”.

Ông và các tướng thề xong, Bình An Vương thấy ai cũng thanh thản, bèn cho an tọa. Chủ tướng lời lẽ đặc biệt cảm động. Vương vì vậy sai đem các thư tố giác vất hết vào lửa, rồi an ủi các tướng hiệu, cùng họ ăn uống cho đến đêm mới tan.

Lại nói Mỹ quận công Bùi Văn Khuê nghe theo quỷ kế của Nguyễn Hoàng, ngầm dẫn quân bản bộ leo lên thành đốt lửa làm loạn, chờ nội ứng. Sau mấy hôm không được tin tức gì về Đoan quốc công, chỉ thấy loan giá trở lại miền Tây, Bùi Văn Khuê bèn dẫn quân tới sông Nhị gặp Kế quận công, rồi rải quân đồn trú.

Mỹ quận công ngờ triều đình ngầm cắt Ngạn ở lại phục kích bắt mình, nên đắp lũy tự phòng thủ. Lại sai người đến dụ Ngạn cùng dẫn quân về hàng nhà Mạc để được hưởng trọn vẹn giàu sang. Ngạn thấy thư, phê báo như hẹn ước.

Sau khi sứ giả của Mỹ quận công đi rồi, Ngạn lại ngờ Mỹ quận công là kẻ xảo quyệt, lật lọng, e có mưu đồ gì khác chẳng. Ngày hôm sau, nghe tin Mỹ quận công dẫn thủy quân bơi thuyền đi giữa sông, Ngạn bèn sai người bắn chết.

Sau khi giết Mỹ quận công, Ngạn đem quân vào Kinh kỳ chia giữ thành quách, dựng cờ lớn, tự xưng là Tiết chế thủy bộ chư doanh Bình chương

quân quốc trọng sự Thái úy Sinh quốc công. Cho Ngô Đình Nga làm Thái bảo Hoa quận công, em Ngạn là Phan... làm Tiền bộ doanh Quỳnh quận công. Số tướng hiệu còn lại cũng được phong tặng phẩm trật khác nhau. Lại dùng niên hiệu Kiền Thống của họ Mạc để đề trên các biển gỗ cấm chỉ. Chiêu an thành phố, mở yến tiệc để khoản đãi cấp dưới. Truyền sai người đến Long Châu báo cáo và đón vua Kiền Thống trở về. Sai nhân phụng mệnh ra đi. Ngày hôm đó, Chủ tướng rượu chè say sưa, cử hành nhã nhạc. Thật là:

Tướng diễn soái quyền phù chấn hải

Thủy tri thiên mệnh thuộc đoài sơn

Nghĩa là:

Tướng nắm soái quyền phò biển động

Ai ngờ thiên mệnh thuộc non tây

Lúc này, Bình An Vương theo ngựa giá tạm trú ở chợ Bộ. Được ba ngày, nghe tin tên phản bội Phan Ngạn đã giết chết Mỹ quận công ở sông Nhị vào chiếm cứ Kinh thành, lại cho người đi báo cáo và đón họ Mạc về, Bình An Vương liền ra lệnh các cánh quân tiến đến Mỹ Lương. Trời mưa to, người ngựa đều khó đi, đành phải trú lại tại xứ Nhan Mô ba ngày đêm nữa. Bấy giờ lương thực hết sạch, ba quân phải mò cua cá mà ăn. Hôm sau trời tạnh ráo, Vương dẫn quân vào đạo Ngự, Lỗ. Ngày Nhâm Tuất, xa giá đến đóng ở Quảng Bình Nhân dân đều đem trâu rượu đón tiếp ủy lạo. Ngày hôm ấy lại thấy bọn con trai của Đoan quốc công là Cầm quận công, tất cả ba người mang mười thớt voi đực tiến nạp trước quân, rạp đầu xin làm trọn đạo bề tôi. Vương lấy tình thân thích, vẫn cho cai quản như cũ. Tháng ấy, quân triều đình đến Phủ Yên Trường hội họp các tướng tá bàn tính việc nước, tìm cách chế ngự và trừ diệt Kế quận công.

Trước đây, Kế quận công Phan Ngạn vào khoảng năm Gia Thái (1573 - 1577), nhân cha mất, về mai táng xong xuôi, thấy mộ tổ để ở núi Lưỡng Kiền là nơi có hình dáng người bị chặt đầu. Đến khi nghe Thường quốc

công nói câu “Có hai vai mà không có đầu”, trong lòng lo lắng, bèn mang hậu lễ đi đón một thầy thuật sĩ cao tay về, nhờ xem đi xem lại chỗ đặt ngôi mộ. Nhìn thế núi, quan sát khí mạch, thấy được chân hình, thuật sĩ liền nói với Kế quận công rằng: “Thế đất rất quý, sẽ sinh ra người kiên cường. Chỉ đáng tiếc là đầu núi lộ xương, tai vạ không phải là nhỏ”. Kế quận công nghe như thế, nài xin thuật sĩ cứu giúp cho. Thuật sĩ nói: “Có thể nhổ một cây cù mộc có cành nhánh cong queo đem trồng lên núi, giống hình đầu người. Như vậy thế sa mạch sẽ dần dà được tu bổ. Khi việc cải tạo này hoàn thành ắt sẽ làm nên nghiệp vương bá”.

Kế quận công theo lời bày vẽ, ngầm đem loại cây cao to trồng lên đỉnh núi. Từ đấy, đỉnh núi xưa trở nên rậm rạp. Nhìn từ xa, người ta thấy trang nghiêm như có một vị quý nhân đang ngồi bên trên. Phan Ngạn từ đó thường được sai phái, thực sự có công lao, được phong tước quận công. Tới lúc này, Ngạn ngấm ngầm hiệp sức với đảng ngụy tiếm xưng Quốc sư, muốn khởi đầu sự nghiệp vương bá. Thật không hiểu mệnh trời đã có chỗ, dầu tài cán cũng chẳng làm nên trò trống gì.

Có người hay biết việc trên, đã kể lại đầy đủ với Bình An Vương, Vương nói: “Không dè bọn ngụy gian ngoan lại có thể tin cầu những điều huyền hoặc như vậy. Lén trồng cây cối yêu quái để làm trúc đỗ nước nhà. Sao ta lại không “thăng” nó đi nhỉ?” Ngay ngày hôm đó, sai quan quân đến núi Lường Kiên chặt bỏ cây yêu quái trên đỉnh núi. Hôm ấy vào ngày cuối tháng. Quan quân kéo lên đỉnh núi, dùng rìu chặt đổ cây cù mộc. Một lát sau, cây đổ. Mây đen bốn bề kéo tới, mưa gió bỗng nổi lên từ phía Quan Trung, Đông Thành chọc thẳng vào thành Đại La. Bốn bề mờ mịt đến đêm mới yên tĩnh.

Lại nói một hôm, ngụy Sinh quốc công Ngạn từ trong thành nhìn về phía Kinh Bắc, thấy ánh lửa nổi lên loạn xạ, bèn sai người ra ngoài thành nghe ngóng. Sáng sớm ngày mùng 1 tháng 6, quân đi tuần về báo rằng vợ của Mỹ quận công là Nguyễn Thị Ngọc Niên khởi binh từ bờ Bắc đang đánh tràn sang. Ngạn rằng: “Đàn bà là cái giống gì mà dám tác yêu tác quái để báo

oán chẳng?” Nói xong, liền kiểm điểm binh mã, kéo thẳng đến bến Đông Tân dàn thuyền bè, mở trận thủy chiến. Bên sông, Nguyễn Thị Ngọc Niên đang ngồi trên kiệu hoa bảy đòn khiêng, đi giày gai, mặc áo xanh sẫm, lớn tiếng nói rằng: “Trong quân ai giết được Kế quận công sẽ trọng thưởng”. Kế quận công cả giận, lao thuyền đến đánh. Chợt có đạn từ trong quân của bà Nguyễn bắn tới. Ngạn bị trúng đạn, chết giữa Hoàng Giang. Hoa quận công Ngô Đình Nga thu nhặt tàn quân của Ngạn, giữ chặt cửa thành. Được tin chúa Mạc Càn Thống từ Long Châu bên kia cửa quan trở về nước, Hoa quận công bèn dẫn quân đi đón.

Tin tức truyền vào Yên Trường. Bình An Vương Lĩnh mệnh đốc thúc các cánh quân ra Bắc. Ngày 13 tháng ấy quân đến đóng ở xứ Bãi Trời .

Chợt nghe tin tên phản nghịch Vân quận công dẫn quân thủy ngầm đi chặn đường. Vương bèn sai đem quân bí mật đến bố trí ở tả ngạn con sông, im ắng không một tiếng động. Tên phản nghịch Vân không để ý, tiếp tục cho thuyền vào sâu nơi phục kích. Quân của Vân quận công do vậy bị rối loạn, vất cả thuyền tranh nhau tháo chạy. Vân quận công cũng chạy chốn trong bụi rậm. Quan quân thừa thắng, vượt sông đến đóng doanh trại ở Thiệu Sơn. Được ba ngày, tên phản nghịch Vân khoanh tay chịu hàng. Vương tha cho tội chết.

Đến ngày mồng 8, nghe tin Mạc Kiên Thống vào chiếm phía đông kinh thành. Vương bèn tung hết các cánh quân thủy bộ ra đánh.

Nguyên trước đó, mẹ Mạc Hồng Ninh nghe tin Kinh thành bỏ trống, bèn tụ tập tông thất nhà Mạc kéo ra chiếm thành Trung Đô , tự xưng là Quốc Mẫu. Lại sai người đem xa giá đi đón Kiên Thống ở Bắc Quan về. Tiến hành ban thưởng không kể cũ mới, với các chức như Đô chỉ huy sứ, Đồng tri thêm sự, Tả hữu hiệu điểm... Ai nấy đều tạ ơn, lao vào công việc. Khi chúa nhà Mạc đến Thị Cầu thuộc huyện Vũ Ninh , bọn Ngô Đình Nga đem quân đến đón. Chúa Mạc thăm hỏi ủy lạo và cho ai vẫn giữ nguyên chức nấy. Ngày hôm sau đến Kinh sư, quan viên và dân chúng đều quy phục. Chúa Mạc bèn sai người chia nhau đi các nơi thăm hỏi, động viên. Phiên tướng ở các xứ

vẫn được sai bảo vệ địa phương mình. Chẳng hạn Uy vũ hầu tiếp tục trấn giữ Hải Dương. Tông thất Quận Huệ Vương tiếp tục trấn giữ Sơn Nam. Lại cho Nhai quận công, Tung quận công làm Tướng Tây đạo, chia nhau giữ địa giới Sơn Tây. Lúc bấy giờ bốn trấn đều yên tĩnh. Được hơn một tháng, bỗng có tin báo quân Yên Trường kéo ra. Chúa Mạc truyền cho binh mã ở các đạo kéo về bảo vệ Kinh thành. Lúc bấy giờ quân ở Tây đạo lui về giữ mạn Nhật Chiêu .

Bình An Vương tiến ra đạo Trường An, bắt sống Quốc Mẫu nhà Mạc ở thành Trung Đô, rồi theo đường thủy tiến ra cửa sông Hát, nhân đêm tối chia đường bí mật vào thành Thăng Long. Tướng Tây đạo của nhà Mạc là Nhai quận công và Tung quận công bỏ doanh Nhật Chiêu chạy trốn. Quan quân thu được 40 chiếc thuyền và 7 thớt voi mang về dâng nộp trước cửa doanh. Bình An Vương mừng lắm. Đêm hôm ấy, công phá cửa thành, chúa Mạc dẫn quân vượt sông chạy về phía đông. Quân giặc chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Ngày hôm sau, quân của Vương kéo vào thành vỗ về dân chúng các phố phường. Mấy ngày sau, em trai của Kế quận là Quỳnh quận công họ Phan ra đầu thú, cũng được Vương tha tội cho.

Tháng 9, chúa Mạc trốn đến đóng ở Kim Thành . Lại sai bọn Uy hầu . Nam Dương hầu và Ngô Đình Nga tiến vào xứ Ông Mạc huyện Thanh Trì nghênh chiến, làm rung động cả kinh thành.

Bình An Vương sai con cả là Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng cầm búa vàng đem quân đi đánh ở phương đông. Quan quân tiến đến xứ Ông Mạc phá tan quân Mạc, truy kích giặc đến tận sông Thiên Đức , bắt sống được tên phản bội Ngô Đình Nga mang về dâng nộp trước cửa doanh. Sai đem chém.

Lúc bấy giờ tướng Mạc là Uy Vũ hầu lui về đóng ở Hải Môn, cấm không cho đem muối đến bán cho quan quân. Nam Dương hầu thì nhiều lần mang thủy quân lúc ẩn lúc hiện khiêu chiến với quan quân.

Mùa đông, tháng 10, Vương sai Hải quận công Nguyễn Đình Luận đem thủy quân tiến đánh họ Mạc.

Đình Luận và các thuộc tướng nhận lệnh ra đi. Thuyền đến cửa sông Hoàng Giang, bỗng gặp phục binh của tướng Nam Dương hầu. Đình Luận đánh nhau với giặc được mấy hiệp, liệu thế khó địch nổi, bèn bỏ thuyền chạy về Kinh sư. Vương cả giận, sai lột hết chức tước của Đình Luận.

Nam Dương hầu thắng trận, lấy được hơn 40 chiếc thuyền của quan quân mang về Kim Thành ở Hải Dương báo tin thắng trận. Chúa Mạc rất vui mừng, sai người đi đón rước, ủy lạo rất nồng hậu. Nhân dịp này bình công, ban cho tước Nam quận công, sai đem quân đi giữ huyện Nam Xang, xây dựng doanh trại, thủy bộ ngày đêm canh giữ để phòng bất trắc.

Nam quận công họ Nguyễn tạ ơn, vâng mệnh kéo quân đến Nam Xang. Gặp lúc lương hết, quân đói, binh lính uể oải, khó lòng thực hiện nhiệm vụ cần vương, Nam quận công bèn sai người đến vay lương thảo của Uy Vũ hầu. Uy Vũ hầu nói: “Ta và Tướng quân ai có quân đội nấy, chỉ biết chiến đấu cật lực thôi, đâu còn thì giờ để tích trữ lương thảo mà cho nhau mượn. Người hãy về báo cáo với tướng quân rằng việc chuyển vận lương thực không phải là trách nhiệm của ta. Tướng quân nếu muốn kêu ca về chuyện thiếu thốn, thì hãy đến chỗ quan Tể tướng.”

Sai nhân cáo từ ra về, kể lại mọi việc cho Tướng quân Nam quận công nghe. Nam quận công cả giận nói: “Uy Vũ hầu tiếc của, không thiết gì đến việc đánh dẹp. Hắn không có lòng báo quốc, tội nợ dư thừa. Nay ta giết một Uy Vũ hầu để răn kẻ bất trung”.

Ngay ngày hôm đó, Nam quận công dẫn mấy chục tay đao kiếm kéo sang doanh trại Uy Vũ hầu. Uy Vũ hầu đón vào ngồi yên đầu đấy. Nam quận công nói: “Nay vận nước long đong, kho tàng trống rỗng. Các tướng sĩ cùng binh lính ai cũng phải dựa vào trợ cấp của gia đình. Ta vâng mệnh đi đánh dẹp, hết thu sang đông, lương thực sạch nhẵn. Thế mà nhà nước lại giao cho trọng trách bảo vệ bờ cõi, làm sao có thể hoàn thành? Được biết ông đóng quân ở cửa biển đã lâu, có nguồn lợi cá muối, tích trữ được khá nhiều. Kén tơ hùng hậu như vậy mà lại bảo là không làm chức chuyển vận thì ai tin được”. Uy Vũ hầu nói: “Bỏ tiền của riêng để chi phí vào việc quân là trung

với nước, cái đó lẽ nào tôi lại không hiểu. Có điều việc biên cương Chúa thượng chỉ phó thác cho mỗi một mình ông, tất nhiên là ông phải có cách chuyển vận tài tình để báo đền ơn nước. Vậy việc gì phải đòi hỏi lương thực ở tôi. Tôi có quân đội riêng của tôi, giả sử có của giành của để chẳng nữa, thì cũng phải chờ lệnh nhà nước đã chứ. Nếu không biết giữ mà tung hết nó đi, một mai xảy việc miền Tây, trong lúc khẩn trương phải chiêu mộ lính, lấy gì cung cấp để thực hiện sứ mệnh ngoài ngàn dặm”. Nam quận công nghe nói, nộ khí bừng bừng, liền thét lớn: “Chúa thượng coi việc biên cương là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu, nên đã trao cho ta thanh kiếm thượng phương để tiện hành sự. Nhà người bòn rút của dân, không cung cấp cho nhu cầu của đất nước, trái mệnh như thế, kiếm không thể trì hoãn”. Nói xong liền dùng kiếm đâm chết Uy Vũ hầu ngay tại chỗ ngồi, cướp lấy tất cả tiền bạc, thóc gạo, phân phát đều cho quân nhân. Thu nạp binh lính của Uy Vũ hầu sung vào quân ngũ. Quân đội đã có khí thế, Nam quận công ra lệnh đào hào đắp lũy, dựng rào san sát trên bờ sông, canh phòng rất nghiêm ngặt.

Lúc bấy giờ, bè đảng của họ Mạc còn sống sót như Nhai quận công, Trung quận công đang ẩn náu ở Đại Đồng cũng bị thổ quan ngầm bỏ thuốc độc giết chết. Một đạo Giang Đồng giờ đây chỉ như châu chấu đá xe. Thật là:

Đương triều tự vi điền ba đế,

Hãn thủy nhân vân tộ tứ lương.

Nghĩa là:

Ngăn triều, tự xem là hòn đá chặn sóng,

Chặn nước, người ta bảo chiếc thúng rách tươm.

Tin tức truyền đến thành Thăng Long. Không rõ triều đình trù liệu tiến đánh như thế nào, xem hồi sau sẽ rõ.

Hồi Bốn: Tiết Thứ Nhất

Quảng Phú hầu hôn thượng Vương cơ

Trịnh Thành Tổ mộng kiến Tấn quốc.

Nghĩa là:

Quảng Phú hầu kết hôn với dòng nhà chúa

Trịnh Thành Tổ mơ thấy Tấn quốc công.

Năm Tân Sửu (1601), niên hiệu Hoảng Định, vào tiết Thiều Quang, Bình An Vương hạ lệnh Đông chinh .

Vương tự mình đôn đốc tướng lĩnh các doanh thủy bộ tiến về Nam. Lúc này con trai của Thư quận công là Cảnh Đại, Cảnh Hà đều đã trưởng thành, có tài trí mưu lược, được theo phục dịch trong doanh trại của cha, tuân theo hiệu lệnh sai phái.

Sau khi đại quân lên đường, tin tức truyền đến doanh trại quân Mạc. Chúa Mạc sai Nga quận công cùng Nam quận công bảo vệ biên cương. Nam quận công dàn thuyền ở vùng hạ lưu để đợi.

Sáng ngày Bính Dần 27, Bình An Vương cho quân dàn trận tiến đánh. Bỗng thấy phía Nam có cầu vồng dài hiện ra, chĩa thẳng vào phương Dần . Lại có chim đến đậu đông nghịt ở hành dinh. Thiên văn đoán rằng đây là điềm ta thắng địch thua. Bình An Vương ở thượng lưu thân ngự thuyền rồng, sai bộ binh chia nhau đi mai phục sẵn ở hai bên bờ sông. Lại sai Tiền phong Chấn quận công đem quân khiêu khích.

Nam quận công nghe tin đó, tung tất cả lực lượng thủy bộ ra đánh Chấn quận công. Đánh nhau được vài hiệp, Chấn quận công vì thế bức mà chết tại

trận. Quân Tiền phong rối loạn rút chạy. Nam quận công thúc quân đuổi theo. Bỗng nghe ba tiếng súng nổ, thấy Bình An Vương ngự trên thuyền rồng, phất cờ lớn đốc chiến. Thuyền kín cả sông, theo dòng mà xuống. Phục binh tả hữu nhất tề nổi dậy hưởng ứng. Từ hai chiếc thuyền trên sông đạn tên dồn dập bắn tới như mưa. Quân Mạc thua to bỏ chạy. Thư quận công hiệp đồng cùng các tướng thúc quân truy kích. Con trai thứ của ông là Cảnh Hà xông lên trước, đuổi giặc chạy đến xã Cổ Lệnh, chém đầu giặc không biết mấy trăm mà kể. Quan quân tiếp tục truy kích địch đến Cổ Lệnh Thượng, phóng lửa đốt hết thuyền quân Mạc. Nam quận công thể cùng, cửa cổ gieo mình xuống sông tự vẫn. Quan quân thừa thắng giết được cả Nga quận công rồi đem thủ cấp của Nam quận công và Nga quận công bêu lên cho mọi người biết. Lại bắt được hai người em của Nam quận công là Tào quận công và Vị quận công đem nộp ở quân môn, cũng sai đem chém cả. Thu được tàu thuyền, hàng binh, chiêu nạp vũ về nhân dân, người nào người nấy đều vui lòng quy phục. Bèn kéo quân trở về Kinh.

Tháng 3, lại nghe tin vua Mạc Kiên Thống còn chiếm cứ Hà Đông . Vương sai Thái tử Vinh quốc công Hoàng Đình Ái thống lĩnh các tướng đem quân đi đánh dẹp.

Hồi đó, Tả phủ Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên lĩnh chức Tiên phong. Cảnh Kiên đưa quân tới sông Bạt Kiều, bắc cầu phao tiến đến địa giới Thanh Lâm , cho quân trú lại.

Bỗng thấy người dẫn đường chạy đến cấp báo rằng: “Quân Mạc đang bày binh thuyền đầy rẫy, định tập kích quân ta từ ba mặt. Chúng muốn dồn quan quân vào thế nguy để thực hiện âm mưu cắt đường tiến của ta”. Vinh quốc công được tin, liền sai người cấp báo về Thăng Long. Bình An Vương vội ngự thuyền rồng, tự mình đốc thủy quân tiến về phía đông. Đến Thanh Lâm, Vương bày trận thế rồi ra lệnh tiến đánh. Quan Thống lĩnh Vinh quốc công sau khi nhận lệnh, đã lên mình voi, cho quân dân thành trận nhận, hình chữ nhất hai đầu to lớn như hình cày cua, quân sĩ tranh nhau mà tiến. Hai người con của Thư quận công là Thự Vệ sự Dương Nghĩa hầu Cảnh Đại và

Quảng Phú hầu Cảnh Hà phóng ngựa vung đao xông ra trận tiền, hăng hái chiến đấu giữa rừng tên mũi đạn, người nào cũng thoăn thoắt như bướm vờn bay, ai trông thấy đều lè lưỡi thán phục. Hồi đó, Cảnh Đại 22 tuổi, Cảnh Hà mới tròn 19 tuổi mà sức lực đã như vậy. Viên quan theo dõi trận đánh thấy thế, đã ghi công thành tích chiến đấu vào giấy, dưới có câu nhận xét rằng: “Hai cậu con trai của Thư quận công giúp nước vô song”.

Ngày hôm đó, quan quân đuổi giặc chạy dài đến huyện Kim Thành, đốt phá doanh trại giặc. Mạc Kiền Thống một mình chạy thoát thân. Quân lính của các tướng Triều Lộc, Phú Ninh... đều tan rã hết. Quan quân thu được khoảng 50 chiến thuyền, còn vũ khí thì không biết bao nhiêu mà kể, đều đem dâng nạp tại hành dinh.

Bình An Vương cho mở yến tiệc lớn để khao tướng sĩ, Vinh quốc công nói rằng: “Trong trận đánh vừa rồi, các tướng phần nhiều đều gắng sức, trong đó có một viên bộ hạ của thần tên là Quảng Phú hầu Nguyễn Cảnh Hà, con thứ của Thư quận công, thật đáng khen. Người này luôn luôn đi đầu trong các trận đánh, vung gươm múa đao, có can đảm và mưu trí, công tích nhiều lắm không thể ghi hết được”. Vương bèn cùng Vinh quốc công định công ban thưởng. Ban tặng cho Cảnh Hà chiếc kim bài bốn mặt và thăng thêm tước trật.

Yến tiệc xong, bèn sai quan đi chiêu an nhân dân bảy huyện ở Hải Dương, rồi kéo quân khai hoàn về Thăng Long. Ngày hôm sau, ra lệnh lùng bắt các đảng ngụy, bình định cả bốn trấn. Từ đó, trong kinh ngoài trấn đều được yên tĩnh.

Bấy giờ sai quan vào hành tại Thanh Hoa tâu xin rước xa giá về kinh. Sau khi sai quan mang sớ đi rồi, lại truyền cho Bộ Công sửa sang cung điện, tu bổ đê đường từ Chương Đức đến Mỹ Lương để nghênh đón xa giá.

Mùa thu, tháng 8, Kinh Tông Huệ Hoàng đế về Kinh sư. Vương cùng đại thần văn võ trăm quan chuẩn bị đầy đủ xa giá đi rước. Vua vào trong thành, phò lên chính điện. Được một lúc, có rồng vàng hiện ra, mây năm sắc kéo đến. Triều thần xếp hàng bái lạy chúc tụng.

Thế là Kim Đô đã được khôi phục, thiết khoán sẽ được thi hành. Ngay ngày hôm đó bình công ban thưởng. Xuống chiếu sai triều đình bàn việc thăng thưởng tước trật cho các quan theo mức độ khác nhau. Lúc bấy giờ Thư quận công nhờ xông pha trận mạc, công tích rất nhiều, được gia phong Hiệp mưu Dương Vũ Uy dũng công thần Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả đô đốc, Tri Thái y viện chương viện sự, kiêm Tế sinh đường, Thiếu bảo Thư quận công. Con của ông là Cảnh Đại, Cảnh Hà đều được phong làm Dương Vũ uy dũng công quân, thần, Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ ty Đô chỉ huy đồng tri thư vệ sự hầu tước. Đại là Dương Nghĩa hầu, Hà là Quảng Phú hầu:

Nhất môn phụ tử công hầu tập,

Vạn thế nhi tôn tước lộc truyền.

Nghĩa là:

Một nhà phụ tử công hầu kế,

Muôn thuở con em tước lộc truyền.

Có lẽ do nhiều đời chứa âm đức, làm việc nghĩa mà thành ra như vậy.

Đến mùa thu, tháng 9, có người mật báo với Bình An Vương phủ rằng ngự Kiền Vương chạy trốn, nay lại thấy xuất hiện ở chùa Mô huyện Phượng Nhãn. Vương bèn sai quan quân bí mật tới nơi để bắt.

Bấy giờ Quảng Phú hầu Cảnh Hà được lệnh đem quân đến vây chùa Mô. Ngụy Kiền Vương đã ngấm cắt tóc, cạo răng, giả làm nhà sư để xóa nhòa tông tích. Cảnh Hà ra lệnh bắt trói tất cả sư sãi trong chùa mang tới tra hỏi, quả nhiên tóm đúng Kiền Vương, đóng cũi giải về Kinh sư dâng nạp.

Bình An Vương được tin, vỗ tay tán thưởng rằng: “Thiên hạ đấu nhau, hạng dũng mãnh có nhiều. Riêng Quảng Phú hầu, cháu của Tấn quốc công, con của Thư quận công là hạng danh gia phiệt duyệt, trí dũng hơn đời, trèo non vượt biển xông pha nguy hiểm như vào cõi không người, ai dám đối địch?” Nói xong, bèn cho triệu vào gặp. Đây là một con người có tư thái đẹp, đáng

mạo đáng yêu. Vương rất vừa lòng, bèn phán bảo Cảnh Hà rằng: “Ông nội của anh đã có rất nhiều công lao đối với nước. Nay anh lại phá được giặc, tài năng xuất chúng, có thể làm một Phò mã để đáp công xưa”. Cảnh Hà nghe nói, liền kính cẩn lạy tạ.

Vương lại cho triệu Thư quận công vào Phủ đường bàn chuyện hôn nhân. Vương phán bảo rằng: “Nhà ta từ khi tôn quân dựng nước tới nay, cuối cùng đã có thể quét sạch bốn biển, dẹp yên Hoa Hạ. Ta nghĩ nhiều đến tổ tiên gia đình ông được ủy quyền chinh phạt, hoàn tất nhiều mệnh lệnh được giao, công tích thật không nhỏ. Nay ông có người con trai là Cảnh Hà lập được công lớn, ta đánh giá rất cao. Còn ta thì lại có chút con gái tên là Ngọc Thanh hiện đã khôn lớn, nên mới có lời vờ, muốn cùng ông định việc hôn nhân không biết ý ông thế nào?”

Thư quận công tạ ơn rằng: “Phụ thân của thần vốn bản hàn, nhờ tổ tiên có công lao, được dự phần phúc ấm. May gặp thời sáng sủa, lập được chút công, e không đủ báo đáp ơn nuôi nấng của nước nhà, đâu dám đặt cao vọng. Nay bề trên muốn đem tiên nữ gả trần duyên, thần sao còn có lời này lẽ nọ, xin tuân ý bề trên”.

Vương bèn sai quan Tư thiên chọn ngày vào báo cho họ Nguyễn biết nhật kỳ vu quy.

Thư quận công sau khi bái tạ ân mệnh trở về, chờ ngày lành tháng tốt, sai gia nhân chuẩn bị một trăm quả cây chín ngon thơm thuộc đủ các loại, cùng ngọc quý, bạc, tiền... mang đến nhà họ Trịnh làm sính lễ. Vương sai người nhận lễ, rồi cho công chúa Trịnh Thị Ngọc Thanh về với Cảnh Hà. Lại ban tờ sắc thăng Cảnh Hà làm Dương vũ uy dũng công thần Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Cầm y vệ Đô chỉ huy sứ Thị vệ sự phò mã Đô úy Quảng Phú hầu. Tiền bạc, gia sản cùng các thứ đồ vật ban tặng chở đi đầy đường. Từ đó được cấp thêm binh dân, hưởng nhiều tước lộc, phủ đệ khang trang.

Lại nói vua Hoảng Định sau khi chính thức về ngự tại Trung Đô, các công thần từ to đến nhỏ đều được hậu thưởng. Bình An Vương lại nghĩ tới các

bạc huân nghĩa triều trước, đã dâng biểu xin ban tặng thêm cho những cố công thần. Vua đưa việc này xuống cho triều đình bàn bạc, rồi sai Bộ Lễ chiếu theo thi hành. Sau khi chế sắc ban xuống, phàm dòng họ nào có tổ tiên được phong tặng, đều làm lễ cáo tế ông bà nơi u minh cùng chia sẻ tin vui.

Vừa gặp ngày sinh nhật của Vương đúng vào dịp Đông Chí, các quan văn võ liêu thuộc đều vào phủ đường làm lễ chúc thọ. Lễ xong, đêm hôm ấy nổi mưa gió. Bình An Vương suốt ngày coi châu, tối đến ngủ say, mộng nghe ngoài thềm có người bẩm bạch rằng: “Tiểu tướng từ đời cha ông đã thờ Tiên đế cùng chủ soái, xông pha tên đạn, có nhiều công huân. Không may chết ở tha hương, nhưng hồn phách không rời Vương thất. Ngày đêm ngậm phò quốc mạch, tuy tại âm phủ mà không chút nào lìa Vương cơ. Nay gặp ngày sinh nhật, đặc biệt xin bái yết”. Vương nghe tiếng, bèn trở dậy nhìn ra ngoài cửa, thấy Tấn quốc công đang nghiêng mình vái chào. Vương liền khoác áo bước ra đón khách vào nhà. Cả hai cùng nhìn nhau khóc nước mắt. Bất giác Vương chợt mình tỉnh dậy. Cảnh vật vẫn yên tĩnh. Giọt đồng đã điểm canh năm... Trời sáng. Vương cho vời các quan đại thần phủ liêu đến, kể lại giấc mộng đêm qua. Nhân đó nói thêm rằng: “Tấn quốc công đối với việc khôi phục và tạo dựng phúc nước đều đã góp nhiều công sức. Việc gia phong mới rồi chưa thật thỏa đáng, ta rất lấy làm tiếc”. Bèn ra lệnh làm tờ biểu tâu lên, xin hậu tặng điển lễ. Vua đưa xuống cho triều đình bàn bạc, sai Bộ Lại chiếu theo quyết định thi hành. Thật là:

Đông chính tư báo Quan Công nghĩa,

Trước tặng vô vong Kỷ Tín Công.

Nghĩa là:

Chinh đông muốn đáp lòng Quan Vũ ,

Tặng tước không quên sức Kỷ Công .

Muốn biết Bộ Lại tặng chế sắc như thế nào, xin chờ xem tiết sau sẽ rõ:

Tiết Thứ Hai

Nguyễn Phò mã trùng tu tự quán,

Vạn quận công khởi hấn tức tường

Nghĩa là:

Nguyễn Phò mã trùng tu chùa quán,

Vạn quận công gây hấn phủ đường.

Bộ Lại soạn tờ chế xong, đưa đến Bộ Lễ ban hành, gia phong Tấn quốc công làm Hùng nghị khuông tế trạch dân đại vương, xếp vào loại trung đẳng thần trong điện lễ nhà nước, nghìn xuân hương lửa, cúng giỗ muôn đời. Lại ra sắc lệnh dựng miếu tại thôn Châu Ngọc, xã Đồng Luân để thờ phụng. Lệnh ân tặng ban ra, con cháu trong dòng họ đã kéo tới đón nhận niềm vui mừng miên viễn.

Lại nói tháng 4 năm Quý Sửu (1613) , triều đình thấy đã đến lệ kỳ tuế cống thiên triều, bèn sai Chánh sứ Lưu Đình Chất đi. Bọn Chất sau khi nhận mệnh, đã vào phủ đường báo cáo. Vương đặt tiệc thiết đãi. Cuộc rượu tàn, bọn Đình Chất từ tạ lên đường.

Bình An Vương trở lại cung. Công chúa Ngọc Thanh đến trước thưa rằng: “Chồng của thần là Quảng Phú hầu quê tại Đô Lương. Nghe nói cạnh đấy có thôn Bụt Đà cầu đường hư hỏng, đi lại khó khăn. Thần xin được theo Phò mã cùng về bản quán bàn định việc bố thí làm điều công ích để rộng cầu mắt con cái”. Vương bằng lòng. Lại ban cho tiền bạc, gia thêm công đức. Mẹ công chúa là Tăng Thị Ngọc Hồ còn cấp thêm của cải để giúp vào việc phổ tế.

Công chúa lạy tạ bố mẹ ra về, cùng Phò mã khởi công làm cầu đường. Năm sau làm xong, bèn làm tờ khai tâu lên. Vương sai quan soạn văn bia khắc vào đá đặt tại cầu Bụt Đà để truyền mãi về sau.

Khoảng tháng 8 năm Ất Mão (1615), nghe Ải Bắc có gửi thiệp đến dịch trạm báo tin đoàn cống sứ An Nam sắp về nước. Triều đình sai Thiếu bảo Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên cùng Hình bộ thượng thư kiêm Đông các Đại học sĩ Mỹ Khuê hầu Nguyễn Lễ đi đón sứ thần. Bọn Cảnh Kiên nhận lệnh đem binh mã đến cửa quan.

Tháng 11 năm đó, Quảng Phú hầu Nguyễn Cảnh Hà cùng công chúa Trịnh Thị Ngọc Thanh muốn đẩy mạnh việc bố thí để rộng mong đường kế tự, bèn sùng chuộng đạo Phật, chọn ngày lành, tìm gỗ tốt gần đấy, gọi thợ tới trùng tu chùa trên núi Bụt Đà, tiêu tốn không biết bao nhiêu mà kể, sửa chữa cam lộ thượng điện ba gian thiêu hương ba gian, tiền đường bảy gian, tả vu ba gian. Chùa tu sửa xong, lại tạc nhiều tượng Phật để thờ. Sau khi làm trọn vẹn các công việc công đức trên đây, vợ chồng Quảng Phú hầu mới trở về Kinh châu hầu.

Đến mùa xuân năm sau, thân phụ của Quảng Phú hầu là Thư quận công nghênh đón quan sứ Lưu Đình Chất về triều. Triều đình thấy có công lao phụng sứ, thăng Tự khanh Nhân lĩnh bá Lưu Đình Chất làm Lại bộ Hữu thị lang Nhân lĩnh hầu, Phúc nham bá Nguyễn Đăng làm Hộ bộ thị lang Phúc nham hầu, tham chính Đường xuyên tử Nguyễn Chính làm Thái bộc tự khanh Đường xuyên bá. Các sứ thần sau khi nhận chức tước ban thưởng, ai nấy đều tạ ơn lui ra.

Bấy giờ Lưu Đình Chất nổi tiếng văn hay, làm Phụng sự thừa chỉ, được nhiều người mến mộ. Phò mã Cảnh Hà nghe danh, nghĩ rằng Lưu Đình Chất với cha mình là Thư quận công sống với nhau rất có tình nghĩa. Nhân dịp chùa Bụt Đà vừa tu tạo xong, Cảnh Hà bèn mời Lưu Đình Chất soạn cho bài văn bia. Đình Chất lấy lý do kỹ năng có hạn, nhiều lần từ chối không được đành viết bài văn bia trùng tu chùa Bụt Đà cho Quảng Phú hầu đại ý như sau:

“Châu Thiên Nam từ xưa có chùa Bụt Đà là một danh lam. Phía bên trái có các ngôi tháp đứng thành hàng, phía bên phải chùa có dòng nước uốn khúc. Trước sông là chợ, bên suối là cầu. Đây thật là một cõi Phật vào bậc nhất.

Trải bao năm tháng, chùa Bụt Đà đã trở thành Ông Phổng , chỉ còn trơ lại một cái nền thôi, ai trông thấy cũng không thể không ngậm ngùi về cảnh “thổ quy, yến mạch” . Đối phế thành hưng, chuyển điều tàn thành khôi phục, ắt phải nhờ vào tay một đại thí chủ có lực lượng hùng hậu, có biện pháp hiệu quả. Ông Dương Vũ Uy dũng công thần Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ thị vệ sự Phò mã Đô úy Quảng Phú hầu Nguyễn Tôn Công là người lừng danh trong hàng tướng võ, sánh duyên cùng công chúa cao quý, lòng từ bi vốn sẵn tính trời. Nhận ra chốn Phật kệ danh hương, phát hiện nơi từng lâm vắng tịch, lòng thiện chan chứa nảy sinh. Vào ngày lành tháng Nhất dương năm Ất Mão (1615), ông bèn cho phát dọn gai góc, nhóm thợ khởi công tu sửa chùa, tạc tượng Phật, đổi mới điện ngọc, tô điểm thân vàng . Trong việc tôn tạo núi Bụt Đà thờ Phật Di Đà, công đức của tôn ông thật dồi dào, trọn vẹn. Tôn ông xứng đáng có con cháu đông đúc, cửa nhà hiển vinh, sự nghiệp vang dội. Người xưa thường nói: “chứa điều thiện ắt có mọi tốt lành” (tích thiện tất hữu dư lương), ấy là nói về tôn ông đó. Do thế, cứ theo sự thực mà ghi, khắc vào đá quý để lưu truyền, nhằm khuyến khích đời sau vậy.

Chỉ...

Hội chủ...

Phò mã Đô úy Quảng Phú hầu Nguyễn Cảnh Hà, cùng Chánh phu nhân công chúa Trịnh Thị Ngọc Thanh.

Nghiêm phụ là Thiếu bảo Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên.

Nội cung trưởng mẫu là Tăng Thị Ngọc Hồ.

Các con gồm: Nguyễn Thị Ngọc Thơm, Lương Tài hầu Nguyễn Cảnh Diễn, Nguyễn Thị Ngọc Tài, Nguyễn Cảnh Lâm, Nguyễn Cảnh Trừng, Nguyễn Cảnh Triệt, Nguyễn Cảnh Khê .

Hoàng triều ngày lành tháng tốt năm Hoảng Định vạn vạn niên thứ 17 (1616), sư đốt hương niệm Phật tu tác.

Thiền sư tên chữ là Huệ Minh, chùa Đại Phúc, ở Nhân Ấp, Thuận Gia.

Tứ Đình Mùi (1607) khoa tiến sĩ xuất thân, Tá lý công thần Đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu Lại bộ Hữu thị lang Nhân lĩnh hầu trụ quốc Hoảng Hóa Quý chủ Lưu Đình Chất soạn”.

Bài văn bia làm xong, đưa cho sử quan chép lại rõ ràng chân phương rồi sai khắc vào đá. Xong xuôi đâu đấy, chở bia đến Nghệ An dựng bên trái chùa Bụt Đà, đây khỏi phải nhắc tới nữa.

Lại nói về việc Mạc Khánh Vương Kính Khoan chạy đến Cao Bằng nuôi vỗ quân dân, cắt cử bè đảng xâm lược bờ cõi.

Tin tức truyền tới thành Thăng Long. Vào tiết Mạnh Xuân năm Mậu Ngọ (1618) . Bình An Vương sai các tướng chia làm hai đạo tiến đánh. Một đạo do Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng (tức Vương thế tử, Văn Tổ Nghị Vương) thống lĩnh các thuộc tướng gồm Thư quận công Nguyễn Cảnh Kiên, Lễ quận công Nguyễn Văn Giai, Bạt quận công, Hữu quận công Tạ Thế Phúc, Đẳng quận công Nguyễn Khải và Phụ quận công Nguyễn Hắc (con của Đoan quốc công Nguyễn Hoàng), lấy văn thần Lễ bộ Tả thị lang Phương Lan hầu Nguyễn Thực làm quan Đốc thị; Đạo thứ hai do Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân (Vương thế tử) thống lĩnh, các thuộc tướng gồm Cống quận công Hoàng Đình Phùng (con của Vinh quốc công), Luân quận công Trịnh Thúc (Vương Tôn) và Lang quận công Trịnh Liêm (Vương Tôn) lấy văn thần Phó đô ngự sử Phương Tuyền bá Nguyễn Duy Thời làm quan Đốc thị.

Quan quân hai đạo tiến đến Cao Bằng. Mạc Khánh Vương nghe tin, liền dẫn quân chạy trốn. Thái phó Thanh quận công lấy Thiếu bảo Thư quận công làm tiên phong, đốc đại quân tiến đến Bầm Châu phá tan đảng giặc, bắt được ngự Hùng quận công cùng bảy thớt voi đực, chém mấy trăm thủ cấp đem dâng nạp trước cửa quân. Ngày hôm ấy thừa thắng trẩy quân tới Châu

Cầm Hoa đánh ngự Nghiêm Vương. Nghiêm Vương thua chạy. Ngày hôm sau lại tiến đánh ngự Trí Thủy. Trí Thủy cũng thua chạy. Quan quân thắng lợi lớn kéo quân về.

Được hơn mười hôm, nghe ngự Phù Dĩ lên nổi lên tại xã Phù Lộ, Bình An Vương lại sai Thiếu phó Kỳ quận công Trịnh Ninh thống lĩnh các tướng đem quân đi đánh. Kỳ quận công lấy Thiếu bảo Thư quận công làm Tiên phong. Bấy giờ đang tiết xuân, quan quân đã tiến đến Phù Lộ. Tiên phong Nguyễn Cảnh Kiên dàn thế trận đánh thọc vào rồi truy kích địch. Bên tả có người con trưởng là Dương Nghĩa Hầu Nguyễn Cảnh Đại. Bên hữu có quan đội Lâm Khê hầu. Hai cánh quân đều lên ngựa, dàn thành hình gọng kìm, tranh nhau đánh kẹp lại. Quân giặc thua to. Chém được vô số thủ cấp. Quan quân chấn chỉnh đội ngũ trở về kinh. Triều đình bàn việc khen thưởng, ở đây ký giả xin khỏi nhắc tới.

Lại nói Bình An Vương nhân nước có nội biến, vua Hoảng Định mắc mưu gian bị hại, bèn lập Hoàng tử Duy Kỳ lên ngôi tại điện Cần Chính lúc tuổi mới mười ba. Đối niên hiệu và đại xá. Đó là Thần Tông Uyên Hoàng đế, Vĩnh Tộ năm thứ nhất (1619).

Thư quận công hồi này tuổi đã cao, nhiều lần vâng mệnh đi đánh dẹp ở các đạo, cảm nhiễm sương gió, sức lực suy giảm, cuối cùng bị ốm nặng. Hoàng thượng thương tình, sai Trung sử mang sắc dụ cùng thuốc men và năm trăm quan tiền đến ban cấp cho ông chữa bệnh. Sau đó còn nhiều lần cho người tới thăm hỏi. Đến mùa thu, tháng 8, tiết Bạch Lộ, Tân Hợi sóc, qua ngày Giáp Dần, mồng 4, giờ Thìn, ông mất tại chính tẩm, hưởng thọ 67 tuổi. (Ông sinh năm Quý Sửu (1553), mất năm Kỷ Mùi (1619) thọ 67 tuổi. Vậy mà các bản ghi chép cũ nói ông 74, 73 hoặc 72 tuổi. Như thế là không đúng, nhầm). Hoàng thượng nghe tin ra lệnh bãi chầu ba ngày. Bình An Vương không ngớt thở than, đến tận nơi khóc nức nở, dâng biểu xin gia ân. Hoàng thượng bèn sai quan Bộ Lễ mang vật cúng cùng hai chiếc hốt bằng vàng và ba ngàn quan tiền cổ đến viếng, đồng thời gia phong cho là Hiệp mưu Dương vũ uy dũng Dực vận tán trị công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Nam

quốc Đô đốc phủ tả Đô Đốc Thự phủ sự Tri Thái y viện chương viện sự Thiếu phó tả Tư không Thự quận công (sau lại phong thêm là Mặc tướng hồng đô, tặng làm Thái Bảo). Lại sai quan quân binh lính thủy bộ cùng mười lăm chiếc thuyền đưa linh cữu Thự quận công về bản quán, an táng tại xứ Mô Sơn, thôn Cẩm Hoa thượng, xã Đô Lương .

Ông sinh được bốn trai hai gái, phổ ghi như sau:

Người con trai trưởng là Cảnh Đại (phong Thự vệ sự Dương Nghĩa hầu).

Người con trai thứ hai là Cảnh Hà (mẹ người Thượng Xá, huyện Chân Phúc, là cháu gái xa đời của Thái sư Nguyễn Cang quốc công . Có thuyết nói là tăng tôn của Nguyễn Cang quốc công. Hà lấy công chúa họ Trịnh, con gái của Bình An vương, được phong làm Thự vệ sự Phò Mã Đô úy Quảng Phú hầu).

Người con trai thứ ba là Cảnh Cống (mẹ người bản huyện Đô Lương, là con gái thôn Hoa Viên. Cống lấy Trịnh Thị Ngọc Thịnh, con gái của Bình An Vương, được phong làm Thự vệ sự Phò mã Đô úy, tước đến Lý quận công).

Người con trai thứ tư Cảnh Ất (được phong Hiến Nghĩa hầu).

Người con gái trưởng là Ngọc (hiệu Nhất Nương, cùng mẹ với Thăng quận công, gả cho Uy Lộc hầu. Có thuyết nói là Đại Lộc hầu).

Người con gái thứ hai là Ngọc Quý.

Lại nói người con trai thứ hai Phò mã Quảng Phú hầu nhiều lần lập công tích, được thăng làm Chương vệ sự Thăng quận công, có con gái cả là Ngọc Thơm tiến cung, làm phi tần gần gũi của Vua Thần Tông, được đặc biệt sủng ái.

Bấy giờ Vương Thế tử Thanh quận công Trịnh Tráng nhận thấy cha là Bình An Vương tuổi già sức yếu, mà em là Vạn quận công Xuân thì có ý muốn cướp đoạt, lại thường riêng chơi thân với quan Án thủ Nghệ An là Thái tể Nhạc quận công. Thanh quận công ngờ Nhạc quận công có mưu mống phản bội, nên tâu với vua rằng Nghệ An là đất quan trọng, nơi yết hầu của quốc

gia, để khống chế vùng biên, phải kén cho được người trong số trọng thần thân thích có công lao để cai quản vùng đất đó, phòng sự uy hiếp từ bên ngoài. Nhà vua nghe theo, bèn sai Thăng quận công Cảnh Hà vào trấn giữ đạo Nghệ An, Thanh quận công vờ Thăng quận công tới để tiễn đưa, nhân thể dận dò một số ý kín. Thăng quận công tạ ơn ra về, rồi lập tức chinh đồn binh mã thuyền ghe đi thẳng vào Nghệ An.

Quả nhiên trên có tai biến của Trời, dưới ắt có mưu gian của giặc. Đêm hôm trước trên trời có chiếc cầu vồng trắng xuyên qua mặt trăng, sự việc có thể chiêm nghiệm được.

Đêm tháng Kỷ Mùi năm Quý Hợi (1623), Bình An Vương bị cảm. Ngày Bính Tý triều đình xin lấy thế tử của Vương là Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng thay giữ binh quyền, lại lấy người con thứ là Thái bảo Vạn quận công Trịnh Xuân phó giữ binh quyền. Xuân vì thế trong lòng ấm ức, gây ra xung đột bên trong.

Ngày hôm sau, Đình Sứ, Xuân tự đem quân lính, voi ngựa, súng đạn, bản bộ dàn ra ở xứ Đình Ngang. Sai bọn thuộc tướng là Điện quận công. Bọn quân xông vào nội phủ cướp lấy vàng bạc của cải, rồi phóng lửa đốt cháy cả dinh cơ phố xá trong Kinh kỳ. Cả đô thành náo động. Lúc ấy quan Chương giám là Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm vào trong Kinh cấp báo sự biến. Vương than rằng: “Không ngờ hôm nay thằng con nít phản lại, trời đã bức cha nó đến nông nỗi này, ta còn biết chạy đi đâu nữa?” Sĩ Lâm bèn bước tới đỡ Vương lên ra cung môn trốn đi. Thật là:

Thế Dân Huyền Vũ thôi phong nhật

Phật Mã Kiên Nguyên giác biến thu

Nghĩa là:

Thế Dân vung kiếm cung Huyền Vũ

Phật Mã ra tay điện Kiên Nguyên .

Không biết Triết Vương bôn ba nơi nào, xem tiết sau giải bày sẽ rõ.

Tiết Thứ Ba

Thành Tổ thư chiêu lập Vạn quận công,

Thần Tông sách tấn phong Vương thế tử.

Nghĩa là:

Trịnh Thành Tổ gửi mật thư vời lập Vạn quận công.

Lê Thần Tông ban kim sách tấn phong Vương thế tử.

Ngày hôm ấy Vương thế tử nghe biến, bàng hoàng cả người, liền triệu tập các huân cựu đại thần đến họp bàn. Nhân đấy sai em là Thái bảo Dũng quận công Trịnh Khải đón xa giá Hoàng Thượng đến chợ Nhân Mục huyện Thanh Trì, rồi ra lệnh triệu tập trăm quan tới để bàn bạc việc quân. Mưu kế sắp đặt đầu vào đấy trong đó có ba việc cực kỳ quan trọng là:

1. Sai đem một doanh cơ quan quân đi hộ vệ Thánh giá và chuẩn bị lương hưởng.
2. Một doanh cơ quan quân đi đón tiếp xe Vương và hầu hạ cẩn thận
3. Một doanh cơ quan quân đi tuần hành biên giới, tóm bắt những kẻ phản nghịch.

Những điều trên, sau khi được công bố rộng rãi, quan quân nhất nhất thi hành.

Lại nói Bình An Vương bỏ thành chạy tới xứ Quán Bạc, xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì thì trời đã xế chiều sai Bùi Sĩ Lâm hộ vệ vào trú ngụ tại dinh của người em ruột là Phụng quốc công Trịnh Đổ. Ngày hôm sau, nghe

Vạn quận công bỏ kinh thành lại về chiếm đóng ở Thanh Trì, Vương bèn cho sai quan đi dụ Xuân tới để trao đại quyền. Nhân đây, ra lệnh cho văn thần soạn một bức thư, bọc lại cẩn thận, rồi giao cho sai quan mang đi. Viên sai quan vâng mệnh mang thư đến đồn sở Vạn quận công. Xuân bảo dẫn viên sai quan bưng chiếu thư thừa rằng: “Thần mấy hôm trước, khi kinh thành xảy biến, được đi theo Chúa thượng di chuyển tới Hoàng Mai, trú ngụ tại dinh sở của Phụng quốc công. Chúa nay hơi mệt, nhân đêm khuya, triệu thần vào dưới trướng trao cho mật thư này, bảo mang tới quân môn báo gấp, không rõ thư như thế nào, mình công cứ mở xem trước đã”. Xuân liền cầm thư đặt lên trán rồi mở ra đọc. Lời thư rằng:

“Phụ thân là Đô nguyên soái thống quốc chính thượng phủ Bình An Vương viết thư cho con trai là Phó Chương binh quyền Thái bảo Vạn quận công Xuân: Nếu nói rằng ta được thừa hưởng cơ nghiệp của tiên khảo Minh Khang Thái Vương, cuối cùng có thể thu phục anh hùng hào kiệt, chinh đồn nghĩa quân, diệt trừ bọn tiếm ngụy, khôi phục Hoàng đồ để có ngày phú quý như hôm nay, ấy là nhờ trải qua hàng trăm trận gian nguy. Giờ đây tuổi cao sức mỏi, muốn đem việc nước trao lại cho người kế tục, đã dựa vào lệ lập con đích của cổ nhân, lấy Thanh quận công làm Chính chương binh quyền, còn Xuân con làm phó. Như thế là có ý muốn anh em đồng tâm hiệp lực phò giúp Hoàng triều, giữ bền gia nghiệp. Không dè kẻ tài đức xuất chúng, mệnh trời lòng người cũng có liên quan. Bởi vậy Cổ Công muốn truyền ngôi cho Quý Lịch, mà có thể khiến cho Thái Bá, Trọng Ung biết chạy tới Kinh Man. Đường Công không muốn lập Thế Dân, mà rốt cục khiến cho Kiến Thành, Nguyên Cát bị nhục ở điện Huyền Vũ. Đây là chuyện đã qua. Nay Xuân con công lao trù thiên hạ, trong ngoài đều tôn kính, từ lâu vẫn bảo con là bậc nguyên thủ tốt. Vậy mà ta một sớm lại đặt con làm phó, đến nỗi không phù hợp với mong đợi của nhiều người, dần dà gây thành binh biến. Đó là do lòng chúng thúc ép mới ra như thế, chứ đâu phải tại đứa con nhỏ của ta dám làm loạn. Huống hồ cơ nghiệp trời Nam cũng là của các con thôi, ai có thể nổi giữ được cơ nghiệp của ta thì phó thác cho người đó, cứ gì phải câu nệ chuyện con đích, con thứ. Nay ta đang bị cảm, có thể bất ổn trong sớm

tối, nên sai người gọi con tới dặn dò việc đại sự để dẹp bỏ nội loạn, ổn định nước nhà. Mong con mau mau đến ngay, chớ nên chậm trễ. Thư bất tận tôn. Nay thư.

Ngày 19 tháng 6 năm Vĩnh Tộ thứ năm (1623).

Vạn quận công Xuân đọc xong, khóc gào lên rằng: “Xuân là đứa con hư, trên không thể thừa gia khuông quốc, dưới không thể nghiêm khắc giữ quân, đến nỗi để binh lính làm rối loạn Kinh kỳ, khiến xa giá phụ vương phải di chuyển hết nơi này sang nơi nọ, tội thật là lớn. Sai quan người hãy về trước tâu hết mọi điều cho bề trên rõ, còn Xuân này chờ tắm gội, áo mũ chỉnh tề, rồi sẽ đến xin chịu tội sau”.

Sai quan từ biệt trở về hành dinh báo cáo hết những điều Xuân nói. Vương nghe xong, bảo rằng: “Bọn gian thần tặc tử ngoài mặt thì vờ trung hiếu, nhưng trong lòng lại phản trắc, làm sao mà tin được”. Lúc trời gần trưa, quả nhiên Xuân mồm ngậm cỏ, đến phủ phục dưới sân, Vương hỏi rằng: “Nay mà đến đây, còn có gì để nói nữa không?” Xuân đáp “Con không giữ được binh lính, để gây rối Kinh kỳ, khiến Chúa phải bôn ba đây đó, tội của Xuân thật là lớn. Nay nghe tin thánh thể bất an, chưa được nghỉ ở chính điện, phận tôi con ai mà chẳng thương xót trong lòng. Xuân con sở dĩ không tránh né cơn tức bực của phụ thân, dám mạo muội vào thăm sức khỏe cũng chính là vì thế. Được tha sống hay giết chết con đều xin cam phận, lẽ nào dám lẩn tránh!” Vương hỏi: “Mày muốn làm Đường Thế Dân hả?” Xuân đáp: “Tiểu tử cứ nghĩ Thánh phụ đã già, nên không muốn làm tổn thương tới hòa khí, sợ ảnh hưởng tới bậc cao niên. Chứ nếu như được phép làm một Lý Thế Dân thì có gì là khó”. Vương nổi giận ùng ùng nói: “Mày bảo tao tuổi già à? Vậy sao còn dấy quân làm loạn trong thành để đến nỗi quân thân phải di chuyển hết nơi này đến nơi nọ. Tất cả những điều mày làm không khác chi lắm so với thái độ của bọn Mạc Độc , Dương Quảng vậy mà còn dùng những từ rối rắm rỗng tuếch để trang sức, ai tin nổi mày”. Nói rồi, liền sai viên Chương giám Bùi Sĩ Lâm lôi Xuân ra chém. Bấy giờ Phụng quốc công Trịnh Đỗ can rằng xét tình máu mủ, lại có công lao, xin giảm tội cho Xuân

hai bậc. Vương lại ra lệnh thịch chữ vào mặt. Thế là Bùi Chưởng giám sai người áp giải Xuân đi, dùng búa chặt cả hai chân, rồi vất ra nhà ngoài, Xuân đau quá mà chết.

Phụng quốc công Trịnh Đỗ nhân đó sai con trai của mình là Thạc quận công đến chợ Nhân Mục đón Thế tử về bản dinh, chuẩn bị vào hầu bệnh Vương. Thế tử bèn cùng Thạc quận công cưỡi chung một con voi mà đi. Lúc này Lưu Đình Chất biết rất rõ việc cha con Trịnh Đỗ âm mưu làm bậy, bèn rảo bước tới trước mặt can rằng: Thạc quận công là tên phản nghịch, mình công không thể cùng đi với hắn ta được đâu”. Thế tử nghe nói như vậy, lập tức ra lệnh cho Thạc quận công cứ về dinh trước, còn Thế tử thì tự chinh đồn binh mã về đóng ở Ninh Giang . Ngày Kỷ Mão 20, vào khoảng giờ Tý, canh ba, Thế tử bèn truyền sai thuộc tướng đem binh mã đến doanh trại của của Phụng quốc công đón xa giá Vương phụ đưa tới Ninh Giang. Trời vừa sáng rõ đã đến doanh trại. Quan Thừa sai vào bên trong báo cáo việc rước giá xong xuôi. Ngày hôm ấy, Vương sai Đỗ Lâm đi hộ tống xa giá, đến quán Thanh Xuân, huyện Thanh Oai thì Vương mất. Hôm sau, ngày Canh Thìn, Thế tử tới Ninh Giang phát tang, rồi sai Hợp quận công sửa soạn mười chiếc thuyền rước linh cữu theo đường thủy đưa về an táng tại Thanh Hoa.

Thế tử lại thân hành dẫn các quan văn võ đại thần cùng các doanh cơ binh lính trong nước phò Hoàng thượng theo lối tắt đi từ xã Bất Đoạt, huyện Kim Bảng ra đường chính về giữ đất căn bản để lo tính việc dẹp loạn.

Lại nói Thảng quận công Cảnh Hà đem quân tới Nghệ An. Nghe tin Nhạc quận công đóng quân ở xứ Vạn Lô, huyện Đông Thành. Cảnh Hà bèn dõng quân bản bộ cùng voi ngựa đến đóng ở chợ Sa Nam, huyện Nam Đường để xem động tĩnh. Đến khi nghe kinh thành có biến, tin Bình An Vương mất cũng vừa loan tới Nghệ An. Thảng quận công lập tức ngay ngày hôm đó đốc quân đến xứ Vạn Lô vây chặt phủ đệ của Nhạc quận công. Nhạc quận công được tin, vô cùng sợ hãi, bèn áo mũ tươm tất, nghi vệ tề chỉnh, ra ngoài doanh trại tiếp đón. Hai người sau khi chào nhau, cùng đi vào một ngôi nhà bên cạnh ngay trước cửa doanh trại. Sau khi ngồi yên, Nhạc quận công lên

tiếng hỏi: “Già này bất tài, vâng mệnh giữ nơi phiên trấn, vốn không hiềm khích với ai, vậy mà nay bỗng được tin Phò mã Nguyễn lang mang quân tới áp sát doanh trại, khiến già này phát hoảng là có làm sao? Cảnh Hà đáp: “Bậc Lão tướng của nước nhà lòng trung thành thấu nhật nguyệt. Nếu nghe có mệnh vua, đến trước để nhận lãnh, thì việc gì mà phải ngờ sợ! Nay Vạn quận công nổi loạn ở Kinh kỳ, đã bị giết chết. Còn Chúa ông thì bỏ đô thành chạy loạn, đã mất ở dọc đường. Vương thế tử đưa Hoàng thượng cùng toàn bộ văn võ bá quan, voi ngựa, quân thủy bộ thuộc các doanh cơ về giữ đất căn bản, nhân đó phái người đi suốt đêm tới báo tin. Có mặt chỉ sai Tiểu tướng tôi đem binh mã bản bộ tới đây đón Thái tế trưởng quan vào châu để cùng bàn việc nước, ổn định quốc gia. Mong Thái tế trưởng quan sớm tuân mệnh đừng cớ bỏ mọi mối nghi ngờ”. Nhạc quận công nói: “Quyền sinh quyền sát là do tự bề trên, tôi không phải là kẻ bất trung, việc gì phải lẫn tránh!” Nói rồi liền gọi quân lính sắp hương đèn, bày nghi trượng cùng Thằng quận công làm lễ. Lễ xong, thu dọn của cải cùng binh mã kéo tới phủ Yên Trường ở Thanh Hoa. Đến Yên Trường, gặp lúc linh cữu của Chúa ông cũng vừa về.

Chờ đưa xong linh cữu tới sơn lăng, Thằng quận công dẫn Nhạc quận công vào ra mắt Vương thế tử tại cửa quán. Vương thế tử xin gia thưởng tước phẩm cho Cảnh Hà. Cảnh Hà tạ ơn lui ra. Còn như việc Nhạc quận công sau khi vào châu mệnh hệ như thế nào, ký giả không được rõ, không dám ghi chép tùy tiện.

Lại nói Mạc Khánh Vương Kính Khoan tiếm giữ đất Cao Bằng đã lâu. Sau khi Kiên Thống mất, Kính Khoan liền lên ngôi, đổi niên hiệu là Long Thái. Đến nay nghe trong nước có loạn, bèn tập hợp bọn lưu manh, dân làm thuê ở mướn nhân lúc sơ hở đến thẳng huyện Gia Lâm, đóng quân tại các nơi như Đông Dư, Thổ Khối. Bọn dân ô hợp hưởng ứng có tới hàng vạn. Như mạn phía bắc có Triều Kỳ, mạn phía tây có Địch Quận, vùng Sơn Nam có Xuân Quang. Chúng chiếm cứ cả bốn trấn, làm xáo động lòng người. Lại đào hào đắp lũy, phương dân không được nghỉ ngơi.

Tin tức truyền vào Thanh Hoa, triều đình bàn việc chia quân tiến đánh. Lương thảo khí giới cũng được gấp rút chuẩn bị. Sang tiết Mạnh Thu , tấn phong Vương thế tử Thái phó Thanh quận công Trịnh Tráng làm Hiệp mưu đồng đức công thần Đô tướng Tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh kiêm Tổng nội ngoại binh chương quân quốc trọng sự Thái úy Thanh quốc công, giao cho xử quyết các việc trọng yếu.

Tháng 8, quan Tiết chế thân đem quân tiến đánh vùng thượng lộ Sơn Nam. Bỗng có tin thám báo nói rằng quân của ngụy Xuân Quang đang chằng rào đắp lũy ở phía ngoài Châu Cầu. Ngày Kỷ Mão 21, quan Tiết chế chia quân tiến đến Lạc Trường đốt cháy rào lũy, cả phá đảng giặc Xuân Quang ở Châu Cầu. Quân giặc thua chạy. Quan quân đánh thẳng tới. Ngày Giáp Thân đến sông Nhị, thủy bộ cùng gặp nhau. Quan Tiết chế lại dẫn quân đến địa phương Gia Lâm cả phá quân Mạc, chém giết rất nhiều. Vua Mạc Long Thái Kính Khoan chỉ một mình chạy trốn vào rừng núi. Kinh thành cung cấm bốn bề trở lại yên tĩnh.

Tháng 9, quan Tiết chế thấy trong nước đã yên, bèn sai Bồi tụng Hộ bộ Tả thị lang Diễn Gia hầu Lê Bật Tứ cùng bọn Chương giám Thái bảo Nhạc quận công Bùi Sĩ Lâm vào Thanh Hoa đón thánh giá về Kinh sư.

Đến tiết Mạnh Đông , xa giá về đến hoàng cung. Từ đấy trong nước không còn mất ổn định nữa. Phủ Tiết chế bèn phân loại các tướng lĩnh có công trong trận Gia Lâm tâu lên để thăng thưởng. Hoàng thượng đưa xuống cho triều đình bàn bạc. Xong đâu đấy, giao cho Bộ Lại thi hành.

Ngày ấy Thăng quận công có nhiều huân vọng, được nhận sắc mệnh ban thưởng, thăng làm Đô đốc thêm sự. Lời văn tờ sắc như sau:

“Sắc cho Dương vũ Uy dũng công thần Đặc tiến phụ quốc thượng tướng quân Cẩm y vệ Đô chỉ huy sứ Chương vệ sự Thăng quận công, đã được quan Khâm sai Đô tướng Tiết chế thủy bộ chư doanh kiêm tổng nội ngoại Binh chương quân quốc trọng sự Thái úy Thanh quốc công sai đi đánh giặc ở vùng Đông Dư, Thổ Khôi thuộc đạo Gia Lâm, có công hơn những người

khác, đáng thăng chức phẩm. Triều đình đã bàn bạc, gia thăng chức Đô đốc Thiêm sự Thăng quận công trụ quốc thượng trật. Vậy nay ban sắc.

Ngày mồng 5 tháng 10 nhuận,

niên hiệu Vĩnh Tô thứ năm (1623).

Các tướng bái nhận sắc mệnh, tạ ơn lui ra. Ngày hôm sau, triều thần văn võ cùng họp lại xin sách phong cho Phủ Tiết chế kế tập tước Vương. Hoàng thượng khen ngợi công lao lớn của Phủ tiết chế, nhân đó sai Bộ Lễ chuẩn bị các nghi thức để tiến hành lễ sách phong. Chọn được ngày Đinh Mão tiết. Đông Chí , sai Thiệu phó Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mang kim sách tấn phong làm Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương. Văn Giai vâng mệnh bưng kim sách đến Phủ Tiết chế làm lễ tuyên đọc. Lời kim sách rằng:

“Lòng trời mở vận trung hưng, tất sinh ra người hiền để giúp xã tắc. Làm vua cầm cân nảy mực, tất ban cho hậu tước để rạng công lao. Chọn được ngày lành, ghi vào kim sách. Nay Hiệp mưu đồng đức công thần Đô tướng Tiết chế các xứ thủy bộ chư doanh kiêm Tổng nội ngoại Bình chương quân quốc trọng sự Thái úy Thanh quốc công Trịnh Tráng là bậc đức nghiệp như người trước, anh hùng vượt cổ nhân. Khi cầm quân trăm trận oai phong, dẹp yên hải nội. Lúc sách lập mọi người tin phục, dựng lại nước nhà. Xiêm khôn làm rạng vẻ người mệnh sử ban cho tước trọng. Đặc biệt sai quan Lại bộ Thượng thư chương Lục bộ sự kiêm Ngự sử đài Đô ngự sử Thiệu phó Lễ quận công Nguyễn Văn Giai mang kim sách tấn phong làm Nguyên soái thông quốc chính Thanh Đô Vương, ban cho áo mũ phẩm phục, thưởng cho châu ngọc ruộng nương. Mong hãy tuân pháp độ giữ công danh, cẩn thận trong chức vụ, kính theo lời dạy trước; dốc lòng trung hưởng tước lộc, xứng đáng với bậc vương, sánh phúc với nước nhà. Vương kính theo đó.

Ngày 11 tháng 11, niên hiệu Vĩnh Tô, thứ năm (1623)”.

Sau khi Văn Tổ Nghị Vương nhận kim sách, Hoàng thượng lại nhớ tới công đức của tiên Thánh Vương nhân đó sai quan bưng kim sách đến truy phong

là Cung hòa khoan chính Triết Vương. Nghị Vương rước kim sách vào phủ đường bái nhận. Lễ xong, bấy giờ Vương lại nhớ tới những người mẫn cán, tiết nghĩa, có công lao trong số văn võ bá quan, bèn sai phân loại thăng thưởng, không để sót một người nào. Nhân đó tâu danh sách lên xin phong thưởng thêm. Thật là:

Tứ hải nhất gia đồng khánh hạ

Tam công cửu phẩm nhận gia thắng.

Nghĩa là:

Bốn biển một nhà cùng khánh chúc,

Tam công, cửu phẩm mặc gia thắng.

Không biết ý bề trên như thế nào, chờ xem tiết sau sẽ rõ.

Tiết Thứ Tư

Thanh Đô Vương đại cử phạt Cao Bằng

Nguyễn Cảnh Hà phụng đặc tứ tính Trịnh

Nghĩa là:

Thanh Đô Vương mang đại quân đánh Cao Bằng.

Nguyễn Cảnh Hà được nhà chúa ban họ Trịnh

Hoàng thượng Vĩnh Tộ nghe lời tâu, bèn ra tờ chiếu treo ở bên ngoài cửa Đại Hưng rằng: “Phàm các quan văn võ cùng trăm họ quân dân, ai vào năm Quý Hợi (1623) có công đi theo và tiến phát về Kinh, đủ cả hai công ấy thì

được thăng chức tước, vinh phong cho chữ công thần, theo thứ bậc khác nhau” . Bộ Lại phụng chiếu thi hành.

Ngày đó Thăng quận công có theo Thanh Đô Vương đi đánh giặc lập công, được gia thăng là Đô đốc đồng tri, vinh phong là Dực vận tán trị công thần. Sắc văn như sau:

“Sắc cho Dương vũ Uy dũng công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc thêm sự Thăng quận công trụ quốc thượng trật Nguyễn Cảnh Hà đã đi theo Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương đánh giặc vào tháng 8 năm Quý Hợi, công phá ngụy Xuân Quang tại Châu Cầu có công, triều đình bàn bạc, đáng được thăng chức Đô đốc đồng tri, vinh phong mỹ tự Dực vận tán trị công thần, nay làm Dương vũ Uy dũng Dực vận tán trị công thần Đặc tiến phụ quốc Thượng tướng quân Nam quân Đô đốc đồng tri Thăng quận công trụ quốc thượng trật. Vậy nay ban sắc.

Ngày 16 tháng 11, niên hiệu Vĩnh Tộ thứ bảy (1625)”.

Thăng quận công cùng các tướng theo chức phận vái tạ ân mệnh lui ra, đây không nhắc tới nữa.

Lại nói tháng 7, mùa thu năm Vĩnh Tộ thứ tám, Bính Dần (1626), Thanh Đô Vương cho rằng họ Mạc còn chiếm cứ Cao Bằng, nay nhân dịp nước thu lên to, truyền lệnh lợi dụng nước thủy triều đem thủy quân tiến đánh. Tháng ấy quan quân rầm rộ lên đường, lấy Đô đốc đồng tri Thăng quận công Nguyễn Cảnh Hà làm tiên phong. Tới Cao Bằng quan quân dàn trận nhận quyết chiến. Quân Mạc củng cố thành lũy để tự giữ. Vương bèn cắt quân công phá thành lũy. Lúc này Cảnh Hà đốc thúc lính xông lên phá lũy, đốt cháy doanh trại ngụy Mạc. Quân Mạc ai nấy đều bỏ sào huyệt chạy trốn. Quân Vương thắng lớn khai hoàn, kê rõ thành tích tâu lên. Vua xuống chiếu phàm những ai thuộc cơ đội các doanh có công trong đợt tiến đánh Cao Bằng, diệt trừ giặc Mạc đều được gia thăng chức tước, Bộ Lại theo đó thi hành.

Hồi này Thăng quận công cũng có dự phần công tích được thăng Tả Đô đốc và được cấp thêm binh dân. Sắc văn như sau:

“Sắc cho Dương vũ uy dũng dực vận tán trị công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Nam quân Đô đốc phủ Đô đốc đồng trị Thăng quận công trụ quốc thượng trật Nguyễn Cảnh Hà đã đi theo Nguyên soái thống quốc chính Thanh đô Vương đánh giặc Mạc ở Cao Bằng biết chấp hành mệnh lệnh, hăng hái xông lên đốt cháy doanh trại quân nguy, có công. Triều đình đã bàn bạc, đáng được thăng chức Tả Đô đốc, nay cho làm Dương vũ Uy dũng Dực vận tán trị công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả đô đốc Thăng quận công trụ quốc thượng trật. Vậy nay ban sắc.

Ngày tháng 4 nhuận,

niên hiệu Vĩnh Tộ thứ mười một (1629)”.

Thăng quận công và các tướng sau khi nhận ân mệnh ai nấy trở về với chức trách của mình.

Năm đó vì hạn hán đói to, Thượng hoàng bèn đổi niên hiệu là Đức Long, đại xá thiên hạ.

Mùa đông tháng 11, sai quan mang kim sách và ngọc chương tấn phong Nguyên soái thống quốc chính Thanh Đô Vương làm Hiệp mưu đồng đức công thần Đại Nguyên soái thống quốc chính sư phụ Thanh Vương.

Đến năm Dương Hòa thứ tư (1638), Vương lại tự mình đốc thúc quan quân tiến đánh giặc Mạc ở Cao Bằng. Quân Mạc chạy tán loạn. Vương bèn chinh đồn quân ngũ trở về Kinh.

Năm sau, nghe hai huyện Chí Linh, Đông Triều cấp báo với triều đình rằng dư đảng của họ Mạc lại về chiếm cứ địa phân Hồi Trang. Vương sai Tả Đô đốc Thăng quận công đem binh mã bản bộ thăng tới Hồi Trang để tóm bắt đảng nguy, vỗ về dân chúng địa phương. Thăng quận công nhận lệnh ra đi, chỉ trong ba bốn hôm đã tới Hồi Trang, quả nhiên bắt được dư đảng nguy đóng cũi giải về Kinh sư, chiêu an trăm họ. Dân chúng cả một vùng đều nhờ đó được yên. Thanh Vương nghe tin, liền sai quân tới với Thăng quận công về Kinh, gia thăng làm Thiếu bảo Tả Tư mã, cho đổi họ tên là Trịnh Tông.

Từ đấy con cháu khi đặt tên đều đổi bộ thủy bên cạnh ra bộ mộc . Bấy giờ nhà nước xem Thăng quận công như tay chân tâm phúc, do đó trọng dụng, cho phép vào triều dự bàn chính sự, cấp cho quân 4 nghìn, dân bốn huyện Nam Đường, Chân Phúc, Phù Dung, Thanh Miện, ngựa hơn một trăm con, voi đực ba mươi thớt, cùng thuyền son, thuyền sắt, thuyền cỏ không thể nào kể hết (ghi chú: Họ Nguyễn từ đời Tấn quốc công đến giờ, triều đình đã chuẩn cấp dân hai huyện Nam Đường và Chân Phúc, cho phép được liên cai liên doanh. Đến Thăng quận công, do có công trong việc vỗ về nhân dân hai huyện Đông Triều và Chí Linh, khiến miền đất này trở nên ổn định và yên tĩnh, được cấp thêm cho hai huyện nữa là Phù Dung và Thanh Miện để hàng quý thu thuế dùng làm bổng lộc).

Tháng 3 năm Quý Mùi (1643), do họ Nguyễn ở Thuận Hóa trở mặt không thuần phục, Vương bèn phò loan giá tiến vào châu Bố Chính , đóng quân tại An Bài (tên xã) liệu định quân cơ, trao phương lược cho các tướng. Bấy giờ thống lĩnh các doanh trại đều dàn trận sẵn để chờ. Sang tháng hè, Hoàng thượng thấy phương Nam khí hậu oi bức khó bề ở lâu, bèn xuống chiếu đưa quân về . Vương do vậy đốc thúc các tướng phò xa giá, chấn chỉnh đại quân trở lại Kinh.

Mùa đông, tháng 10, Hoàng thượng xuống chiếu truyền ngôi cho Hoàng thái tử Duy Hựu. Thái tử lên ngôi ở điện Cần Chính, đổi năm ấy thành Phúc Thái năm thứ nhất.

Chân Tông Thuận Hoàng đế sau khi lên ngôi, đã rộng ban ân trạch, tất cả quan viên văn võ đều được thăng một bậc.

Bấy giờ Thăng quận công cũng được kính nhận ân mệnh thăng làm Thiếu phó, Bài chế văn như sau:

“Hoàng thượng chế rằng: Nhận đế vị tự gia truyền, mới lên ngôi báu: cho Lão thần được tước trọng, đền đáp công lao. Mến người hiền tài, bèn ban chiếu sắc. Dương vũ Uy dũng dực vận tán trị công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc Thiếu bảo Tả Tư mã Thăng quận công trụ quốc thượng trật Trịnh Tông, xuất thân danh tướng, dòng

giống nhà Vương. Lòng trung nghĩa dâng hiến quốc gia, càng bền thần tiết, hậu tước lộc về vang nhà cửa, mãi hưởng phúc lành. Trước kia đã có huân danh, nay lại được gia phẩm trật. Thế là thang mây nhẹ bước. Thiếu phó vinh thăng. Lấy đó mà đáp lại công dày, lấy đó mà rọi lên ân lớn. Ôi! Chính công kê ở Sư lục, trăm đã ở vào thời chính thủy rồi : Tòng sự tiến ở Khôn tam, khanh đang giúp nghiệp trung hưng đấy . Kính thay! người gắng hòa hợp đừng trái mệnh trăm. Nay nhân lúc lên ngôi đổi niên hiệu, Đại Nguyên soái thống quốc chính Sư phụ Thanh Vương có xin thăng cho những quan viên văn võ có công mỗi người một bậc, đã đưa xuống cho triều đình bàn bạc, đáng thăng cho người chức Thiếu phó, nay cho làm Dương vũ Uy dũng Dực vận tán trị công thần Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Đô đốc phủ Tả Đô đốc Thiếu phó Tả Tư mã Thượng trụ quốc thượng trật.

Ngày tháng 11, niên hiệu Phúc thái tử thứ nhất (1643)”.

Bấy giờ Thăng quận công đã ngoài sáu mươi tuổi. Vương nghĩ tình già cả, bảo vào hầu trong nội các, cho kỷ trượng để dưỡng lão. Đến ngày Giáp Dần, mùng 6 tháng 9 năm Ất Dậu (1645), Thiếu phó Tả Tư mã Thăng quận công Trịnh Tông mất, thọ 63 tuổi. Thanh Vương nghe tin, thương xót vô vùng, ra lệnh bãi chầu ba ngày, ban cho hai ngàn quan tiền cổ, sai quan đem mười lăm chiếc thuyền chiến đưa linh cữu Thăng quận công về bến sông xã Hoa Lâm, huyện Nam Đường, Nghệ An. Bà con xóm làng khiêng linh cữu quàn tại một ngôi nhà lá, chọn ngày an táng tại xứ Cồn Công thôn Thượng Thọ, rước Thần chủ về xã Đại Toàn cử hành tế lễ lớn. Mọi việc đều hoàn thành tốt đẹp.

Thăng quận công sinh được mười một người con trai tám người con gái, Phổ ghi như sau:

Người con trai cả là Cảnh Quế (mẹ họ Phạm, con gái của Lai quận công). Lấy Trịnh Thị Ngọc Loan, con gái của Văn tổ Nghị Vương. Làm quan đến chức Tả Đô đốc phó tướng Liêu quận công. Người con trai thứ hai là Cảnh Ích, làm quan đến chức Đề đốc Gia quận công. Lấy công chúa Trịnh Thị Ngọc Cẩn. Cảnh Cẩn (có bản chép là Cảnh Lương) được phong Hán Dương

hầu, làm quan đến chức Tham đốc. Cảnh Ý, được phong Cẩm Thụy hầu. Cảnh Lâm, được phong Phú Thuận hầu. Cảnh Thuyên được phong Đông An hầu . Cảnh Nghị (mẹ họ Hạ húy Sử, là con gái thứ hai của Hạ Đào Nhân ở Đông Thành, được ẵm phong Á phu nhân) làm quan đến chức Chính đội trưởng, phong Luân Nghĩa Hầu. Cảnh Khuê được phong Dĩnh Xuyên hầu. Cảnh Đồng (có bản chép là Cảnh Chu) được phong Tuyên Nghĩa hầu . Cảnh Cái được phong Trí nghĩa Hầu. Cảnh Thụ (cùng mẹ với Luân Nghĩa hầu Cảnh Nghị) được phong Chí Thuận Nghĩa hầu. Người con gái lớn là Ngọc Thơm làm phi tần của vua Thần Tông, sinh Hoàng tử trưởng chưa kịp phong Thái tử đã chết. Người con gái thứ hai là Ngọc Tài, gả cho Nghĩa quận công, Ngọc Thuấn (có bản chép là Ngọc Thoa) gả cho Vân Nham hầu, Ngọc Hựu (có bản chép là Ngọc Hữu) gả cho Toàn Trung hầu. Ngọc Hiên gả cho Ân Vĩnh hầu, Ngọc Triều , Ngọc Tuất gả cho Hào Lương hầu. Ngọc Giao gả cho người trong bản xã). Con nuôi là Lê Duy Lệ (có bản chép Duy Phất) và Nguyễn Cảnh Đang cháu ruột là Nguyễn Cảnh Tường .

Gái trai lớn bé cả thầy hai hai người, đều được lệnh chia đều ruộng đất, vàng bạc, tiền nong, tôi tớ. Ai lãnh phần nấy, cùng hòa thuận với nhau.

Các nha môn ở Đô Lương, Hoa Lâm, Đồng Luân, Thượng Xá, Yên Đại... thì lấy ruộng ao, vườn nhà nơi đó dùng vào việc tế tự đèn nhang, lưu truyền muôn đời, để cho họ Nguyễn được dài lâu. Lập văn khế, chúc thư làm bằng, để tránh việc tranh chấp.

Công việc nhà sắp đặt đâu vào đấy, tháng 12, gia đình cùng vào Kinh tạ ơn. Văn Tổ Nghị Vương cho mời vào phủ đường, nói với người con trai cả là Lộc Nghĩa hầu rằng: “Gia đình nhà ngươi làm bề tôi đã ba bốn đời rồi, một lòng trung nghĩa giúp rập quốc gia, trong thì phò vua chúa, ngoài thì chống giặc nghịch, công lao rất lớn. Thân phụ của ngươi tuổi già, vào triều đình chưa được bao lâu, rốt cục đã ra đi, ta vô cùng thương tiếc. Nay đem số binh dân ở Nam Đường, Chân Phúc, cùng số tô thuế ở Thanh Miện, Phù Dung đã cấp trước đây chia đều cho con cái để cùng được hưởng ân huệ”.

Xưa kia, Thằng quận công lấy người con gái lớn của Tả Tư mã Lai quận Phạm Công, người xã Đa Lộc, huyện Yên Định. Đến năm Kỷ Hợi (1599), sinh Cảnh Quế, phong Lộc Nghĩa hầu, lấy con gái của Văn Tổ Nghị Vương là Trịnh Thị Ngọc Loan. Sau đó, nam đánh Thuận Quảng, bắc dẹp Cao Bằng, Cảnh Quế đều theo chúa ra mặt trận, có nhiều chiến công. Đến năm Mậu Ngọ (1678) niên hiệu Vĩnh Trị, họ Mạc lui về địa giới phong cấp, xin được cư xử như khách của họ Ngu. Đại quân khái hoàn bình công khen thưởng, Cảnh Quế nhiều lần được thăng chức, đến Tả Đô đốc Phó tướng, tước Liêu quận công.

Từ đó thiên hạ thái bình, cửa nhà vinh hiển, võ bụng, gỗ gổm, khắp chốn đều xuân. Phàm những người rong chơi trên đại lộ, không ai là không khoác tay nhau tha thẩn, ngồi xếp bằng trong hàng quán mà gọi to lên rằng:

Mãn chúc từ thương tha quân tử,

Tương lai đại trở nhĩ đồ phu!

Nghĩa là:

Rượu đầy rót tiếp, ơi ông quán,

Thốt lớn mang ra, hỡi nhà hàng!

Mới hay: Từ chuyện người thầy thuốc tiếp được ông già say rượu ở Sa Nam, biết được ngày hôm nay quán rượu tiếp được rất nhiều tửu khách. Từ chuyện kể qua đường mắng chó sủa ở Ngọc Sơn, biết được ngày hôm nay hàng thịt bày bán rất nhiều món ngon lành. Chẳng qua là có rượu thịt thì say, không có thịt thì không no. Một say, một no, lẽ nào không phải khởi đầu từ điềm lành khách say rượu ở Sa Nam? Đến như chuyện dấy nên sự nghiệp, là nhờ gặp thời sáng sủa, sống giữa buổi vô lo, còn biết nói gì thêm.

Dựa vào các bản cựu ký, soạn nên thiên truyện này. Mong người xem đính chính cho, may ra khỏi bị cười chê.

Phụ bản

Bản chụp một số trang Hoan Châu ký

Bản B3 do Nguyễn Cảnh Thăng phụng chép năm Thành Thái thứ 6 (1894)

Bản lưu tại Viện nghiên cứu Hán Nôm, tên là Nguyễn Cảnh gia phả - ký hiệu VHy. 3588

。厥初鼻祖諱品東潮千里人也胡未吳
人南侵祖避亂入清花之嘉遠後流入
驪州香山循理社辰兵革時擾遷
徙無常幸遇

黎太祖起兵藍山剪除吳賊天下大定
祖始達岸過南塘縣長洞花林東烈等



Trang bìa
Ký hiệu lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm

成泰陸年陸月初玖日阮景昇奉抄家
譜大全一卷天

天之轉也、地之振也、大地生我祖享

嶺于山高、蓋江之水秀、真名相

出才大有爲、芳流青劍輔佐 黎皇

圖大定後世子孫享國恩長、萬代

VH. 3588

社就在玉山津下、以橫渡舟渡人、為崇順、天庚戌
年、擯造戶籍、因著入玉山村人、晚年不記、塋處不記
其生子名律、律從父居玉山村、其父終、律遂以
灸血針為崇、因語其性本善、人多愛之、因結屋居
于山下、但時亂之後、尚有凶荒、民飢饉、千里之途
通無開墾、律居山下、得五畝、一日肩掛簞瓢、

。厥初鼻祖諱品東潮千里人也胡未吳
人南侵祖避亂入清花之嘉遂從流入
驪州香山循理社辰兵革時擾遷
徙無常幸遇

黎太祖起兵藍山剪除吳賊天下大定
祖始達岸過南塘縣長岡花林東烈等

望東顧社乍果村而呼燒者繞到社姓處仰見林叢
岑巒數道既荒蕪行未數步忽聞晚啼起山精跨
出而阮律影墜虎不忍食以爪搗封壘次年不
記王叔子錄有人加於本朝加贈封律為國相忠楊王所生得長
男諱頤見父不返求卜於市卜者善推易理捧柳錢
問己巳日辰得震之二且以虎壘語之頤謝畢

冷和酒勻飲之。又令以黑豆牛膝煎湯搽塗其外。
病畢辭去。應者依囑常服。纔得月餘而愈。
行步康健。遂率徒弟逕往玉山匡家報義。辰
源方長幼藥味同有大同客至。即降階迎入。賓
主安席。待以紅飯。茶羹。各設饌。源家酌是。其
酸風味。而前日賣藥。竟不滙水價。因怪問曰。

家君勤苦須要採囊以給日用奈昨者為戒頗
文反作辭戲為我者父不忍索取將陋齋節婦
待郎灑答曰此藥雖是療方而價則平易不到
那戲豈可欺人濫取老翁曰此種善人仁心天必有
報語畢解回數日後使親孫牽沙牛一隻往
五山村以謝匿者既灑既得年富用聖山

下隴田耕重立業却說大同^社有一姓朱因遠
遊山水間見一老翁眉髮尽白面如紅棘^東有一
童後掛罽經而偏攬乾坤世界無所不到焉
遂以為術家大率因與他結友潛心迎請^君
吉地老翁以他阻期趣限以冬來再會于大同不
負其約仍各戲別後老翁依期循途而往方

到沙南市、但見魚鮮、呈酒店、童粉肆、脯亭、喚
客、美妹、招手、接、長途、遊、可、適情、寧、適情、寧
者、匪、特、壯、遊、抑、亦、老、情、有、所、款、慕、遂、定、裳、入、館、
以為大同亦遠、終顏影同子干已作經耐矣能不知以爲親足雖程路盡括袖中、
藏、杖、棹、童、從、眼、迷、尾、水、貴、人、之、步、尚、寬、遲、不、覺
始到花林、終顏影同子干已作經耐矣能不知以爲親足雖程路樓頭一望、日已啣山、遂於江沿長

追一遭、俄就到山脚下、望於隱亭、忽見一耕夫
甚偉、向前問曰、耕何人也、耕者曰、吾鄉人也、今往大
同、敬有從曲里路、天色尚晴、蹙步其可及否、耕
者曰、程路尚遠、天氣將暮、况山勢極目、惡獸害
人處上_處驚患、又有開防相警、予者何不覓一
人家、牧宿、尚在淹留野路、即老翁喟罷、心重



Trang bìa
Ký hiệu lưu trữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm

成泰陸年陸月初玖日阮景昇奉抄家
譜大全一卷天

天之轉也、地之振也、大地生我祖享

嶺于山高、蓋江之水秀、真名相

出才大有爲、芳流書翰輔佐 黎皇

圖大定後世子孫享國恩長、萬代

VH. 3588

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Trụ sở chính tại Hà Nội:

46 Trần Hưng Đạo - Hà Nội - Việt Nam

Điện thoại: (84-4) 3 825 3841 – 3 8 262 996 - Fax: (84-4) 3 826 9578

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (84-8) 3 8 220 102

Email: thegioi@hn.vnn.vn

Website: www.thegioipublishers.com.vn

THIÊN NAM LIỆT TRUYỆN HOAN CHÂU KÝ

Chịu trách nhiệm xuất bản: TRẦN ĐOÀN LÂM

Biên tập: ĐÔNG VĨNH

Trình bày: NGUYỄN THỊ HÀ

Thiết kế bìa: KHÔI VŨ

Sửa bản in: TIỂU KHÊ

In 1.000 bản, khổ 13 x 20.5 cm tại Công ty Cổ phần In và Thương mại PRIMA.

Số đăng ký kế hoạch xuất bản 85-2011/CXB/10-208/ThG, cấp ngày 17/01/2011.

In xong và nộp lưu chiểu quý I-2011.

Table of Contents

[Lời bạt](#)

[Hồi Một: Tiết Thứ Nhất](#)

[Tiết Thứ Hai](#)

[Tiết Thứ Ba](#)

[Tiết Thứ Tư](#)

[Hồi Hai: Tiết Thứ Nhất](#)

[Tiết Thứ Hai](#)

[Tiết Thứ Ba](#)

[Tiết Thứ Tư](#)

[Hồi Ba: Tiết Thứ Nhất](#)

[Tiết Thứ Hai](#)

[Tiết Thứ Ba](#)

[Tiết Thứ Tư](#)

[Hồi Bốn: Tiết Thứ Nhất](#)

[Tiết Thứ Hai](#)

[Tiết Thứ Ba](#)

[Tiết Thứ Tư](#)

[Phụ bản](#)

Table of Contents

[Lời bạt](#)

[Hồi Một: Tiết Thứ Nhất](#)

[Tiết Thứ Hai](#)

[Tiết Thứ Ba](#)

[Tiết Thứ Tư](#)

[Hồi Hai: Tiết Thứ Nhất](#)

[Tiết Thứ Hai](#)

[Tiết Thứ Ba](#)

[Tiết Thứ Tư](#)

[Hồi Ba: Tiết Thứ Nhất](#)

[Tiết Thứ Hai](#)

[Tiết Thứ Ba](#)

[Tiết Thứ Tư](#)

[Hồi Bốn: Tiết Thứ Nhất](#)

[Tiết Thứ Hai](#)

[Tiết Thứ Ba](#)

[Tiết Thứ Tư](#)

[Phụ bản](#)